

H I NG THI THPT QU C GIA 2016
H I NG THI H C VI N TÀI CHÍNH

K T QU THI THPT QU C GIA N M 2016
C M THIS 20 - H C VI N TÀI CHÍNH

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1	HTC000001	H NG TH Á	11/12/1998	N	1.25	5				2	3.5		
2	HTC000002	D NG TR NG AN	11/09/1998	Nam	5.25	6	5.8	4.6				2.75	
3	HTC000003	HÀ HOÀNG AN	10/06/1998	N	6.25	8.5				8		6.25	
4	HTC000004	HOÀNG TRUNG AN	09/03/1995	Nam		3				5.5	6.5		
5	HTC000005	LÊ MINH AN	24/07/1996	Nam		6.5				8.5	7.5		
6	HTC000006	NGUY N BÌNH AN	12/07/1998	Nam	2.75	5					4	2.25	
7	HTC000007	NGUY N TH AN	22/10/1998	N	6.5	7	6.6					3.28	
8	HTC000008	NGUY N TH THÚY AN	27/03/1998	N	3.5	8.5				8.25	8	2.38	
9	HTC000009	NGUY N THU AN	22/12/1998	N	5	6.5	5.4					4.3	
10	HTC000010	NGUY N V N AN	02/02/1997	Nam	6		6.4	5.6					
11	HTC000011	T TH AN	04/05/1998	N	3.75	7.5				6	7.5	2.38	
12	HTC000012	BÙI DI P ANH	20/03/1998	N	7.75	7.5	5.8					5.6	
13	HTC000013	BÙI C ANH	20/05/1997	Nam	5.25	6						3.98	
14	HTC000014	BÙI TI N ANH	23/09/1996	Nam	2	2.5	2.4	5				1.63	
15	HTC000016	BÙI VĂN ANH	18/09/1997	N	7.5	7.5	5.8	4.6				3	
16	HTC000017	CAO HOÀI ANH	30/08/1998	N	1.5	1.5	2.2	3.6			4.5	2.33	
17	HTC000018	D NG MINH ANH	11/09/1998	N	2.75	5.5				9.5	7.25	2.25	
18	HTC000019	D NG NG C ANH	27/08/1998	N	2.75	8				9.5	7	5.35	
19	HTC000020	D NG TH KI U ANH	16/09/1997	N	6.5			6.4	7				
20	HTC000021	D NG TÙNG ANH	22/08/1998	Nam	3.75	5.5	5.2	3.4	6.4			3.25	
21	HTC000022	DUY ANH	20/02/1998	Nam	4.5	5	8.4	6.2		5	7.25	2.7	
22	HTC000023	QU NH ANH	30/04/1998	N	2.75	7	6.2	5.2	5	4.5	4.25	2.13	
23	HTC000024	VĂN ANH	01/08/1998	N	8.5	5	8.6	7.6				4.7	
24	HTC000025	ÀO C ANH	25/05/1998	Nam	6.25	3.5	6	7				2.8	
25	HTC000026	ÀO HU ANH	19/08/1998	N	2.75	4.5	5.4	3.8			4.75	3	
26	HTC000027	ÀO TH TỬ ANH	11/02/1998	N	5.5	5.5	6.6	4.6				2.1	
27	HTC000028	INH PH NG ANH	08/09/1998	N	1.5	4.5					4.75	1.5	
28	HTC000029	INH TU N ANH	02/08/1998	Nam	6	5	7.2	6.6	5.8			1.88	
29	HTC000030	INH VI T ANH	02/07/1998	Nam	6.25	7	4.8					3.25	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
30	HTC000031	NG HUY N ANH	21/08/1998	N	2.75	5		6.8	5.4			2.38	
31	HTC000032	NG NG C ANH	11/12/1997	Nam	5.5			5.2	5.4				
32	HTC000033	NG PH NG ANH	15/09/1998	N	4.25	7					5	2.63	
33	HTC000034	NG TI N ANH	09/07/1998	Nam	4.25	6.5	4.2				5.5	3.63	
34	HTC000035	NG TI N ANH	18/09/1998	Nam	7	5.5	5.4	6					
35	HTC000036	NG TU N ANH	01/01/1998	Nam	2.5	4.5					4.5	2.38	
36	HTC000037	OÀN DUY ANH	09/11/1998	Nam	1.25	4.5				3.5	6	2.75	
37	HTC000038	OÀN VI T ANH	28/10/1997	Nam	3	4					4.75	2.75	
38	HTC000039	HÀ KIM ANH	20/10/1998	N	5.25	7.5				9.5	6.75		
39	HTC000040	HÀ NG C ANH	24/12/1995	Nam		3.5				6.25	6.5		
40	HTC000041	HÀ TH ANH	10/02/1995	Nam		0.75				4.75	5.5		
41	HTC000042	HÀ TH PH NG ANH	10/04/1998	N	5.75	5.5	8.2	8				3.35	
42	HTC000043	HÀN TH ANH	08/12/1998	N	6	7	4.8					4.85	
43	HTC000044	HOÀNG ANH	03/02/1998	Nam	7	8		4.8				7.8	
44	HTC000045	HOÀNG C ANH	05/08/1997	Nam	5			5.8	5.8				
45	HTC000046	HOÀNG C ANH	25/11/1998	Nam	2.25	5.5				5.25	5	2.13	
46	HTC000047	HOÀNG H I ANH	21/12/1998	N	7	8	5					7.23	
47	HTC000048	HOÀNG KIM ANH	22/07/1997	N	6.5		7	7.4	7.6				
48	HTC000049	HOÀNG NG C ANH	10/09/1998	Nam	3	4.5	7.6	4.8				3.9	
49	HTC000050	HOÀNG PH NG ANH	04/04/1998	N	4	6.5					6.25	2.85	
50	HTC000051	HOÀNG TH ANH	08/05/1997	N		7.5				6.5	4.5		
51	HTC000052	HOÀNG TH VÂN ANH	04/07/1998	N	4.25	8					5.25	3.5	
52	HTC000053	HOÀNG TR N ANH	15/10/1995	Nam		4.5				6.5	6.25		
53	HTC000054	HOÀNG TU N ANH	21/08/1997	Nam		5				6.25	6.25		
54	HTC000055	HOÀNG T ANH	07/04/1998	Nam	2.5	5	4.8	5.6	6			3.88	
55	HTC000056	LÊ BUI C ANH	26/07/1998	Nam	6.75	4.5	6.6					8.65	
56	HTC000057	LÊ C ANH	15/02/1995	Nam		3.5				6.5	7		
57	HTC000058	LÊ H I ANH	21/01/1994	Nam		4				4.5	7		
58	HTC000059	LÊ HOÀNG ANH	03/08/1998	Nam	3.75	4	5.4	5	3.6			3.23	
59	HTC000060	LÊ TH LAN ANH	11/08/1997	N	5.25		4.6	4.4					
60	HTC000061	LÊ TH MAI ANH	09/10/1998	N	5.75	8			5.2			6.53	
61	HTC000062	LÊ TH NG C ANH	18/12/1998	N	6.75	4.5	7	4.6				3.05	
62	HTC000063	LÊ TU N ANH	21/10/1998	Nam	7.75	3	8.6	7.6	5.4			2.93	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
63	HTC000064	LÊ TU N ANH	26/03/1997	Nam		5.5				6.75	4.25		
64	HTC000065	L NG M NH ANH	01/09/1998	Nam	6.75	4.5	8.6	7.4	6			3	
65	HTC000066	L U PH NG ANH	19/07/1998	N	8	7	7.4					8.55	
66	HTC000067	MAI KIM ANH	22/01/1998	N	2.25	5				6.5	4	2	
67	HTC000068	NGUY N C ANH	06/04/1998	Nam	6.75	6	6.8					4.95	
68	HTC000069	NGUY N C ANH	29/07/1998	Nam	3.75	6				9.25	7.25	2	
69	HTC000070	NGUY N ÌNH ANH	17/10/1998	Nam	5.75	5.5	7	6.6				2.88	
70	HTC000071	NGUY N HOÀI ANH	03/09/1998	N	6.75	4.5	5.8	7.4	6.8			3.98	
71	HTC000072	NGUY N HOÀNG ANH	02/12/1995	Nam		4				2	3.75		
72	HTC000073	NGUY N NG C ANH	02/11/1998	N	2	5.5		4.4	5.2				
73	HTC000074	NGUY N NG C ANH	20/08/1998	Nam	3.5	6.5					6.75	2.88	
74	HTC000075	NGUY N NG C ANH	25/10/1998	Nam	6.75	3.5	8.8	7.2				2.38	
75	HTC000076	NGUY N NG C ANH	29/03/1998	N	3	5		4.8	3.6			3.5	
76	HTC000077	NGUY N PH NG ANH	04/07/1998	N	1.75	7				4.5	6.25	3.63	
77	HTC000078	NGUY N PH NG ANH	14/05/1998	N	3.5	6.5				5.25	5	2.5	
78	HTC000079	NGUY N PH NG ANH	22/07/1998	N	3.25	7.5				6.25	8	2	
79	HTC000080	NGUY N QU NH ANH	25/05/1998	N	5.75	8					6.5	2.73	
80	HTC000081	NGUY N S HOÀNG ANH	29/05/1998	Nam	3.5	5	4.4	3.8	3.8			3.38	
81	HTC000082	NGUY N TH ANH	05/03/1998	Nam	3.75	5	5.2	3.4	3.8			4.8	
82	HTC000083	NGUY N TH ANH	28/09/1995	Nam		1.5				4.25	5.25		
83	HTC000084	NGUY N TH KI U ANH	30/05/1998	N	5.25	5				3.75	5	3.25	
84	HTC000085	NGUY N TH MAI ANH	21/09/1997	N	6.5	6.5	7.2					3	
85	HTC000086	NGUY N TH NG C ANH	02/10/1997	N	5	6.5	4.8	5.6				3.7	
86	HTC000087	NGUY N TH NG C ANH	21/10/1998	N	5.5	6					3.5	6.9	
87	HTC000088	NGUY N TH PH NG ANH	05/09/1998	N	7.25	7.5	5.8					7.45	
88	HTC000089	NGUY N TH PH NG ANH	18/07/1998	N	6	7	4.2					4.43	
89	HTC000090	NGUY N TH QU NH ANH	19/07/1998	N	5.75	6	6	5.6					
90	HTC000091	NGUY N TH TỬ ANH	12/01/1998	N	4.75	7.5					4.75	2.63	
91	HTC000092	NGUY N TH TỬ ANH	12/02/1998	N	7.25	7	7	5				3.55	
92	HTC000093	NGUY N TH VÂN ANH	08/12/1998	N	5	6.5		4.8				3	
93	HTC000094	NGUY N TH VÂN ANH	09/03/1998	N	1.75	5					2	1.88	
94	HTC000095	NGUY N TR N QUANG ANH	03/05/1998	Nam	5	2.5	5.2	6	5			4.73	
95	HTC000096	NGUY N TRUNG ANH	10/06/1995	Nam		4.5				8.25	5.75		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
96	HTC000097	NGUY N TRUNG ANH	20/05/1997	Nam	2.75	4.5			6.4			3.45	
97	HTC000098	NGUY N TÚ ANH	07/05/1996	Nam		7.5				4.5	6		
98	HTC000099	NGUY N TU N ANH	04/05/1997	Nam	6		5.4	3.2					
99	HTC000100	NGUY N TU N ANH	18/01/1996	Nam		4.5				3.75	5.5		
100	HTC000101	NGUY N VĂN ANH	31/12/1998	N	6.75	6	2.6					4.38	
101	HTC000103	NGUY N VI T ANH	10/08/1998	Nam	6.75	7	7.8					8.53	
102	HTC000104	NGUY N VI T ANH	24/01/1998	Nam	5.5	5.5	6.2					4.35	
103	HTC000105	NGUY N VI T ANH	29/01/1998	Nam	7	5.5	7.6	5.2				3.38	
104	HTC000106	NGUY N VŨ ANH	17/10/1998	Nam	1.75	3	4.4	4.2				2.13	
105	HTC000107	NINH TH VĂN ANH	02/02/1998	N	4	7					3.25	1.75	
106	HTC000108	PHAN QUANG ANH	17/08/1998	Nam	6.25	4.5	7.8					4.48	
107	HTC000109	PHAN TH TRI U ANH	12/12/1998	N	5.25	6				4.25	5.25	2.75	
108	HTC000110	PH M HOÀNG ANH	24/08/1992	Nam	6.25		6	6.2					
109	HTC000111	PH M NG C ANH	16/01/1998	N	3	4.5		5.6	5			2.83	
110	HTC000112	PH M NG C ANH	25/06/1998	N	3.25	6	4.2				5.25	2.25	
111	HTC000113	PH M TH TRÂM ANH	29/09/1998	N	2.5	6					4.75	2.13	
112	HTC000114	PH M TH VĂN ANH	17/10/1998	N	3.5	6	4.2					2.25	
113	HTC000115	PH M TH VĂN ANH	27/01/1998	N	7.5	8.5	6.2					8.68	
114	HTC000116	PHÙNG MAI ANH	23/07/1998	N	5	6	4.8	4.2	5.6				
115	HTC000117	PHÙNG TI N ANH	01/12/1998	Nam	3.5	4.5	8.2	5.2				3.13	
116	HTC000118	QU N TH VĂN ANH	28/02/1998	N	7	8	7					8.03	
117	HTC000119	T NG C ANH	08/10/1998	Nam	6.75	4	6	6.6	6.6			4.35	
118	HTC000120	TRI U MAI ANH	19/02/1998	N	2.5	5					5	2.25	
119	HTC000121	TR N TH ANH	20/08/1995	N	3.25	6.5						2.25	
120	HTC000122	TR N TH MAI ANH	26/07/1998	N	6.25	6.5	4.4	3.8	4			3.75	
121	HTC000123	TR N TH NG C ANH	08/10/1998	N	3.75	6					4.25	1.98	
122	HTC000124	TR N TH PH NG ANH	01/12/1998	N	6.25	7				6.75	6.25	3	
123	HTC000125	TR N TH PH NG ANH	29/10/1998	N	7.25	7.5	7.4	5.6				4.05	
124	HTC000126	TR N TH THÚY ANH	10/08/1998	N	5.25	5	6.2	5.2	4.4				
125	HTC000127	TR N TH TÚ ANH	16/06/1998	N	6	6		5.6	5.2			3.6	
126	HTC000128	TR N TH TÚ ANH	27/07/1998	N	4.25	6					4.5	3	
127	HTC000129	TR N TH VĂN ANH	12/02/1998	N	4.25	7.5				6.25	7.5		
128	HTC000130	TR N TH VĂN ANH	16/06/1998	N	5.75	5	5.2	5.6	5.4				

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
129	HTC000131	TR N TH VÂN ANH	25/09/1998	N	3.75	4	3.2	5.2	6			3.25	
130	HTC000132	TR N THUY ANH	28/11/1998	N	6	6				2	7	3	
131	HTC000133	TR N TI N ANH	02/09/1998	Nam	6.5	4	8	6.2				2.25	
132	HTC000134	TR N TI N ANH	23/11/1998	Nam	6.25	3.5	7.4	5.2				3.3	
133	HTC000135	TR N TU N ANH	13/09/1998	Nam	1.75	5.5					6	2.13	
134	HTC000136	TR N TU N ANH	20/05/1998	Nam	3.5	6				6.5	5	3.38	
135	HTC000137	TR N TU N ANH	23/01/1998	Nam	2.25	3.5				1.25	4	1.88	
136	HTC000138	TR N TU N ANH	28/07/1998	Nam	3.75	5				4	3.5	3.13	
137	HTC000139	VÌ HOÀI ANH	24/11/1998	N	3.75	6				6.75	7		
138	HTC000140	V KI U ANH	21/03/1998	N	5.5	8.5			4.6			5.45	
139	HTC000141	V NG C ANH	02/11/1998	N	6.25	4	5.6	6.8	6.6			2.58	
140	HTC000142	V QU NH ANH	01/07/1998	N	2.75	7	2.8				6.25	3.13	
141	HTC000143	V QU NH ANH	10/12/1998	N	5.75	8	4.8					3.48	
142	HTC000144	V T ANH	01/09/1998	N	3.25	6					4.25	2.88	
143	HTC000145	V TH ANH	28/02/1998	N	4	7.5				3.5	6.5		
144	HTC000146	V TH PH NG ANH	02/03/1997	N	6.75		4.2	6					
145	HTC000147	V TU N ANH	03/09/1998	Nam	6.25	4	7.6	8				2.13	
146	HTC000148	CHU TH ÁNH	25/08/1997	N	7.25		7	5.6					
147	HTC000149	D NG TH ÁNH	19/01/1998	N	3.25	6.5					5	2.63	
148	HTC000150	TH NG C ÁNH	17/09/1998	N	6.75	6.5	6.6	4.4				2.25	
149	HTC000151	HÀ TH NG C ÁNH	13/12/1998	N	7.25	8.5	5					6.15	
150	HTC000152	HOÀNG NG C ÁNH	10/08/1998	N	3.5	6				5	7.25	2.55	
151	HTC000153	HOÀNG NG C ÁNH	11/05/1998	N	3.5	7	2.6	4.8	3.8			3.3	
152	HTC000154	HOÀNG NG C ÁNH	12/07/1998	N	3.5	4.5				2.75	4.75		
153	HTC000155	HOÀNG NG C ÁNH	30/08/1996	Nam	6.5		6.8	6.4					
154	HTC000156	LÊ NG C ÁNH	12/12/1998	N	6	6	5.8	3.6	4		5	3.83	
155	HTC000157	LÊ NG C ÁNH	19/02/1998	N	2.5	7					6	1.88	
156	HTC000158	LÊ TH ÁNH	30/10/1998	N	1.75	5.5	3.6	3.6				2.25	
157	HTC000159	MÔNG V N ÁNH	14/02/1994	Nam		3.5				6	7.5		
158	HTC000160	NGUY N NG C ÁNH	10/08/1998	N	3	7				4	4.25	1.75	
159	HTC000161	NGUY N NG C ÁNH	14/12/1998	N	2.5	8					5.75	4.18	
160	HTC000162	NGUY N NG C ÁNH	16/06/1998	N	3.25	6.5	5	6.8				3	
161	HTC000163	NGUY N TH NG C ÁNH	13/03/1998	N	2	6.5	6.6	6.4				2.3	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
162	HTC000164	PH M NG C ÁNH	14/11/1998	N	4.25	6		4	6.2			2.5	
163	HTC000165	TR N NG C ÁNH	28/08/1998	N	6	4.5	5.8	4.6	4.4			2.13	
164	HTC000166	NGUY N TH H NG AN	04/11/1997	N	2.5	5.5				4.5		3	
165	HTC000167	LÊ XUÂN BÁCH	15/08/1998	Nam	6.25	7	7.2	6				4.4	
166	HTC000168	TR N XUÂN BÁCH	17/07/1998	Nam	6.25	3.5		8.4	8.6			3.13	
167	HTC000169	TR N XUÂN BÁCH	20/10/1995	Nam		6				8.5	8.75		
168	HTC000170	THẢO A BÁI	11/10/1997	Nam		6				6	7.25		
169	HTC000171	LÊ C B O	14/10/1998	Nam	3.75	6.5				8.5	7.75	2	
170	HTC000172	LÊ QU C B O	03/11/1997	Nam	6.25		6.6	6.8					
171	HTC000173	L NG CHÍ B O	02/08/1997	Nam		6				4	5.5		
172	HTC000174	L NG NG C B O	10/01/1995	Nam		3.5				6.75	3.75		
173	HTC000175	NGUY N THÁI B O	18/08/1998	Nam	3	6				6.25	7.75	2.5	
174	HTC000176	TR N QU C B O	24/04/1998	Nam	4.25	6	3.6					5.4	
175	HTC000177	NGUY N V NB C	30/04/1997	Nam		2.5				1.5	3		
176	HTC000178	NH C V NB C	22/04/1995	Nam	7		7	6.8					
177	HTC000179	VÕ KH C B C	20/11/1994	Nam		5.5				7.25	6.25		
178	HTC000180	L C V NB NG	26/11/1998	Nam	1.25	5.5				5.25	4.75		
179	HTC000181	NGUY N LÊ B NG	04/02/1998	Nam	6.25	6	6.8					6.33	
180	HTC000182	NGUY N MINH B NG	02/05/1998	Nam	1.25	5					4	2.38	
181	HTC000183	TÔ TR NG B NG	04/12/1998	Nam	2.25	4	4.4	3.8					
182	HTC000185	HÀ TH NG C BÍCH	03/04/1998	N	5.25	5.5		5.2	6.8				
183	HTC000186	HOÀNG TH BÍCH	05/02/1998	N	6	6.5		5.6	6.6				
184	HTC000187	NGÔ TH BÍCH	01/05/1998	N	5.75	7.5	3.8	5	3.2	2.5	4.5	2.33	
185	HTC000188	NGUY N TH BÍCH	27/08/1998	N	6.25	3.5	5.6	7.2	7			2	
186	HTC000189	INH CÔNG BIÊN	04/05/1995	Nam		5				8	6.5		
187	HTC000190	INH H I BIÊN	07/12/1995	Nam		5.5				7.75	5.75		
188	HTC000191	HOÀNG INH BIÊN	28/12/1998	Nam	3	5	4.6	3.2				2.5	
189	HTC000192	TR N V N BIÊN	10/08/1998	Nam	7	4.5	7.2	5.8				2.25	
190	HTC000193	HOÀNG C BI N	02/02/1998	Nam	2	5.5				4	4.25		
191	HTC000194	HOÀNG TH BI N	24/04/1997	N	2	6							
192	HTC000195	NGUY NH U BI N	05/08/1998	Nam	0.25	4.5	5.4	4.2				3	
193	HTC000196	HOÀNG V N BI U	02/11/1997	Nam	4.75		5	4.6	6.8				
194	HTC000197	ÀO THANH BÌNH	19/12/1997	Nam		6				9.5	6		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
195	HTC000198	HÀ THANH BÌNH	06/07/1998	N	2	5.5				2.5	4.25		
196	HTC000199	LÊ H NG BÌNH	09/08/1997	Nam	5.25		7.4	4.6	5.2				
197	HTC000200	NGUY N C BÌNH	01/07/1996	Nam	5.75		6	5.8					
198	HTC000201	NGUY N LÂM BÌNH	17/07/1998	Nam	6	5	5.8	5.6				2.85	
199	HTC000202	NGUY N V N BÌNH	09/12/1998	Nam	5	4.5	4.4	5.6				2.13	
200	HTC000203	C TH BLA	16/04/1996	N	5.25		4.8	5.4	4.6				
201	HTC000204	KHANG TH BLA	04/04/1998	N	5	6	3.6	4.8					
202	HTC000205	GIANG A BÔNG	15/01/1998	Nam	4.75	5.5	6.6	6.2					
203	HTC000206	LÊNG C B NG	27/01/1996	Nam	1.75			5.2	5.6				
204	HTC000207	SÙNG A CÁ	04/08/1997	Nam		6.5				5	5.5		
205	HTC000208	HOÀNG C C NH	14/12/1997	Nam	1	4	3.6	4.8			2.25	1.98	
206	HTC000209	NGUY N V N C NH	02/02/1997	Nam	6.25			6.4	6.8				
207	HTC000210	V C C NH	14/08/1997	Nam		7				6.75	4.5		
208	HTC000211	L U MINH CÁN	22/10/1998	Nam	5.5	5.5	5.6	6.8					
209	HTC000212	NGUY N V N C N	05/03/1993	Nam		5.5				7.25	5		
210	HTC000213	HOÀNG TH THU CHÀ	18/06/1998	N	4	3.5				3.25	6.5	2.5	
211	HTC000214	TH THU CHANG	20/08/1998	N	6.25	5	5.6	4.8				2.7	
212	HTC000215	H NG A CHANG	19/03/1993	Nam		6				4.25	4		
213	HTC000216	L U TH H NG CHANG	07/02/1998	N	4.5	6					4.25	2.63	
214	HTC000217	HÀ V N CHANH	05/08/1998	Nam	5.5	6	6.2	6.2	3.6			2	
215	HTC000218	BẢN TÒN CHÀY	10/11/1997	Nam		6.5				7.25	6.25		
216	HTC000219	TRI U TÒN CHÀY	17/03/1998	Nam	1.25	6			2.6		4.25		
217	HTC000220	H A TH CH M	19/01/1998	N	4.75	5.5		6	5.4				
218	HTC000221	LI U TH CHÂM	28/12/1998	N	3.5	5.5				1.5	5.75	2	
219	HTC000222	LÊ TH H NG CHÂN	24/03/1998	N	1.5	5					3.5	2.38	
220	HTC000223	HOÀNG H I CHÂU	17/12/1994	N	6			7.4	4.8				
221	HTC000224	NGUY N MINH CHÂU	02/05/1997	Nam	6.75		7.2	7	4.8				
222	HTC000225	CHU V N CH	16/08/1998	Nam	0.75	5			3.6		2.5		
223	HTC000226	DOÀN THÙY CHI	25/10/1998	N	7	6	7.8					8.55	
224	HTC000227	D NG TH KIM CHI	23/06/1998	N	2.75	5.5				2.25	6.25	2.75	
225	HTC000228	ÀM LINH CHI	04/04/1998	N	0.25	2.5					2	3	
226	HTC000229	H LÊ LINH CHI	04/03/1998	N	5.5	7.5	5.4					7.08	
227	HTC000230	H LINH CHI	25/08/1998	N	7	7					5.25	8.9	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
228	HTC000231	HÀ LÊ PH NG CHI	21/07/1998	N	6.5	4	5.8	6.6	4.6			2.13	
229	HTC000232	HÀ V DI U CHI	13/06/1998	N	6.75	7	6.2					4.68	
230	HTC000233	HOÀNG TH CHI	06/10/1998	N	0	2	3.6	2.8			4.25	2.75	
231	HTC000234	NGUY N LINH CHI	25/12/1998	N	3.25	7				4	8		
232	HTC000235	NGUY N PH NG CHI	03/03/1998	N	4.75	5.5					5.25	2.73	
233	HTC000236	PH M KHÁNH CHI	07/01/1998	N	6.75	6	7.8	6.6	6.2			2.43	
234	HTC000237	PH M LINH CHI	27/05/1998	N	3.5	7				5.75	8	3.25	
235	HTC000238	QUY N LINH CHI	12/07/1998	N	8.75	6	8.2	8	7.6			3.63	
236	HTC000239	TRI U TH O CHI	20/08/1997	N	1.25	6		4.8	2.8				
237	HTC000240	TR N TH LINH CHI	03/12/1998	N	4.75	8					8	3.25	
238	HTC000241	TR NG TH KIM CHI	15/05/1998	N	6	3	6	4.8				2.25	
239	HTC000242	V LINH CHI	01/03/1998	N	7.25	7	8					4.33	
240	HTC000243	L NG CÔNG CHI	01/02/1998	Nam	0	4					3.75	2.25	
241	HTC000244	VI TH CHIÊN	24/09/1997	N		8.5				9	8		
242	HTC000245	LÌM V N CHI N	17/10/1995	Nam		6				7.5	8.25		
243	HTC000246	NGUY N M NH CHI N	30/05/1990	Nam		2.5				3	5.25		
244	HTC000247	PH M QUÝ T CHI N	02/01/1998	Nam	4	6				5	7		
245	HTC000248	TRI U ÌNH CHI N	05/05/1994	Nam	7.75		9.4	8.6	5.4				
246	HTC000249	TR N C CHI N	26/05/1998	Nam	1.75	6				4.5	3	2.75	
247	HTC000250	TR N MINH CHI N	10/05/1998	Nam	1.75	7				5.5	5.75	2	
248	HTC000251	V M NH CHI N	02/06/1998	Nam	2.25	5				3.75	3		
249	HTC000252	V M NH CHI N	14/09/1998	Nam	6.5	2.5	6.8	4.6				2.75	
250	HTC000253	D NG QUANG CHIÊU	13/12/1998	Nam	1.5	2.5	6.8	6.4	5.2			2.38	
251	HTC000254	ÂM TH KI U CHINH	03/04/1998	N	4.5	6.5	2.2				4.75	2.38	
252	HTC000255	ÀO TH CHINH	12/08/1998	N	3.75	5				4.75	6	2.25	
253	HTC000256	OÀN HUY N CHINH	03/10/1998	N	6	8	4.6					7.58	
254	HTC000257	HOÀNG TH CHINH	21/12/1998	N	2.75	6.5				3.75	7.5	2.63	
255	HTC000258	NGÕ TH H NG CHINH	15/03/1998	N	3	7.5				9.5	7.75	3	
256	HTC000259	NGUY N TH CHINH	26/06/1998	N	6.75	7.5		6.4	5.8				
257	HTC000260	NGUY N TH CHINH	27/05/1998	N	4.25	7	7.6					6.63	
258	HTC000261	NGUY N VI T CHINH	28/01/1998	N	2.25	6.5					4.25	2	
259	HTC000262	PH M KI U CHINH	29/11/1998	N	3.75	4.5	5	4.8					
260	HTC000263	PH M TH L CHINH	10/07/1998	N	4	5	5	3.8				2.85	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
261	HTC000264	PH M TR N VI T CHINH	22/01/1998	N	2.25	7.5				9.25	7.5	2.75	
262	HTC000265	TR N TH CHINH	18/03/1998	N	6.5	7	7.4	5.2				2.6	
263	HTC000266	TR N V N CHINH	04/02/1998	Nam	6	6	6.6	4.2				2.25	
264	HTC000267	TR NG TH CHINH	14/10/1998	N	3.75	6.5					4.75	2.25	
265	HTC000268	V VI T CHINH	09/09/1998	N	5.25	5.5	6.4	4.2				2.63	
266	HTC000269	VI T CHINH	24/05/1998	Nam	7.75	5	7.2	7.6				2.3	
267	HTC000270	LÒ V N CHÍNH	10/03/1998	Nam	1.25	5				1.75	4.25		
268	HTC000271	NGUY N CÔNG CHÍNH	16/09/1997	Nam	2.5		5.4	5.4					
269	HTC000272	T NG MINH CHÍNH	08/09/1995	Nam		4.5				6.25	6.25		
270	HTC000273	C SEO CH	02/09/1997	Nam	2	5.5				3.25	6		
271	HTC000274	THẢO A CHU	09/06/1998	Nam	6.75	4	6	5.2					
272	HTC000275	GIANG CÔNG CHỮ	20/03/1997	Nam		5.5				8.5	8.75		
273	HTC000276	GIANG A CHÚ	17/08/1998	Nam	2.5	4	4	3					
274	HTC000277	TRÁNG A CHÚ	13/10/1997	Nam		6.5				4.5	7.5		
275	HTC000278	SÙNG PÁO CHUA	01/01/1998	Nam	3.5	5	5.8	3.8				5.5	
276	HTC000279	THẢO A CHUA	16/08/1997	Nam	5.25	5	6.8	5.2					
277	HTC000280	MÃ ÌNH CHUẨN	19/11/1994	Nam		5.5				7.5	6.75		
278	HTC000281	V N CHUNG	10/05/1998	Nam	1.25	6				6	6.25		
279	HTC000282	NGUY N THÀNH CHUNG	01/12/1996	Nam	4.5		6.4	6.8					
280	HTC000283	NGUY N V N CHUNG	05/07/1995	Nam		6				6.5	6.5		
281	HTC000284	NGUY N V N CHUNG	16/06/1997	Nam	5.25		5.6	5.8					
282	HTC000285	NGUY N V N CHUNG	23/04/1992	Nam		7				7.75	8.75		
283	HTC000286	PH M CÔNG CHUNG	21/05/1998	Nam	8.5	4.5	8.6					3.35	
284	HTC000287	PHÙNG TH CHUNG	09/12/1998	N	6	8	6.2					6.58	
285	HTC000288	V C CHUNG	09/10/1998	Nam	7	6.5	7.2	8	7			2.25	
286	HTC000289	NGUY NH I CHUY N	01/08/1998	N	5	6.5					5.25	2.85	
287	HTC000290	GIANG TH CH	06/08/1998	N	2.25	4.5				5.75	5.75		
288	HTC000291	NGUY N V N CH NG	20/03/1998	Nam	5.25	4.5	7.2	4.8				2.13	
289	HTC000292	NÔNG THANH CH NG	04/10/1998	Nam	7.5	5	7	7.4				2.93	
290	HTC000293	SA V N CH NG	02/04/1997	Nam	5.25		7	3.8					
291	HTC000294	NGUY N DUYỀN CÔNG	22/11/1997	Nam		7				5.75	6		
292	HTC000295	NGUY N HUY CÔNG	27/04/1998	Nam	6.5	5.5	6.4	5				2	
293	HTC000296	NGUY N V N CÔNG	02/09/1998	Nam	3.5	4	5.4	4.2				2.5	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
294	HTC000297	NGUY N V N CÔNG	21/01/1998	Nam	6	6	6.8	6.4				2.65	
295	HTC000298	PHAN TR NG CÔNG	30/01/1997	Nam	1.25	5.5					4.75	1.75	
296	HTC000299	PH M MINH CÔNG	16/02/1997	Nam	4		6.4	5					
297	HTC000300	PH M THÀNH CÔNG	30/07/1998	Nam	1.5	5					5	2.88	
298	HTC000301	PH M V N CÔNG	11/10/1993	Nam		5				5.75	5		
299	HTC000302	TRI U QUÝ CÔNG	12/10/1998	Nam	5.5	5.5		5.6	5.6				
300	HTC000303	H NG A C	10/12/1998	Nam	6.75	7		6.8	6.6				
301	HTC000304	GIANG A C A	28/02/1998	Nam	2	6				2.75	4		
302	HTC000305	LŨ A C A	01/06/1995	Nam		7				4.75	5		
303	HTC000306	HÀ TH CÚC	26/03/1998	N	6.5	8	7.4	6.2					
304	HTC000307	NGUY N TH KIM CÚC	18/01/1996	N		6.5				6.75	7		
305	HTC000308	HÀ TI N C NG	16/04/1995	Nam		6				6.5	7.75		
306	HTC000309	HÀ V N C NG	26/07/1997	Nam	1.75	6				7	5.25	2.25	
307	HTC000310	NGUY N BIÊN C NG	18/07/1998	Nam	2.75	6				4	5		
308	HTC000311	NGUY N MINH C NG	28/08/1995	Nam		3				1.5	5.5		
309	HTC000312	TR N TU N C NG	03/06/1995	Nam	4		6.6	3.6					
310	HTC000313	D NG PHŨ C NG	07/08/1997	Nam		6.5				6.75	8.75		
311	HTC000315	M NH C NG	18/10/1997	Nam	8		8.2	8	5.2				
312	HTC000316	V N C NG	13/11/1998	Nam	6.25	5.5	5.6					7.08	
313	HTC000317	INH H IC NG	20/06/1998	Nam	3	5.5				3	4.5	2.25	
314	HTC000318	NG QUÝ C NG	18/05/1998	Nam	3.75	6				4	7.25		
315	HTC000319	HOÀNG M NH C NG	13/06/1994	Nam		6.5				7.25	8.25		
316	HTC000320	HOÀNG M NH C NG	12/02/1997	Nam		7.5				8.5	8		
317	HTC000321	HOÀNG NGUY N ANH C NG	23/09/1998	Nam	5.75	5	7.8	4.8				3.1	
318	HTC000322	HOÀNG QU C C NG	02/09/1998	Nam	6	4.5	7.6	6.8				2.35	
319	HTC000323	LÊ ANH C NG	07/07/1997	Nam	1.75	5					3.5	1.88	
320	HTC000324	LÊ C C NG	01/01/1997	Nam	6.25		7.4	7.4				5.35	
321	HTC000325	LÊ C C NG	12/08/1995	Nam		5.5				6.25	6.5		
322	HTC000326	LÊ M NH C NG	01/02/1996	Nam	4	3				2.25	7.5	1.75	
323	HTC000327	LÊ VI T C NG	13/07/1998	Nam	5.75	6		7.4	5.6			3.35	
324	HTC000328	LÊ XUÂN C NG	26/11/1998	Nam	3.75	6.5	4.4					5.15	
325	HTC000329	LÔ V N C NG	27/08/1997	Nam		3.5				1.75	4.5		
326	HTC000330	LÔ VI T C NG	01/01/1998	Nam	2	4				5.5	5		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
327	HTC000331	NGUY N BÁ NG C C NG	26/02/1998	Nam	4.25	5.5	5.6	5.6				2.88	
328	HTC000332	NGUY N CAO C NG	19/08/1998	Nam	5	6				7	5.75	4.53	
329	HTC000333	NGUY N M NH C NG	06/04/1996	Nam		6.5				8.5	8.5		
330	HTC000334	NGUY N M NH C NG	14/07/1998	Nam	3.75	6					3.75	1.75	
331	HTC000335	NGUY N NG C C NG	07/01/1994	Nam		6.5				6.75	8.25		
332	HTC000336	NGUY N TI N C NG	06/12/1998	Nam	6.25	6.5	6.4					2.7	
333	HTC000337	NGUY N XUÂN C NG	13/12/1998	Nam	6.5	7.5	8					6.93	
334	HTC000338	PHAN M NH C NG	28/03/1995	Nam		6.5				6.25	7.25		
335	HTC000339	PH M NG C C NG	27/09/1998	Nam	6.25	7.5	6.2					8.33	
336	HTC000340	PH M QU C C NG	09/07/1998	Nam	7	4.5	6.6	6.4	5.6			3.68	
337	HTC000341	PH M QU C C NG	26/03/1998	Nam	3.5	5.5				7	5.75	3	
338	HTC000342	PH M TR NG C NG	13/02/1998	Nam	1.25								
339	HTC000343	TR N C C NG	07/08/1997	Nam	2	6	3.6	4.4					
340	HTC000344	TR N M NH C NG	04/02/1998	Nam	3.25	4.5				6.75	5.25	1.88	
341	HTC000345	VÕ M NH C NG	09/06/1998	Nam	1.25	3.5					2.75	1.25	
342	HTC000346	V C C NG	30/08/1998	Nam	4.25	5	2.6	5.4				2	
343	HTC000347	V TH C NG	18/09/1998	Nam	5.75	4.5	7.2	6				2.63	
344	HTC000348	V NG NG C C NG	23/08/1998	Nam	3	4	5.2	5.2				2.38	
345	HTC000349	ÀO NG C DANH	14/08/1998	Nam	5.5	3.5	6.4	6.8				2.13	
346	HTC000350	TR N QU C DÂN	27/10/1998	Nam	1.25	4.5					5	2.13	
347	HTC000351	L NG TH M D N	20/10/1998	N	4.5	6.5				5.5	8	2.75	
348	HTC000352	LÝ TH D N	02/08/1998	N	2.5	5.5					4.75	1.88	
349	HTC000353	HOÀNG TH BÍCH D O	13/08/1997	N		6.5				5	4		
350	HTC000354	SUNG A DỄ	07/09/1988	Nam		4				3.75	2.25		
351	HTC000355	THÀO A DỄ	05/07/1994	Nam	1.75		4.4	3.2					
352	HTC000356	CHANG SÍ DÌ	03/04/1998	Nam	5.25	5		5.8	6.4				
353	HTC000357	HOÀNG TH KI U DIÊM	30/01/1998	N	3	7.5				6	6.75		
354	HTC000358	D NG TH QU NH DI M	10/01/1998	N	3.75	6.5				7.5	7.25		
355	HTC000359	HOÀNG NG C DI M	19/03/1998	N	5.5	7	3.2					8.38	
356	HTC000360	HÀ TH DIỄN	10/01/1998	N	5.5	7		4.2	6.2				
357	HTC000361	NGUY N TH DI N	02/08/1997	N	4.75		5.4	4.8					
358	HTC000362	TRI U TH DI N	10/09/1996	N		7.5				8.5	8.25		
359	HTC000363	BÙI PH NG NG C DI P	01/07/1998	N	7.25	7.5	5.4					9.7	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
360	HTC000364	INH TH H NG DI P	24/09/1998	N	4	7.5	3.8	3.2	2.4		4.75	3.6	
361	HTC000365	PH M TH NG C DI P	08/06/1998	N	3	7.5				7	8	2.83	
362	HTC000366	GIANG A DINH	18/03/1998	Nam	4.25	4	5.2	5.8					
363	HTC000367	H TH DINH	11/11/1997	N		6				6.25	7.25		
364	HTC000368	LÝ A DINH	18/04/1996	Nam	3.5	5	5.2	4.6					
365	HTC000369	T NG TH D U	08/04/1998	N	7.75	7	7.4					7.15	
366	HTC000370	HÀ BÌNH DOẢN	03/10/1996	Nam		6				7	7.5		
367	HTC000371	HOÀNG INH DOẢN	05/01/1998	Nam	1	3.5	2.4	3			3	2.75	
368	HTC000372	H A V N DOANH	28/04/1998	Nam	3	4.5				2	5	1.88	
369	HTC000373	PH M CÔNG DOANH	08/10/1997	Nam	4.5		6.6	5.6	3.2				
370	HTC000374	T NG NG C DOANH	17/11/1996	Nam		2.5				4	4.25		
371	HTC000375	SÙNG A D	10/09/1996	Nam		5.5				3.5	6.5		
372	HTC000376	GIANG A D	05/06/1996	Nam	1.25			3.4	3.2				
373	HTC000377	LÝ A D	26/05/1998	Nam	5.5	7	7.8	5.2					
374	HTC000378	VY QUANG DU	18/04/1998	Nam	4.5	5	5.4	3.8	4.2			2.25	
375	HTC000379	D NG TH DUNG	20/01/1998	N	4.25	7				8.25	7.75		
376	HTC000380	OẢN THANH DUNG	06/01/1998	N	5.25	4.5	4.6	7.2	3.6			1.88	
377	HTC000381	HOÀNG TH DUNG	19/02/1998	N	4	6.5				5.75	7.25		
378	HTC000382	HOÀNG TH KIM DUNG	26/09/1998	N	6.5	6.5	6.2	5.6				3.13	
379	HTC000383	HOÀNG THANH DUNG	17/10/1998	N	4	6.5					4.25	3	
380	HTC000384	LÝ TH DUNG	25/02/1998	N	4.25	5.5	5	4.6					
381	HTC000385	MAI TH DUNG	09/04/1998	N	3.5	6	6	4				2	
382	HTC000386	MAI TH DUNG	16/02/1997	N	4.25			3.8	6				
383	HTC000387	NGHIÊM THỦY DUNG	18/05/1998	N	7.25	5.5	8.4	6.6				6	
384	HTC000388	NGÕ HOÀNG THU DUNG	10/08/1998	N	6	6	8.2	5.6					
385	HTC000389	NGUY N TH DUNG	12/06/1998	N	3.5	5.5					5	2.63	
386	HTC000390	NGUY N TH PH NG DUNG	12/10/1998	N	6	7.5	5.8	4.4	6			3.98	
387	HTC000391	NGUY N TH THANH DUNG	19/05/1997	N	5.5	5		6.4	7				
388	HTC000392	NGUY N TH THANH DUNG	21/01/1998	N	6	7.5					5.25	4.45	
389	HTC000393	NGUY N TH THỦY DUNG	11/08/1998	N	3	5					4.75	1.88	
390	HTC000394	NGUY N TH THỦY DUNG	12/11/1998	N	6	6	6.2					6.63	
391	HTC000395	NGUY N THỦY DUNG	05/01/1998	N	5.25	5.5	5.2	4.6	5.4			2.73	
392	HTC000396	PHAN TH THỦY DUNG	21/10/1998	N	6	5.5		4.8	5.2			2.75	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
393	HTC000397	PH M TH THANH DUNG	22/10/1998	N	6.25	5	3.6	5.2	5			2.5	
394	HTC000398	TÔ TH NG C DUNG	04/03/1997	N		5.5				4.25	8.75		
395	HTC000399	V TH KI U DUNG	25/07/1998	N	4.5	7.5					3.5	4.15	
396	HTC000400	V THÙY DUNG	14/12/1998	N	7	7.5	6.6					5.35	
397	HTC000401	TRÌNH QU C D NG	02/09/1993	Nam		4				5.75	6.75		
398	HTC000402	CÙ XUÂN D NG	20/08/1998	Nam	6.75	5.5	7.2	7	7.4			2.13	
399	HTC000403	D NG TU N D NG	21/12/1998	Nam	8	5	7					4.7	
400	HTC000404	ÁO MINH D NG	28/08/1998	Nam	8.75	4.5	8.4	8.4				5.15	
401	HTC000405	ÁO TU N D NG	24/11/1998	Nam	7.75	7	7.4					9.05	
402	HTC000406	INH TI N D NG	31/01/1998	Nam	4	5.5				7.5	6	2.25	
403	HTC000407	NG TRUNG D NG	02/01/1998	Nam	4.75	6	5.8	4.6					
404	HTC000408	NG V N D NG	26/10/1998	Nam	3.5	5				7	5.25	1.73	
405	HTC000409	HOÀNG ANH D NG	01/09/1994	Nam		7				5.75	7.25		
406	HTC000410	HOÀNG ANH D NG	09/02/1998	Nam	6.5	6.5	6.2	5.2	6.2			4.7	
407	HTC000411	HOÀNG M NH D NG	22/10/1998	Nam	1.5	4	2.6	4.4			5	1.88	
408	HTC000412	HOÀNG V N D NG	23/11/1998	Nam	4	5				7.5	6.75	2.13	
409	HTC000413	KI U M NH D NG	15/10/1998	Nam	4	6.5	3.2				5	2.38	
410	HTC000414	LÊ C D NG	15/05/1998	Nam	3	5	5.4					3.13	
411	HTC000415	L NGH NG D NG	22/03/1998	Nam	2.5	5.5	5	6.4				2.75	
412	HTC000416	LÝ V N D NG	20/06/1997	Nam		2.5				1.25	3.25		
413	HTC000417	NGÕN V N D NG	15/05/1998	Nam	4.5	4.5	6.6	5.4	6.6			2.6	
414	HTC000418	NGUY N M NH D NG	25/12/1998	Nam	6.75	6.5	6					5.75	
415	HTC000419	NGUY N TI N D NG	15/08/1998	Nam	4	4.5	5.8	4.8					
416	HTC000420	NGUY N TI N D NG	20/10/1995	Nam		6.5				7.25	8.25		
417	HTC000421	NGUY N TI N D NG	22/08/1990	Nam		4.5				4.75	3.75		
418	HTC000422	NGUY N V N D NG	18/08/1998	Nam	2.25	3	2.8	3.6				2.5	
419	HTC000423	PH M QUANG D NG	26/02/1998	Nam	7	6		5.6	5.8			2.25	
420	HTC000424	PH M V N D NG	03/04/1998	Nam	5.5	5		5.6	4.4				
421	HTC000425	PH M V N D NG	09/11/1998	Nam	1.75	5				2.75	4	1.5	
422	HTC000426	PH M VI T D NG	22/10/1998	Nam	4.5	4	6.4	3.8				2	
423	HTC000427	QUÁCH C D NG	26/11/1998	Nam	4	3.5	5.6	4.8	5			1.88	
424	HTC000428	T NG MINH D NG	07/07/1994	Nam		5				6.25	7		
425	HTC000429	TR N ANH D NG	22/08/1998	Nam	4	5	7.8	7			5	2	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
426	HTC000430	TR NG M NH D NG	27/07/1998	Nam	7.25	4.5	8.4	7.8				3.6	
427	HTC000431	TR NG NGUY N HOÀNG D NG	09/11/1997	Nam		3.5				6.5	3.25		
428	HTC000432	TR NG V N D NG	26/11/1998	Nam	2.25	5				4.75	7	3.13	
429	HTC000433	V TR NG D NG	19/04/1998	Nam	5.25	5.5		6.8	7			2.5	
430	HTC000434	BÙI V N DUY	03/03/1994	Nam		6.5				7.25	5.5		
431	HTC000435	D NG M NH DUY	18/09/1998	Nam	1.75	4					3.25	1.75	
432	HTC000436	HOÀNG V N DUY	05/03/1992	Nam		5				6.75	7		
433	HTC000437	L C THÀNH DUY	18/05/1998	Nam	4.25	4.5	3.8	4.2		3	6.5	1.5	
434	HTC000438	LÊ C DUY	27/11/1998	Nam	6.75	4	7	7				3.2	
435	HTC000439	L NG C ANH DUY	24/06/1998	Nam	2.5	4.5				3.75	6.25	2.38	
436	HTC000440	NGÕ NG C DUY	20/06/1998	Nam	6.5	4	6.8	6.8	6			2.63	
437	HTC000441	NGUY N BÁ DUY	25/06/1998	Nam	2.5	5.5				6.75	7	3	
438	HTC000442	NGUY N C DUY	23/06/1998	Nam	0.25	3.5					2.75	2	
439	HTC000443	NGUY N C DUY	30/09/1998	Nam	6.25	5	7.6	6.8					
440	HTC000444	NGUY N NG C DUY	18/03/1997	Nam	1.75	7						3.35	
441	HTC000445	NGUY N THANH DUY	09/12/1998	Nam	2	4.5				4.5	3.75	2.88	
442	HTC000446	NGUY N TI N DUY	02/08/1995	Nam		5.5				6.25	7.25		
443	HTC000447	NGUY N V N DUY	02/11/1998	Nam	2	4.5				5	5	2	
444	HTC000448	NGUY N V N DUY	12/08/1997	Nam		5				6	7.75		
445	HTC000449	NGUY N V N DUY	23/08/1998	Nam	6.25	6	6.8	6.6				2.25	
446	HTC000450	S M KHÁNH DUY	25/09/1998	Nam	1.75	5				3.5	4.5		
447	HTC000451	TR N M NH DUY	13/01/1994	Nam		5.5				8.25	7.25		
448	HTC000452	TR NG KH NG DUY	13/08/1998	Nam	6.5	3.5	8	6.2	4.2			2.38	
449	HTC000453	TR N CÔNG D Y	24/03/1998	Nam	2.5	7.5				6.5	6.25	2.63	
450	HTC000454	INH TH M DUYỀN	16/08/1998	N	6	5	6.2	6.6				2.88	
451	HTC000455	NG HÀ DUYỀN	15/08/1998	N	5.25	7	6					3.88	
452	HTC000456	HÀ TH DUYỀN	08/10/1998	N	5.5	5		6.2	5.6				
453	HTC000457	HOÀNG TH DUYỀN	23/09/1997	N		6.5				9.5	8.5		
454	HTC000458	HOÀNG TH DUYỀN	24/10/1998	N	4.75	7				5.75	6.5	3.05	
455	HTC000459	LÊ TH DUYỀN	04/10/1998	N	4.75	8				9.25	9.5	3.43	
456	HTC000460	LÊ TH DUYỀN	07/10/1998	N	4.25	6	4.4	3				2.88	
457	HTC000461	NGUY N TH BÍCH DUYỀN	07/07/1997	N		8				7.75	7.75		
458	HTC000462	NGUY N TH DUYỀN	25/04/1998	N	3.25	8.5				9.5	7.5	2.73	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
459	HTC000463	NGUY N TH H NG DUYỀN	13/01/1998	N	2.75	8				6.75	5.75	2.63	
460	HTC000464	NGUY N TH M DUYỀN	10/09/1998	N	1.5	4.5					5.5	1.75	
461	HTC000465	NGUY N TH M DUYỀN	16/06/1997	N	1.25	3.5					5.25	3.6	
462	HTC000466	NGUY N TH M DUYỀN	26/10/1998	N	4	5.5	3.6				5.5	4.1	
463	HTC000467	NGUY N TH THỦY DUYỀN	13/09/1998	N	4	7.5				6	5.75	2.13	
464	HTC000468	PH M TH ANH DUYỀN	31/07/1998	N	5.5	6.5	6.8	4					
465	HTC000469	PH M TH DUYỀN	12/11/1998	N	8.5	6.5	7.6	6.2	7			2.85	
466	HTC000470	TR N TH DUYỀN	15/09/1998	N	4.75	7.5	6.4				7	4.05	
467	HTC000471	TR NG TH M DUYỀN	05/04/1997	N	7.5			5.6	7.4				
468	HTC000472	TR N QUANG D	17/01/1996	Nam		6				5.75	7.75		
469	HTC000473	LỒ V ND A	04/12/1994	Nam		4				4.5	5.75		
470	HTC000474	BÙI THỦY D NG	20/11/1998	N	4	6.5					4.75	3.43	
471	HTC000475	TH THỦY D NG	12/07/1998	N	4.25	4.5	4.4	3.6					
472	HTC000476	TÙNG D NG	27/09/1998	Nam	8	6	8.2	5.6				3	
473	HTC000477	NG THÁI D NG	02/11/1998	Nam	6.25	5.5	7	5.6				5.5	
474	HTC000478	LÊ MAI D NG	14/08/1998	N	6	4	2.4	6			5.75	3.03	
475	HTC000479	LÊ TÙNG D NG	24/05/1998	Nam	2.25	5				4.5	4	2.38	
476	HTC000480	MAI HOÀNG D NG	23/12/1998	Nam	3.5	4	5.8					2.88	
477	HTC000481	NGUY N BÌNH D NG	15/09/1998	Nam	5.5	7.5					4.25	6.5	
478	HTC000482	NGUY N C D NG	07/08/1998	Nam	2	5	2.6	3.6	4.6			3.13	
479	HTC000483	NGUY NH ID NG	11/07/1998	Nam	3.25	3	6.2	6.2			4.25	2.75	
480	HTC000484	NGUY NH NG D NG	03/10/1998	N	1	7				3	4.25	1.88	
481	HTC000485	NGUY NH NG D NG	27/10/1997	Nam	1.75		6	6.4					
482	HTC000486	NGUY N NG C D NG	09/09/1998	Nam	4	5	8	5.6			4.75	4.25	
483	HTC000487	NGUY N TH THỦY D NG	05/12/1998	N	8.75	6.5	8.6	7.4				4.38	
484	HTC000488	NGUY N TR ND NG	27/11/1998	Nam	3	4.5					4.5	2	
485	HTC000489	NGUY N TR NG D NG	17/06/1998	Nam	7.5	4	7.6					7.58	
486	HTC000490	NGUY N TÙNG D NG	07/01/1998	Nam	2.25	7				6.75	5.25	2	
487	HTC000491	NGUY N TÙNG D NG	27/08/1998	Nam	5.25	5	7.2	8.2	5.2			3.58	
488	HTC000492	PH M HOÀNG D NG	19/03/1997	Nam	4.75		9	8.4				3.5	
489	HTC000493	PH M THỦY D NG	05/09/1998	N	6.75	6.5	7.6	6.2				4.63	
490	HTC000494	PH M THỦY D NG	07/10/1998	N	8	7	7.6					8.53	
491	HTC000495	TR N TU ND NG	30/03/1998	Nam	8.25	5.5	9	7.8	4				

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
492	HTC000496	V TH THỦY D NG	12/12/1998	N	2.5	3.5					6	3.48	
493	HTC000497	V TH THỦY D NG	21/11/1998	N	2	5	2.6	6.6	6				
494	HTC000498	V NG TH THỦY D NG	03/09/1998	N	3.75	5.5					4.75	3.35	
495	HTC000499	HOÀNG TH D NG	19/02/1997	N	6.5		5.4	7.2	6.4				
496	HTC000500	MÃ TRUNG I	08/03/1998	Nam	2	4		3.8	5.2				
497	HTC000501	NGUY N QUANG I	19/08/1998	Nam	3.25	4	6.2	5				2.55	
498	HTC000502	PH M V N I	26/11/1998	Nam	6.5	5.5	7.8	7					
499	HTC000503	LA V N AM	14/04/1998	Nam	2.25	7				4	6.5	2.38	
500	HTC000504	LÝ V N AM	20/01/1994	Nam		2.5				4.75	4		
501	HTC000505	HOÀNG TH BÍCH AO	02/12/1997	N	2.75		6.2					3.18	
502	HTC000506	HOÀNG TH BÍCH AO	06/05/1997	N		7				6	6.25		
503	HTC000507	LÊ V N O	19/08/1995	Nam		4				5.75	7.5		
504	HTC000508	AO BÀ T	20/11/1996	Nam	6		7.4	6.8					
505	HTC000509	INH TR N T T T	12/11/1998	Nam	6	4.5	4.4	5				2.5	
506	HTC000510	HÀ THÀNH T	10/05/1997	Nam		6				8	8.5		
507	HTC000511	KIM NG C T	14/09/1998	Nam	1.25	3					3.5	1.25	
508	HTC000512	LÊ QUANG T	06/02/1998	Nam	6.25	6	7.8	6				3.75	
509	HTC000513	LÊ TI N T	13/08/1998	Nam	6.75	6	8.2	6.2				6.55	
510	HTC000514	LÊ V N T	09/07/1994	Nam		6.5				3.75	7.25		
511	HTC000515	L NG THÀNH T	06/07/1998	Nam	2	6.5	4.2	5	4.8	6	7.75	2.88	
512	HTC000516	MAI THÀNH T	29/12/1998	Nam	6.5	6	6.2	5.4				2.38	
513	HTC000517	NGUY N QU C T	16/03/1998	Nam	2.75	6.5				7.25	6		
514	HTC000518	NGUY N TI N T	12/05/1991	Nam		5				7	6.5		
515	HTC000519	PH M TU N T	07/06/1998	Nam	7.25	6	7.2	6.4					
516	HTC000520	V NGUY N TI N T	18/02/1998	Nam	4	5				8.25	7.75	2.35	
517	HTC000521	BÙI H I NG	18/08/1995	Nam	8.25		9	8.6	5.2				
518	HTC000522	TRI U C T	14/06/1998	Nam	4.25	6	5.2	4.4				2.5	
519	HTC000523	TRI U QU C T	01/01/1997	Nam	6		7	7.2					
520	HTC000524	HOÀNG TH M	08/04/1997	N	6.25		7.8	5.4					
521	HTC000525	HOÀNG TH I M	15/01/1998	N	2.5	5.5				7.25	7.25	2.63	
522	HTC000526	NÔNG NG C I N	29/10/1997	Nam		5.5				5	7.25		
523	HTC000527	NGUY N ÌNH I P	10/10/1998	Nam	2	3.5				3.25	4.25	1.75	
524	HTC000528	NGUY N V N I P	06/07/1998	Nam	3	4.5					5	2.38	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
525	HTC000529	NGUY N NAM NH	11/11/1998	Nam	2.75	2					4.5	3.03	
526	HTC000530	TR NG V N OÀN	04/02/1998	Nam	1.5	5				4.75	4.5	2.38	
527	HTC000531	HOÀNG H U Ô	09/01/1998	Nam	1.75	5.5				7.25	6.25		
528	HTC000532	HOÀNG THANH Ô	25/02/1997	Nam		4				5	6.5		
529	HTC000533	INH QUANG	15/06/1996	Nam		4				5.5	5.5		
530	HTC000534	NGUY N V N	10/07/1995	Nam		5				6.25	5.5		
531	HTC000535	TR N KH C	06/01/1995	Nam		1.5				3.75	2.75		
532	HTC000536	NÔNG V N I	27/02/1995	Nam		6.5				6.75	7.75		
533	HTC000537	HOÀNG V N ÔNG	14/06/1998	Nam	2.75	6.5				6.75	5.5	2.25	
534	HTC000538	LÝ NG C ÔNG	19/04/1997	Nam	2.25		5.2	7	4.2				
535	HTC000539	NGUY N THÀNH ÔNG	05/12/1998	Nam	4.25	5		4.6	6			1.88	
536	HTC000540	PHÍ CÔNG ÔNG	29/02/1996	Nam		6.5				8.25	8.5		
537	HTC000541	PH M TRUNG ÔNG	10/11/1998	Nam	2	4.5	7	4.4					
538	HTC000542	L NG V N NG	03/09/1994	Nam		1.5				6	6.5		
539	HTC000543	T NG K NG	11/11/1998	Nam	3.5	5				4.25	4.5	3.13	
540	HTC000544	TR N I NG	07/10/1998	Nam	6.5	3.5	6.4					4.15	
541	HTC000545	BÙI ANH C	19/06/1998	Nam	5.75	4.5	7.8	5.8				1.88	
542	HTC000546	BÙI MINH C	22/03/1998	Nam	8.5	5	7.8	6.2				7.7	
543	HTC000547	ẢO NG C C	22/10/1998	Nam	3.5	4				4	3.5	2.38	
544	HTC000548	INH ANH C	24/06/1997	Nam	7.25			7.8	6.4				
545	HTC000549	NG VI T C	10/11/1998	Nam	7	4.5	7.4					7.75	
546	HTC000550	NG VI T C	17/06/1997	Nam	2	2					5.25	2.25	
547	HTC000551	OÀN MINH C	13/10/1998	Nam	5.75	6					6.25	3.48	
548	HTC000552	HÀ MINH C	24/03/1998	Nam	7.5	4.5	8	6.4				3.45	
549	HTC000553	HOÀNG MINH C	28/08/1998	Nam	1.5	4	3.4	4.4				2.88	
550	HTC000554	HOÀNG TRUNG C	19/07/1997	Nam		6				9.5	5		
551	HTC000555	HOÀNG TRUNG C	21/01/1998	Nam	2.75	3.5				2.75	3.5	1.38	
552	HTC000556	HOÀNG TU N C	22/04/1998	Nam	3	5					6	2.63	
553	HTC000557	LÊ ANH C	27/02/1994	Nam		6				8.25	8.25		
554	HTC000558	LÊ ÌNH C	31/10/1998	Nam	6.75	6.5	7.4					6.8	
555	HTC000559	LÊ MINH C	12/04/1995	Nam		5				6.25	6.25		
556	HTC000560	LÊ THANH C	30/09/1997	Nam		5				6	4		
557	HTC000561	LÊ TRUNG C	09/03/1998	Nam	6.5	5	7					7.23	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
558	HTC000562	MAI TR N ANH C	27/05/1998	Nam	5	7	2.4				4	7.9	
559	HTC000563	NGUY N HOANG C	29/04/1998	Nam	2.5	5				4.5	4.5	2.25	
560	HTC000564	NGUY N MINH C	02/12/1998	Nam	5.75	4.5	6.4	4				3.25	
561	HTC000565	NGUY N MINH C	05/08/1997	Nam	6.25		8.2	7.4					
562	HTC000566	NGUY N MINH C	26/12/1998	Nam	7.5	5	8.8	8.2	5.4			4.13	
563	HTC000567	NGUY N MINH C	27/07/1998	Nam	3	5	2				4.5	2.4	
564	HTC000568	NGUY N QUANG C	30/06/1998	Nam	6.25	4	5.4	5.2				3.75	
565	HTC000569	NGUY N THAI C	12/05/1998	Nam	6.75	5	6.4	5.2				3.38	
566	HTC000570	NGUY N V N C	31/08/1998	Nam	2.75	3.5					3	2.3	
567	HTC000571	PHAN TON C	25/01/1998	Nam	6	5	5.8	6.4					
568	HTC000572	PH M H NG C	08/09/1998	Nam	4.25	3.5	6	3.4				2.63	
569	HTC000573	PH M MINH C	13/08/1998	Nam	2.75	7				9.25	7.25	1.75	
570	HTC000574	PH M MINH C	20/06/1997	Nam	6		8.8	6.4	5				
571	HTC000575	PH M V N C	11/06/1993	Nam		3				5	7.25		
572	HTC000576	T MINH C	21/12/1998	Nam	6.75	4	7.2	5	6			2.75	
573	HTC000577	TR N CHUNG C	27/02/1998	Nam	3	5		4.4				2.25	
574	HTC000578	TR N MINH C	22/08/1998	Nam	6	6.5	4.4					6.05	
575	HTC000579	TR N MINH C	26/03/1996	Nam	5.75		8.2	7.2					
576	HTC000580	TR N TRUNG C	08/02/1998	Nam	2.75	4.5		3.6	5.8				
577	HTC000581	TR N TRUNG C	11/11/1998	Nam	5.25	5.5	5.6	5.8				2.88	
578	HTC000582	TR N VI T C	24/02/1998	Nam	6.75	7	7.4	6				4.1	
579	HTC000583	TR NH QUANG C	14/05/1998	Nam	4.5	5	6.8	5				2.63	
580	HTC000584	V HOANG C	30/06/1998	Nam	3.25	5	3.2	4.8	5			3.4	
581	HTC000585	CHU TH H NG GIANG	03/06/1998	N	3.75	5				4	6.25	1.88	
582	HTC000586	TR NG GIANG	23/09/1998	Nam	6.5	6	5.8	6.4	7			4.03	
583	HTC000587	ÀM TH GIANG	26/01/1998	N	2.5	5.5				4.75	6	2.38	
584	HTC000588	OÀN H NG GIANG	04/12/1998	N	3.75	2.5	2.6				6	5.98	
585	HTC000589	OÀN TH H NG GIANG	06/08/1998	N	6	8			4.8			3.8	
586	HTC000590	HÀ TRÀ GIANG	02/07/1998	N	3	5.5				4	6.75		
587	HTC000591	HOÀNG C GIANG	03/10/1998	Nam	3.5	4	6.4	7.4				3.2	
588	HTC000592	HOÀNG MINH GIANG	29/06/1998	Nam	5.5	5		5.2	5.4			3.08	
589	HTC000593	HOÀNG V N GIANG	12/09/1998	Nam	3.75	4.5	3.8	5.8			5	2.75	
590	HTC000594	LÊ HOÀNG GIANG	29/11/1998	N	3	4.5				4.25	4.5		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
591	HTC000595	LÊ H NG GIANG	17/11/1998	N	7.5	8	7.6					8.65	
592	HTC000596	LÊ MINH GIANG	20/08/1998	Nam	2.5	5				2	4.75	2.13	
593	HTC000597	MA V N GIANG	03/05/1998	Nam	7.5	5	8	5.2					
594	HTC000599	NGUY N HÀ GIANG	20/09/1997	N	6		4.8	5.6					
595	HTC000600	NGUY N HUY GIANG	02/10/1998	Nam	3	4.5					6.5	2.88	
596	HTC000601	NGUY N H NG GIANG	08/03/1998	N	1.5	5	3.8				6.25	2.38	
597	HTC000602	NGUY N KIM GIANG	20/02/1998	N	3.75	5	3.2	5.2				2.63	
598	HTC000603	NGUY N LINH GIANG	15/04/1998	N	5.5	6.5	2.6				6.75	4.18	
599	HTC000604	NGUY N TH CHÂU GIANG	03/07/1998	N	6.25	8.5	6.2					7.9	
600	HTC000605	NGUY N TH GIANG	11/05/1998	N	6	4		6.4	5.4			2	
601	HTC000606	NGUY N TH H NG GIANG	20/08/1998	N	4.25	5.5				4	8	2.55	
602	HTC000607	NÔNG TR NG GIANG	04/07/1997	Nam		7.5				6.75	8.75		
603	HTC000608	PHÍ LINH GIANG	05/05/1998	N	1.25	4.5	2.8	5.2			5	2	
604	HTC000609	PH M H NG GIANG	07/08/1998	N	6.25	5.5	6.6	6				2.38	
605	HTC000610	PH M H NG GIANG	12/08/1998	N	3	4	4.2					3.95	
606	HTC000611	PHÙNG C GIANG	20/11/1988	Nam	5			7.2	6.6				
607	HTC000612	PHÙNG TH GIANG	13/03/1998	N	7.25	5	7.2	7.8				3.21	
608	HTC000613	THÁI H NG GIANG	22/04/1998	N	8	7.5	6.4					9.08	
609	HTC000614	TỔ TH H NG GIANG	12/04/1998	N	6	7					6	6.5	
610	HTC000615	VÌ TH H NG GIANG	23/06/1997	N	3.25	5					7	2	
611	HTC000616	VÔ V N GIANG	05/09/1995	Nam		1.5				2.5	2.75		
612	HTC000617	V H NG GIANG	05/09/1998	N	5.25	5					7	2.75	
613	HTC000618	V TH GIANG	21/12/1998	N	3.25	5.5				2.5	3		
614	HTC000619	V THU GIANG	30/01/1998	N	2.75	6					6.5	2.25	
615	HTC000620	GIANG TH GIANG	24/11/1995	N		3.5				2.75	4.5		
616	HTC000621	LÊ S GIÁP	14/05/1984	Nam		4.5				1.5	6		
617	HTC000622	HOÀNG TH GI Y	10/07/1997	N	5.5		6.6	4.8					
618	HTC000623	GIANG TH G NG	16/01/1998	N	3.75	6				6.75	5.75		
619	HTC000624	BÙI M NH HÀ	17/10/1996	Nam	6.25		6.8	6.6	6				
620	HTC000625	TH THU HÀ	04/09/1998	N	2.25	6.5	2.6	3.6	4.6		8.25	1.75	
621	HTC000626	OÀN TH THU HÀ	12/04/1998	N	7.25	5.5	4.4	7.2				3.53	
622	HTC000627	HOÀNG KHÁNH HÀ	10/03/1997	N	4.75		3.6	3.6					
623	HTC000628	HOÀNG TH HÀ	17/01/1998	N	6	8		5.2	6.2				

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
624	HTC000629	HOÀNG TH HÀ	20/10/1998	N	5	5	6.8	4.8				2.75	
625	HTC000630	HOÀNG TH THU HÀ	10/10/1998	N	5.25	6.5			6.4		8.75		
626	HTC000631	HOÀNG TH THU HÀ	20/11/1998	N	3.25	7.5				6.75	6		
627	HTC000632	LÊ THANH HÀ	08/05/1998	N	2.25	7.5		4	6.8				
628	HTC000633	LÔ TH HÀ	18/10/1997	N	5.75		4.2	6.2	6.6				
629	HTC000634	MA TH HÀ	12/10/1997	N		7				9	7.5		
630	HTC000635	NGÕ NGÂN HÀ	31/01/1998	N	7.25	8	6					9.58	
631	HTC000636	NGUY N HUY HÀ	02/02/1998	Nam	2	3	4.8					3.63	
632	HTC000637	NGUY N NG C HÀ	07/12/1998	N	2.75	6				6	7	2.18	
633	HTC000638	NGUY N NGUY T HÀ	14/11/1998	N	1.25	3	4.8	4.4			5	2.78	
634	HTC000640	NGUY N PH NG HÀ	22/12/1998	N	6.75	6.5	4.6					8.48	
635	HTC000641	NGUY N TH HÀ	28/04/1998	N	2.25	7					3	2.13	
636	HTC000642	NGUY N TH H NG HÀ	22/11/1998	N	6.75	5.5	5					5.83	
637	HTC000643	NGUY N TH HOÀNG HÀ	20/03/1998	N	6	6.5	4.8					4.65	
638	HTC000644	NGUY N TH MINH HÀ	29/08/1998	N	6.5	7	6.2	6.8				5.6	
639	HTC000645	NGUY N TH NG C HÀ	03/05/1998	N	4	7				7.5	8.25	2.98	
640	HTC000646	NGUY N TH THANH HÀ	30/07/1998	N	1.75	7		2.4	3.6		5.5	2.78	
641	HTC000647	NGUY N TH THU HÀ	02/03/1997	N	6.25		7.2	5.2					
642	HTC000648	NGUY N TH THU HÀ	14/01/1998	N	5	6					7.5	3.55	
643	HTC000649	NGUY N TH THU HÀ	18/03/1998	N	7.25	8.5	6.2					8.9	
644	HTC000650	NGUY N TH THU HÀ	19/08/1997	N	4.25	7						6.6	
645	HTC000651	NGUY N THU HÀ	06/09/1998	N	6	7					8.25	4.88	
646	HTC000652	NGUY N THU HÀ	17/11/1998	N	4.75	5.5					5.25	2.38	
647	HTC000653	NGUY N THU HÀ	27/01/1997	N		7				9	7.25		
648	HTC000654	NGUY N V N HÀ	22/06/1998	Nam	2	5			4.6		3.25	1.88	
649	HTC000655	NGUY N VI T HÀ	18/10/1998	N	2.75	8				8.5	7.75	2.6	
650	HTC000656	NGUY N VI T HÀ	31/07/1998	Nam	3.75	4.5	4					3.85	
651	HTC000657	PHAN VI T HÀ	12/10/1998	N	3.75	6.5				5.75	6.5	2.48	
652	HTC000658	PH M TH HÀ	29/04/1998	N	4	6.5					4.75	4	
653	HTC000659	PH M TH NGUY T HÀ	14/09/1998	N	5	6				6.75	5.25	2.48	
654	HTC000660	PH M TH THU HÀ	05/09/1997	N		7				8.75	9.25		
655	HTC000661	PH M THU HÀ	04/08/1998	N	4.75	6.5				7.25	7	3.35	
656	HTC000662	PHÙNG THU HÀ	13/02/1998	N	3	7					4.5	2.63	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
657	HTC000663	T BÍCH HÀ	15/05/1998	N	3.75	6.5					4.5	3.78	
658	HTC000664	TR N QUANG HÀ	25/02/1998	Nam	3.5	4.5	4.6	6				2.5	
659	HTC000665	TR N TH HÀ	30/01/1998	N	7.5	6		5	6.4				
660	HTC000666	TR N TH H NG HÀ	01/09/1997	N		6.5				6.75	3		
661	HTC000667	TR N THU HÀ	25/09/1998	N	2.75	8				9.25	9	3.9	
662	HTC000668	VÕ NGUY N THÚY HÀ	14/10/1998	N	7.5	5.5		6.8	6.4			2.25	
663	HTC000669	V NG CHÀ	26/09/1998	Nam	7	4.5	7	6.6				2.88	
664	HTC000670	HÀ TH KHÁNH H	28/09/1998	N	2	7					5	2.75	
665	HTC000671	LÊ XUÂN H	05/06/1998	N	1.75	5	4.8	4				2.13	
666	HTC000672	L I TH NH TH	16/04/1998	N	6.25	7	5.6					4.9	
667	HTC000673	BẢN THANH H I	13/02/1997	Nam	6		7	6.2					
668	HTC000674	BẢNH VI TH I	25/06/1998	N	2.25	5		4.6	3.6				
669	HTC000675	CHU H NG H I	10/09/1998	Nam	5	3.5	6.2					4.88	
670	HTC000676	ÀO ÌNH H I	08/09/1995	Nam		4				7.25	6.5		
671	HTC000678	HÀ TH H I	17/04/1998	N	2.5	4		6.2	4.2			1.88	
672	HTC000679	HÀ THANH H I	20/12/1997	Nam	3.75	2.5	3.2	5.6			3.75	1.48	
673	HTC000680	HOÀNG NG CH I	13/04/1998	Nam	1.5	3.5	4					2.25	
674	HTC000681	HOÀNG NG CH I	20/08/1998	Nam	2.75	5.5		3.6	5.6				
675	HTC000682	HOÀNG TH THANH H I	17/06/1998	N	7.75	5	8.8	8				4.25	
676	HTC000683	HOÀNG V NH I	22/08/1994	Nam		6.5				7	5.5		
677	HTC000684	LÀ TH H I	15/08/1998	N	5	6					5	1.88	
678	HTC000685	L C TH H NG H I	08/08/1998	N	4.75	5.5	6.2	5.8				2.85	
679	HTC000686	LÊ H NG H I	29/03/1998	Nam	1.5	0.5					4.75	2.13	
680	HTC000687	LÊ QUANG H I	03/08/1998	Nam	7.5	4.5	7.2	6.6	6.6			2.75	
681	HTC000688	NGUY N DANH H I	18/11/1998	Nam	5.5	4.5	7.6	6.4	6.2			3.65	
682	HTC000689	NGUY N HOÀNG H I	20/08/1997	N	6.25		6.2	8	6.6				
683	HTC000690	NGUY N NAM H I	30/06/1995	Nam	6.5		6.8	6.4					
684	HTC000691	NGUY N NG CH I	02/10/1998	Nam	3.25	6				6.75	6.75	2	
685	HTC000692	NGUY N NG CH I	24/08/1998	Nam	4.5	4	3	5.6				3.33	
686	HTC000693	NGUY N QUANG H I	06/02/1998	Nam	1.75	2					5.5	2.13	
687	HTC000694	NGUY N TH THANH H I	20/01/1998	N	5.75	4	6.2	4.2	7.2			2.38	
688	HTC000695	NGUY N THANH H I	28/11/1998	Nam	4	8.5				6.25	8.25	2.13	
689	HTC000696	PH M CH I	26/07/1998	Nam	2.25	5.5				7	7.5	2.38	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
690	HTC000697	PH M H U H I	05/07/1995	Nam		4.5				7.5	7		
691	HTC000698	PH M N G C H I	27/05/1998	Nam	3	7.5				6.75	7	2.98	
692	HTC000699	PH M N G C H I	29/03/1994	Nam		4.5				4	7.75		
693	HTC000700	PH M T R U N G H I	18/03/1998	Nam	3.5	6	4					5.03	
694	HTC000701	T R N P H N G H I	04/02/1998	N	2.5	6				8.25	8		
695	HTC000702	T R N V N H I	09/02/1997	Nam		7.5				9.25	8.25		
696	HTC000703	V N G C H I	25/05/1998	Nam	4.25	5.5				6	6	2.73	
697	HTC000704	H A H N G	04/06/1998	Nam	4	5				7	6.75		
698	HTC000705	B Ò I T H Û T H N H	12/06/1997	N		7				7	5.5		
699	HTC000706	N G H N G H N H	18/10/1998	N	5.75	7	6.4					7	
700	HTC000707	H O À N G C H N H	20/07/1998	Nam	8	4	8.4	7.6	4.4			1.83	
701	HTC000708	H O À N G M I N H H N H	26/09/1998	N	4	4					4.75	2.75	
702	HTC000710	H O À N G T H H N H	25/02/1998	N	2.5	7					6.5	2.8	
703	HTC000711	L N G T U Y T H N H	18/05/1998	N	5.5	6.5		6	6.6				
704	HTC000712	N G Ò M I N H H N H	19/02/1998	N	3.5	7				7.75	7.5	2.73	
705	HTC000713	N G U Y N T H B Í C H H N H	18/05/1998	N	3	4.5					4	2.38	
706	HTC000714	N G U Y N T H M H N H	24/10/1998	N	6.5	6.5	7.4	4.6				3.35	
707	HTC000715	N Ò N G T H H N H	11/10/1998	N	3.25	6.5		6.6	6			2.88	
708	HTC000716	P H M T H U H N H	22/06/1998	N	5.5	8					5.75	5.85	
709	HTC000717	T R N N G U Y Ê N H N H	11/01/1998	N	6.75	6	5.8	6.2				2.6	
710	HTC000718	T R N T H H N G H N H	13/07/1998	N	3.5	6.5				7	5	2.23	
711	HTC000719	V T H M H N H	08/02/1998	N	3.5	5.5	4.4	5.2	4.4			2.38	
712	HTC000720	V T H M H N H	26/09/1998	N	4.25	7.5	5.8	6.6	3.6			2.85	
713	HTC000721	N G P H I H O	28/12/1994	Nam		7.5				8.5	8.75		
714	HTC000722	H À T H T H U H O	27/07/1998	N	6.25	5	7	6	6.8			2.63	
715	HTC000723	L Ê T H H O	01/09/1998	N	3	7				9.25	7.25	2.95	
716	HTC000724	N G U Y N K I M H O	13/07/1998	N	3	6.5				4.25	8	2.28	
717	HTC000725	B Ò I T H A N H H N G	04/11/1998	N	3.5	6				8	8.5		
718	HTC000726	T H U H N G	23/10/1998	N	6.75	6	6.8					4.1	
719	HTC000727	N G T H H N G	18/09/1998	N	3	5.5				7.75	8.25		
720	HTC000728	N G T H T H U H N G	04/08/1998	N	0.25	5				2.25	1.5	2.13	
721	HTC000729	O À N T H B Í C H H N G	01/06/1998	N	4.5	4.5	6.2	6.4	4.8			3	
722	HTC000730	H À T H H N G	19/08/1998	N	2	4		7	4	6.25	2.25	2.75	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
723	HTC000731	HÀ THÁI MINH H NG	12/01/1998	N	3.75	7.5	1.8	4.8	2	7	4.5	2.85	
724	HTC000732	HOÀNG TH H NG	02/09/1998	N	3.25	7.5				8.5	7.75		
725	HTC000733	LÊ TH MINH H NG	25/08/1998	N	3.25	6.5					3	2.38	
726	HTC000734	LÊ TH THU H NG	15/11/1998	N	3.5	6					3	2.5	
727	HTC000735	NGÕ MINH H NG	01/06/1998	N	6.75	7	6.8					8.3	
728	HTC000736	NGÕ TH H NG	13/07/1998	N	2.75	5	6	6.2				2.73	
729	HTC000737	NGUY N KHÁNH H NG	23/05/1998	N	2.75	6				8.75	8.25		
730	HTC000738	NGUY N MINH H NG	08/07/1998	N	5.75	8					5.25	4.65	
731	HTC000739	NGUY N TH H NG	26/10/1998	N	2.5	7.5	3.2	5.4	4.8	5.75	6.25	3.33	
732	HTC000740	NGUY N TH THU H NG	14/08/1998	N	3	6				8.25	9	3	
733	HTC000741	NGUY N TH THU H NG	27/10/1998	N	2.25	7.5				8.25	8	3.1	
734	HTC000742	NGUY N TH THU H NG	31/01/1998	N	2	8				8.5	8	2.85	
735	HTC000743	NGUY N TH THÚY H NG	10/12/1998	N	7.5	6.5	7.6	7.2				3.33	
736	HTC000744	NGUY N THANH H NG	03/09/1998	N	4	8.5				8.75	8.5	3.73	
737	HTC000745	NGUY N THU H NG	16/07/1998	N	2.5	7	4	4.8				3.08	
738	HTC000746	NGUY N THU H NG	21/11/1998	N	3	5.5	4.2					2.25	
739	HTC000747	NGUY N THU H NG	22/07/1998	N	4.25	7.5				8.25	7.75	1.88	
740	HTC000748	NÔNG TH H NG	26/08/1997	N		8				9.5	9		
741	HTC000749	PH M THU H NG	03/09/1998	N	6.25	8.5					6	6.18	
742	HTC000750	PH M THU H NG	21/06/1998	N	4	7					5	2.63	
743	HTC000751	S M MINH H NG	02/01/1998	N	6.5	7.5	5.6	5.2				5.9	
744	HTC000752	TRI U THU H NG	16/07/1997	N		7.5				9.25	8.25		
745	HTC000753	TR N TH H NG	17/09/1998	N	5.25	6	3.8	4.6	6.4				
746	HTC000754	TR N TH THÚY H NG	03/10/1998	N	4.25	5				4	7.25	2.85	
747	HTC000755	TR N THÁI H NG	28/09/1998	N	3.25	6	3.6	4.8				2.4	
748	HTC000756	TR N THANH H NG	18/12/1998	N	3.25	5.5				4.5	7.5	3.38	
749	HTC000757	TR NH TH H NG	11/09/1998	N	4.75	6	5.6	5.6				3.75	
750	HTC000758	TR NG THÚY H NG	27/10/1998	N	6.75	6	8.2	6.2	6.4			3.9	
751	HTC000759	V TH H NG	17/06/1998	N	3.5	5.5		5.4	4.6			2.25	
752	HTC000760	V TH MINH H NG	16/03/1998	N	6.25	9					5.75	6.65	
753	HTC000761	V TH THANH H NG	16/05/1998	N	4	6				3.25	8	3.73	
754	HTC000762	GIANG A H NG	20/08/1998	Nam	6.5	4.5	5.4	4.4					
755	HTC000763	ÀO TH NG C HÂN	28/09/1998	N	2.5	6.5				5.75	7.5	2.63	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
756	HTC000764	NGUY N V NH AN	05/12/1998	Nam	4.25	3		7.2	4.8				
757	HTC000765	BUI V NH U	18/08/1998	Nam	3.75	5.5	3.8	5				2.5	
758	HTC000766	CONG H U	30/06/1998	Nam	8.25	5	7.6	8.6	9.8			3.38	
759	HTC000767	HOANG TU NH U	25/01/1993	Nam	4		6.8	5.8					
760	HTC000768	MAI QUY H U	18/09/1997	Nam		7				7.5	9.5		
761	HTC000769	NGUY N TH H U	11/01/1998	N	3.5	7	5.6	5					
762	HTC000770	NGUY N XUAN H U	03/08/1998	Nam	6.25	3.5	7	7					
763	HTC000771	PH MHU NH H U	10/01/1995	Nam	3.75		6	4.6					
764	HTC000772	T NG TH H U	02/11/1998	N	6.25	5.5	5.2	6				3.65	
765	HTC000773	TRI U TH H U	19/09/1998	N	2	3		3.8	5.2				
766	HTC000774	V TH H U	15/03/1998	N	4	6.5					4.75	2.75	
767	HTC000775	CU THUY HIEN	15/09/1996	N		7				8.25	6		
768	HTC000776	HOANG NG CHIEN	06/09/1998	N	3.75	7.5				7.5	8		
769	HTC000777	HOANG TH HIEN	06/07/1997	N		7				6.75	8		
770	HTC000778	THU HI N	24/10/1998	N	1.5	6				5	6.75	3.35	
771	HTC000779	THUY HI N	08/02/1998	N	6.25	5	6.6	6.2				2.5	
772	HTC000780	AO TH HI N	22/01/1998	N	2	6	3.8					2	
773	HTC000781	NG TH H NG HI N	31/07/1998	N	5.75	5	7.2	5.6				2.38	
774	HTC000782	HOANG PH NG HI N	10/02/1998	N	5.5	7	3.2					4.73	
775	HTC000783	HOANG TH HI N	26/02/1998	N	1.5	6				5	6.75	2.25	
776	HTC000784	LE TH HI N	22/09/1998	N	3.75	5.5					5	1.88	
777	HTC000785	LE TH THU HI N	03/03/1998	N	1.25	6		3.6	5.6				
778	HTC000786	LE THU HI N	18/08/1998	N	6.5	5	6.6	4.2	5.6			3.08	
779	HTC000787	LO TH HI N	16/03/1997	N	5.5	5.5		5.4	4.6				
780	HTC000788	L NG TH HI N	27/08/1998	Nam	6.5	3	7.4	5.4					
781	HTC000789	L NG TH HI N	31/07/1998	N	5.5	3.5	6.4					2.18	
782	HTC000790	L NG TH THU HI N	16/12/1998	N	2.75	5		5.2	4.6				
783	HTC000791	L NG THU HI N	03/09/1998	N	2.25	6			3.6		4.25		
784	HTC000792	NGO TH HI N	04/06/1998	N	6	4.5	4.8	4.6				2.38	
785	HTC000793	NGO TH THU HI N	22/12/1998	N	5.5	4.5	6.4	6.8	6			5	
786	HTC000794	NGUY N TH HI N	11/10/1998	N	1.25	4				3.25	3.25	2.75	
787	HTC000795	NGUY N TH THU HI N	11/11/1998	N	5.5	5	5.6	4.8				2.88	
788	HTC000796	NGUY N TH THU HI N	15/03/1998	N	6	8					6.75	2.75	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
789	HTC000797	NGUY N TH THU HI N	25/05/1998	N	3.25	7.5				4	6		
790	HTC000798	NGUY N TH THU HI N	26/10/1998	N	1.5	8.5				6.75	8.75	3.33	
791	HTC000799	NGUY N TH C HI N	19/02/1998	N	7.75	5	7	6				4.03	
792	HTC000800	PH M TH NG C HI N	26/11/1998	N	6.75	3.5	5.8	5.4	6			7.5	
793	HTC000801	PH M TH THU HI N	13/10/1998	N	6.5	8					6.25	4.8	
794	HTC000802	PH M THU HI N	07/08/1998	N	5	7.5					4.75	2.13	
795	HTC000803	PH M THU HI N	27/06/1998	N	3.25	6	5.2					3.55	
796	HTC000804	PH M THÚY HI N	28/10/1998	N	7.25	6.5	7.4	6.4	6			5.08	
797	HTC000805	T THANH HI N	05/11/1998	N	2.5	4				6.5	3.25	2.38	
798	HTC000806	V NG C HI N	03/04/1998	N	8	4.5	7.4	7				3	
799	HTC000807	ÀO XUÂN HI N	21/05/1998	Nam	1.25	4.5	1.8	3.6			4	2	
800	HTC000808	HÀ TH HI N	27/03/1998	N	2.75	4.5					3.75	2.13	
801	HTC000809	HOÀNG V N HI N	24/12/1998	Nam	3.25	5				4	3.5	1.88	
802	HTC000810	NGUY N V N HI N	16/07/1997	Nam		6				7.75	8.25		
803	HTC000811	NÔNG TH HI N	28/07/1996	Nam		7				7	5.5		
804	HTC000812	TR N V N HI N	06/03/1997	Nam		6				5	5.25		
805	HTC000813	BÙI NG C HI P	26/09/1998	Nam	3	9				8.5	7	3.55	
806	HTC000814	HUY HI P	28/09/1994	Nam		7.5				7	5		
807	HTC000815	LÊ HOÀNG HI P	24/02/1998	Nam	4	6	8	4.6	6.4			7.55	
808	HTC000816	LÊ HOÀNG HI P	27/08/1998	Nam	7.75	6.5	8.2	4.2				8.55	
809	HTC000817	LÊ HOÀNG HI P	28/07/1998	Nam	4.5	5	6.8	5.2				1.63	
810	HTC000818	NGUY N THÀNH HI P	12/11/1998	Nam	3.5	2					5.25	2	
811	HTC000819	NH C V N HI P	04/08/1997	Nam		6				7.75	7.25		
812	HTC000820	NÔNG V N HI P	02/05/1998	Nam	4.5	4	4.8	5	6.2				
813	HTC000821	PH M V N HI P	19/09/1993	Nam		3.5				7.5	6		
814	HTC000822	TR N XUÂN HI P	09/10/1998	Nam	3.25	6					4	1.88	
815	HTC000823	T NG V N HI P	23/12/1994	Nam		7				8.5	6.5		
816	HTC000824	HOÀNG XUÂN HI U	30/06/1998	Nam	2	7.5				6	5.75	2.35	
817	HTC000825	BÙI DUY HI U	13/07/1991	Nam		1.5				2.5	4.75		
818	HTC000826	MINH HI U	04/01/1998	Nam	5	3.5	6.8	6	4.2				
819	HTC000827	ÀO BÁ HI U	09/06/1996	Nam		4.5				4	7.25		
820	HTC000828	INH TR NG HI U	27/07/1998	Nam	1	2.5					4	2.63	
821	HTC000829	H XUÂN HI U	22/02/1995	Nam		6.5				7	4.75		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
822	HTC000830	HÀ MINH HI U	15/02/1998	Nam	2	6.5				4.25	4	2.38	
823	HTC000831	HOÀNG MINH HI U	21/09/1998	Nam	7.25	5	7.8	7.8				5.38	
824	HTC000832	LÊ MINH HI U	08/01/1998	Nam	7	8	5.4					7.85	
825	HTC000833	LÊ MINH HI U	15/10/1998	Nam	4.25	3.5	5.6					4.53	
826	HTC000834	LÊ MINH HI U	16/05/1998	Nam	3.5	4					4.25	3.88	
827	HTC000835	LÊ TRUNG HI U	30/01/1996	Nam		6.5				6.75	7.25		
828	HTC000836	LÊ V N HI U	04/11/1997	Nam	6.5		8.4					7.58	
829	HTC000837	L I V N HI U	16/10/1998	Nam	7.75	5		7	7.2			5.38	
830	HTC000838	L NG MINH HI U	18/03/1998	Nam	1.75	5	3	3.6	3.6			3.38	
831	HTC000839	LÝ PH NG HI U	18/08/1997	Nam	4.5		5.6	6	6.8				
832	HTC000840	MÔNG TRUNG HI U	14/05/1997	Nam	5	7	6.2	6.2		7.5	8		
833	HTC000841	NGUY N DUY HI U	08/01/1998	Nam	8	7			6.6			4.6	
834	HTC000842	NGUY N DUY HI U	22/06/1998	Nam	1.5	5	7	5.2	5.4	5	3.5	2.25	
835	HTC000843	NGUY N CHI U	23/09/1998	Nam	3	5.5					3.75	1.63	
836	HTC000844	NGUY N MINH HI U	06/04/1997	Nam	5.75		3.6	6					
837	HTC000845	NGUY N MINH HI U	09/09/1998	Nam	2.5	6	5.8	5.6				4	
838	HTC000846	NGUY N MINH HI U	09/12/1998	Nam	7.5	7	4.2					8.08	
839	HTC000847	NGUY N QUANG HI U	04/09/1998	Nam	3.75	7.5				6.25	9		
840	HTC000848	NGUY N TH MINH HI U	19/08/1996	N	4.5		5.8	4.4					
841	HTC000849	NGUY N TRUNG HI U	10/09/1990	Nam		7.5				7	5.25		
842	HTC000850	NGUY N TRUNG HI U	22/01/1998	Nam	5	3		6	5.8				
843	HTC000851	NGUY N V N HI U	22/11/1998	Nam	1.5	5		4	2.6				
844	HTC000852	NÔNG TRÍ HI U	20/03/1997	Nam	1.25	6.5				2	4.5	2.88	
845	HTC000853	PHAN TRUNG HI U	12/05/1998	Nam	5	5.5					4.5	3.78	
846	HTC000854	PH M MINH HI U	22/11/1998	Nam	3.5	5.5					5.75	1.75	
847	HTC000855	PH M TH MINH HI U	09/08/1998	N	3.25	5				4.25	6		
848	HTC000856	PHÙNG MINH HI U	11/12/1998	Nam	7	6	6.6	6				2.9	
849	HTC000857	PHÙNG TI N HI U	10/02/1998	Nam	2.75	5.5	5.4	3.8				1.88	
850	HTC000858	TRI U CHI U	16/02/1998	Nam	3	5				7.5	6	3.5	
851	HTC000859	TR N TH HI U	23/09/1998	N	4.5	4.5	4.8	6.4	6.6			5.85	
852	HTC000860	TR N TRUNG HI U	04/10/1997	Nam	4.5		4	6.2	5.6				
853	HTC000861	TR N TRUNG HI U	05/08/1996	Nam	6		6.8	6.6					
854	HTC000862	V MINH HI U	04/03/1998	Nam	6.75	5	6.8	6.4				1.7	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
855	HTC000863	V MINH HI U	04/10/1998	Nam	6.5	5.5	6.4	5.4				6.35	
856	HTC000864	V MINH HI U	26/09/1998	Nam	3.75	3.5	6.2	5.6				1.5	
857	HTC000865	ÀO XUÂN HI U	03/09/1998	Nam	6.75	5	6	6.2				3	
858	HTC000866	H A TH HI U	18/02/1998	N	6.5	5.5		5.2	6				
859	HTC000867	NÔNG CHI U	19/11/1998	Nam	5.75	4.5	6	5.8					
860	HTC000868	NÔNG TH HI U	18/01/1998	N	2.5	7				3.75	7.5		
861	HTC000869	V VI THI U	06/01/1991	Nam		2				1.75	2		
862	HTC000870	DI U HOA	20/03/1998	N	3.5	7.5					5.5	2.13	
863	HTC000871	THANH HOA	21/01/1998	N	6.5	5.5	5.6	6	6.4			7.93	
864	HTC000872	ÀO PH NG HOA	06/03/1998	N	5.5	5.5	6.8	6.6	6.2			7.35	
865	HTC000873	ÀO TH HOA	07/02/1998	N	4	5.5					3.5	2.38	
866	HTC000874	ÀO TH PH NG HOA	15/10/1998	N	3.25	5	3	3.2				2.85	
867	HTC000875	NG TH Y N HOA	13/06/1998	N	5.5	6.5					6	4.13	
868	HTC000876	OÀN TH NG C HOA	12/01/1998	N	1.75	5			2.4		3.25		
869	HTC000877	HOÀNG TH HOA	21/09/1998	N	6.25	5.5	6.2	6.2	4.4			8.03	
870	HTC000878	HOÀNG TH MAI HOA	20/12/1998	N	2.75	7.5				9.25	7.5		
871	HTC000879	L C MAI LÊ HOA	02/05/1998	N	2.25	7.5				7.25	4.25	2.75	
872	HTC000880	LÊ PH NG HOA	04/04/1998	N	9	8	7	8	8.2			5.28	
873	HTC000881	MA TH HOA	07/03/1998	N	3.5	6.5				7.75	6	3.38	
874	HTC000882	NGÕ TH HOÀNG HOA	22/12/1997	N		5.5				7	7.25		
875	HTC000883	NGÕ THANH HOA	26/07/1995	N	4.75	7.5						5.35	
876	HTC000884	NGUY N NG C LÊ HOA	07/12/1998	N	4.25	8.5				9.25	6.5	3.35	
877	HTC000885	NGUY N QU NH HOA	04/01/1998	N	5.25	8.5				6.25		6.23	
878	HTC000886	NGUY N TH THANH HOA	28/03/1998	N	1.5	6				8	6.25	2	
879	HTC000887	NGUY N THANH HOA	07/09/1998	N	3.5	6					5	1.75	
880	HTC000888	NH TH HOA	16/11/1998	N	4	5	4.8	5.4				2.38	
881	HTC000889	PHÙNG PH NG HOA	20/10/1998	N	5.75	6.5	7.2	5.2				3.25	
882	HTC000890	TR N TH HOA	30/11/1998	N	4.75	8.5				9.25	8.75		
883	HTC000891	TR NG TH PH NG HOA	13/07/1998	N	5.75	6	6.8	6.6	6			4.5	
884	HTC000892	V H NH HOA	10/12/1998	N	9	6	8.2	7.8				4.3	
885	HTC000893	V TH THANH HOA	31/01/1998	N	2.75	7.5				8.75	8.5	2.65	
886	HTC000894	NGUY N TH HOA	12/08/1998	N	2.75	6	3.6	4				2.05	
887	HTC000895	D NG TH KHÁNH HÒA	10/07/1998	N	1.75	5.5		5.6	3.2				

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
888	HTC000896	ÀO TH HÒA	18/01/1998	N	4.25	7.5		6	5				
889	HTC000897	L NG VI T HÒA	19/05/1998	Nam	2	7				6.5	8	2.4	
890	HTC000898	MÀ XUÂN HÒA	29/09/1998	Nam	2.75	6.5				5	6.75		
891	HTC000899	NGUY N HOÀNG HÒA	03/07/1998	Nam	3	5					5.5	2.38	
892	HTC000900	NGUY N MINH HÒA	29/04/1998	N	6.5	6.5	6.8	6.8	1.8			4.88	
893	HTC000901	NGUY N TH HÒA	26/08/1997	N	4.75	6.5						6.6	
894	HTC000902	NGUY N TR NG HÒA	01/02/1998	Nam	4	8				7.75	9.5	2.65	
895	HTC000903	V TH THANH HÒA	25/10/1998	N	4.75	6.5		4	5				
896	HTC000904	LÒ TH HÒA	06/04/1996	N	1.5	4.5				2.5	3.5		
897	HTC000905	BÙI THU HOÀI	07/06/1998	N	2.5	4.5					5	2.88	
898	HTC000906	ÀO TH THU HOÀI	05/04/1998	N	4.75	8					7	2.88	
899	HTC000907	HÀ TH THU HOÀI	25/10/1998	N	4	4					7	2.75	
900	HTC000908	HÀ THANH HOÀI	15/03/1998	N	3.25	6.5					5	3.03	
901	HTC000909	LÊ THU HOÀI	26/12/1997	N	7		7.8	7.2					
902	HTC000910	NGUY N TH HOÀI	31/03/1998	N	2.25	6.5					5	2.75	
903	HTC000911	NGUY N TH PH NG HOÀI	20/07/1998	N	4	6	4.6					3.13	
904	HTC000912	NGUY N THU HOÀI	02/10/1998	N	3.75	6					5.75	3.13	
905	HTC000913	NGUY N THU HOÀI	27/07/1998	N	4.75	6.5	5.6	5				3.5	
906	HTC000914	PH M TH HOÀI	19/05/1998	N	4	7.5					5.5	3.95	
907	HTC000915	PH M TH HOÀI	25/01/1998	N	6.5	6.5		5.4	7.2				
908	HTC000916	HOÀNG V N HOAN	05/05/1998	Nam	1.75	6				8	5		
909	HTC000917	NGUY N H U HOAN	15/04/1998	Nam	5.5	4	5.8	5.4				2.25	
910	HTC000918	TR N ÌNH HOAN	16/04/1998	Nam	7	5.5	6.4	6.6				2	
911	HTC000919	THANH HOÀN	27/11/1998	Nam	6	5	7.2	5.2				2.88	
912	HTC000920	NGUY N QUANG HOÀN	01/08/1998	Nam	2.25	5.5	2.8	3.6			6.75	2.25	
913	HTC000921	H U HOÀNG	05/01/1992	Nam		5.5				8.5	6.25		
914	HTC000922	V N HOÀNG	13/08/1998	Nam	3	3.5	5	3.6	3.8				
915	HTC000923	ÀO HUY HOÀNG	30/10/1996	Nam	6.5		5.2	4.6					
916	HTC000924	NG DANH HOÀNG	27/06/1994	Nam		5				8.75	6.25		
917	HTC000925	NG NGUY N TU N HOÀNG	06/03/1998	Nam	2.25	5				6.25	6.5	2.2	
918	HTC000926	HÀ MINH HOÀNG	20/01/1998	Nam	7	4.5	7.8	4.4				5.7	
919	HTC000927	LÀ V HOÀNG	06/11/1998	Nam	8	6.5	8	4.6				7.45	
920	HTC000928	LÊ HUY HOÀNG	15/09/1998	Nam	6.5	6	6.2					4	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
921	HTC000929	LÊ NG C HOÀNG	02/03/1998	Nam	2.75	6					4	2.85	
922	HTC000930	L NG MINH HOÀNG	18/04/1998	Nam	1.25	2	3	3		1.5	3.25		
923	HTC000931	NGUY N C HOÀNG	20/11/1990	Nam		4				3.5	3.75		
924	HTC000932	NGUY NH HUY HOÀNG	16/06/1998	Nam	2.75	6				5.5	4.75	2.25	
925	HTC000933	NGUY NH U HOÀNG	30/07/1998	Nam	2.5	3.5	6.4	3.8				2.13	
926	HTC000934	NGUY N HUY HOÀNG	02/09/1997	Nam	6			6.4	6				
927	HTC000935	NGUY N HUY HOÀNG	17/09/1998	Nam	3.25	4	4.4	5.2	4.6			7.78	
928	HTC000936	NGUY N MINH HOÀNG	07/07/1998	Nam	3.75	4.5					4	2.63	
929	HTC000937	NGUY N MINH HOÀNG	14/04/1998	Nam	5.5	5.5	6.4					4.73	
930	HTC000938	NGUY N TI N HOÀNG	24/07/1998	Nam	6.25	4.5	7.8	6.4				3.5	
931	HTC000939	NGUY N TR NG HOÀNG	19/08/1998	Nam	8	8.5			7.4			9.53	
932	HTC000940	NGUY N V N HOÀNG	05/07/1998	Nam	3.25	3.5					4	2.38	
933	HTC000941	NGUY N VI T HOÀNG	11/05/1998	Nam	2.5	6				3.25	4.25	2.25	
934	HTC000942	NGUY N VI T HOÀNG	23/10/1998	Nam	2.5	3.5	7.4					6.38	
935	HTC000943	NÔNG HUY HOÀNG	15/01/1993	Nam		7				4.5	3.75		
936	HTC000944	NÔNG V N HOÀNG	23/09/1998	Nam	3.5	4.5				7.25	4.5	1.63	
937	HTC000945	PH M CÔNG HOÀNG	02/11/1998	Nam	3.5	2	2.8	2.4			6.25	2.13	
938	HTC000946	PH M MINH HOÀNG	08/12/1998	Nam	8.5	6	8					4.98	
939	HTC000947	TH M BÁ HOÀNG	07/09/1997	Nam	6.5	7.5	4.2	5.2	3.8			5.48	
940	HTC000948	TR N C HOÀNG	09/05/1998	Nam	6	6	6.8	5.4	4.2			2.5	
941	HTC000949	TR N MINH HOÀNG	28/09/1998	Nam	3	2	4.4	4	3.8			2.75	
942	HTC000950	TR N VI T HOÀNG	25/04/1998	Nam	6	5.5	7	6.4				2.63	
943	HTC000951	V NH T HOÀNG	14/09/1996	Nam	6.5			7.6	7.2				
944	HTC000952	V S N HOÀNG	19/10/1989	Nam		5				8.25	6		
945	HTC000953	V VI T HOÀNG	10/09/1998	Nam	6.75	4.5	5.8	6.6	6.8			3.63	
946	HTC000954	HOÀNG V N HOÀNH	13/12/1998	Nam	6.5	7	6.2	6.6	6.8			3.23	
947	HTC000955	BUI C HO T	27/01/1998	Nam	4.75	4.5	5.8	5.6					
948	HTC000956	THANG V NH C	20/09/1997	Nam		5.5				7.5	3.75		
949	HTC000957	HOÀNG M NH H	28/04/1998	Nam	5.5	4.5	5.4	5.6	7			2.25	
950	HTC000958	THẢO A H	07/05/1995	Nam		5				5.25	3.25		
951	HTC000959	HOÀNG QU C H I	27/07/1997	Nam	5.75		5.2	4.4	6.2				
952	HTC000960	HOÀNG THANH H NG	22/09/1994	Nam		4				7.5	3.75		
953	HTC000961	MÔNG TH THU H NG	11/08/1998	N	3	6		5.4	4.6			3.6	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
954	HTC000962	NG C TH H NG	11/10/1997	N	0.5	6						2.13	
955	HTC000963	NGUY N HÀ THU H NG	19/11/1998	N	5.5	5	7.2	4.6				2.25	
956	HTC000964	NGUY N TH H NG	12/12/1997	N	6.25	5	7.2	4.2				2.75	
957	HTC000965	NGUY N TH H NG	29/12/1998	N	3.5	7				7.75	5	2.38	
958	HTC000966	PH M TH THANH H NG	17/06/1998	N	7.25	7	6.2	5.6	6.8			2.58	
959	HTC000967	PH M THU H NG	15/01/1998	N	5.5	4.5	5.8	6.4				2.75	
960	HTC000968	THẢO TH H NG	26/08/1998	N	5.5	6.5		5.8	5.6				
961	HTC000969	TRI U TH H NG	17/06/1997	N		5				5	4		
962	HTC000970	V BÍCH H NG	08/06/1998	N	2.25	6					4.25	2.13	
963	HTC000971	MÙA A H	20/07/1996	Nam	5	5	6	5.8					
964	HTC000972	NGUY N MINH H N	02/09/1997	N	5			4.8	5				
965	HTC000973	GIANG A HỮ	20/02/1995	Nam	2.25	5.5				2.25	5		
966	HTC000974	NG NG C HUÂN	07/04/1998	Nam	5.25	3.5	4.8	4.2				2.63	
967	HTC000975	LÔ V N HUÂN	01/05/1993	Nam		4				1.5	5.25		
968	HTC000976	TR N QUANG HUÂN	06/07/1998	Nam	5.5	4	7	5.4				1.75	
969	HTC000977	NG V N HU N	10/06/1998	Nam	1.75	2.5	5.8	5.6			5.25	2.75	
970	HTC000978	HOÀNG V N HU N	12/10/1997	Nam		4				3.75	3.5		
971	HTC000979	NGUY N V N HU N	09/08/1998	Nam	2.75	4.5		4.6	4.8		5.25	2.85	
972	HTC000980	INH TH HUẾ	18/09/1998	N	5	6.5	5.8	6.2				2.38	
973	HTC000981	L TH HU	15/10/1998	N	1.75	6				5.5	5.5	1.13	
974	HTC000982	MAI TH HU	01/10/1998	N	4.25	7					6.5	2.25	
975	HTC000983	NGUY N HI N HU	21/11/1998	N	4.75	6.5				7.75	8.25	2.88	
976	HTC000984	NGUY N TH H NG HU	16/08/1998	N	5	7					6.5	3.1	
977	HTC000985	NGUY N TH THU HU	02/10/1998	N	3.25	5.5	4.6	7.4				2.25	
978	HTC000986	TRI U TH HU	29/04/1998	N	4	4.5			5			3	
979	HTC000987	TR N TH HU	15/11/1998	N	6.5	6	6	6				2.38	
980	HTC000988	CHU KIM HU	15/10/1998	N	2	6.5					6.25	3.25	
981	HTC000989	OÀN MINH HU	27/03/1998	N	6.75	6.5	2.4					2.1	
982	HTC000990	HÀ TH HU	19/04/1998	N	2.75	5.5				5.5	7		
983	HTC000991	HOÀNG THU HU	13/09/1998	N	1.75	6.5			3		5		
984	HTC000992	LÔ TH HU	10/05/1997	N		6.5				3.75	6.25		
985	HTC000993	LÔ TH HU	20/08/1998	N	2.75	6.5				3.75	6.5		
986	HTC000994	NGUY N BÍCH HU	18/08/1998	N	3.25	6.5				2.75	6	2.63	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
987	HTC000995	NGUY N TH H NG HU	20/02/1998	N	5	6	6	7.4				2.38	
988	HTC000996	NGUY N TH HU	04/03/1998	N	3.5	9				8.75	9.5	2.95	
989	HTC000997	NGUY N TH HU	16/03/1998	N	1.5	5		3.8	4		3.5	2.8	
990	HTC000998	NGUY N TH HU	16/09/1998	N	5	8.5				8	8.75	3	
991	HTC000999	NGUY N THU HU	11/11/1998	N	4.75	8.5				6.75	8	2.5	
992	HTC001000	NÔNG NG C HU	05/04/1990	Nam		3				5	5		
993	HTC001001	NÔNG TH HU	15/05/1998	N	2.5	6				4.5	4.75		
994	HTC001002	BUI M NH HÙNG	26/02/1997	Nam		5.5				4.5	5.5		
995	HTC001003	BUI V N HÙNG	23/11/1995	Nam		3.5				2.75	2.25		
996	HTC001004	INH HÙNG	10/08/1998	Nam	4.5	5.5					3.5	2.45	
997	HTC001005	HOANG M NH HÙNG	05/11/1992	Nam		3				3.75	2		
998	HTC001006	HOANG TH HÙNG	15/02/1998	Nam	2.75	4.5				6	4.5	2.25	
999	HTC001007	HOANG TH HÙNG	20/02/1992	Nam		6				6.75	7		
1000	HTC001008	HOANG V N HÙNG	01/04/1998	Nam	2.75	7				6.75	7.5		
1001	HTC001009	HOANG VI T HÙNG	30/10/1997	Nam		7.5				7.25	8.75		
1002	HTC001010	LÊ VI T HÙNG	23/08/1994	Nam		4.5				4	5.25		
1003	HTC001011	LÝ PH NG HÙNG	05/05/1998	Nam	4.5	4.5	6.6	7.8				2	
1004	HTC001012	NGUY N CÔNG HÙNG	11/10/1998	Nam	6.25	5	6.8					6.95	
1005	HTC001013	NGUY N DUY HÙNG	04/06/1998	Nam	4.25	3	6.6	6.4				2	
1006	HTC001014	NGUY N DUY HÙNG	15/03/1998	Nam	2.75	7	4.4					3.68	
1007	HTC001015	NGUY N M NH HÙNG	02/09/1998	Nam	5.25	6	2.4					4.48	
1008	HTC001016	NGUY N M NH HÙNG	08/08/1998	Nam	5.5	7	5.4	5.2		7.25	7	2.25	
1009	HTC001017	NGUY N M NH HÙNG	31/05/1998	Nam	4.25	3		4.4	4			2.8	
1010	HTC001018	NGUY N TI N HÙNG	29/06/1998	Nam	8	5	6.6	6.8	8			3.18	
1011	HTC001019	NGUY N V N HÙNG	01/07/1998	Nam	6	7					5.25	4.35	
1012	HTC001020	NÔNG V N HÙNG	11/01/1996	Nam	1.5	5				2	6	2.5	
1013	HTC001021	PH M M NH HÙNG	27/04/1998	Nam	3.75	3.5					4	2.13	
1014	HTC001022	PHÙNG M NH HÙNG	20/12/1994	Nam		5				4.75	6.75		
1015	HTC001023	SAM NH HÙNG	13/10/1996	Nam		4.5				4	5.75		
1016	HTC001024	TR N PHI HÙNG	09/10/1998	Nam	7.75	6.5		7.8	8.6			2.43	
1017	HTC001025	TR N QU C HÙNG	13/02/1998	Nam	3.25	3	6.4	6			5.25	2.25	
1018	HTC001026	TR N V N HÙNG	12/06/1998	Nam	5.75	7	5					6.28	
1019	HTC001027	TR NG QUANG HÙNG	23/02/1998	Nam	6	3	6	6.6				2.13	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1020	HTC001028	TR NG V N HÙNG	01/07/1996	Nam		6.5				5.75	7.5		
1021	HTC001029	V HOÀNG HÙNG	20/12/1998	Nam	7.25	3	5.4	6.8				1.75	
1022	HTC001030	V M NH HÙNG	26/07/1996	Nam		6.5				7	8.75		
1023	HTC001031	BÙI C HUY	20/05/1995	Nam		6.5				6.75	8.25		
1024	HTC001032	BÙI QU C HUY	03/10/1998	Nam	6.25	4.5	5	8				1.63	
1025	HTC001033	D NG QUANG HUY	12/12/1995	Nam		2				2.5	6.75		
1026	HTC001035	OÀN C HUY	23/07/1998	Nam	7.25	5	6.6	7	8.8			2.78	
1027	HTC001036	HOÀNG H U HUY	25/08/1998	Nam	2.25	6.5				7	7.75	2.63	
1028	HTC001037	HOÀNG V N HUY	08/06/1998	Nam	0.75	4				2.5	5.5	2	
1029	HTC001038	LÂM QUANG HUY	01/10/1998	Nam	1.75	5				6	7.75		
1030	HTC001039	L C QU C HUY	22/10/1993	Nam		3.5				5.25	5.5		
1031	HTC001040	LÊ C HUY	16/02/1997	Nam		6				8.5	8.75		
1032	HTC001041	LÊ HOÀNG HUY	31/05/1998	Nam	2.25	6				2.5	6.25	1	
1033	HTC001042	LÔ QUANG HUY	28/09/1998	Nam	2.25	5				2.75	6.5	2.63	
1034	HTC001043	NGUY N NG HUY	29/09/1998	Nam	6.25	3	7.6					2.98	
1035	HTC001044	NGUY N NG C B O HUY	29/10/1998	Nam	6	6.5	5.4	7.2				2.25	
1036	HTC001045	NGUY N NG C HUY	22/03/1997	Nam		7				7.75	6.5		
1037	HTC001046	NGUY N QUANG HUY	09/12/1998	Nam	1.25	4				3.75	6.5	1.88	
1038	HTC001047	NGUY N QUANG HUY	10/07/1996	Nam	3	3.5					4.5	2.25	
1039	HTC001048	NGUY N QUANG HUY	20/08/1998	Nam	3.5	5					5.25	2.73	
1040	HTC001049	NGUY N QUANG HUY	22/11/1998	Nam	6.75	5.5	7.6					3.73	
1041	HTC001050	NGUY N QUANG HUY	23/09/1997	Nam	5.75		5					2	
1042	HTC001051	NGUY N SINH HUY	14/05/1998	Nam	6.25	4.5	6	7.6				3.3	
1043	HTC001052	NÔNG V N HUY	11/01/1998	Nam	3	7				7.75	8	1.75	
1044	HTC001053	PH M QUANG HUY	10/07/1998	Nam	1.25	3	3	4.2	4.4			2.75	
1045	HTC001054	PH M QUANG HUY	15/06/1998	Nam	6.75	6	4.8	4.8	7.4			2.63	
1046	HTC001055	PH M QUANG HUY	26/02/1998	Nam	7.25	4.5	6.8	7.8				2.38	
1047	HTC001056	PH M QUANG HUY	30/05/1998	Nam	6.75	4.5	6.4	7.6				1.88	
1048	HTC001057	TR N S HUY	18/02/1998	Nam	2.75	6				5.5	5	2.25	
1049	HTC001058	H A V N HUYỀN	15/01/1995	Nam		8				6.5	5.75		
1050	HTC001059	L NG TH HOÀNG HUYỀN	04/10/1998	N	6.75	6	6.2	5.4	3			2.68	
1051	HTC001060	L NG TH HUYỀN	07/04/1998	N	3.5	8				5.5	7	3.53	
1052	HTC001061	PHAN ÌNH HUYỀN	16/03/1997	Nam		7.5				4.75	7.75		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1053	HTC001062	TR N TH HUYỀN	24/10/1998	Nam	3.5	5.5					5.25	1.75	
1054	HTC001063	BÙI KHÁNH HUY N	04/03/1998	N	3.75	5		3.2	4.4				
1055	HTC001064	CHU TH HUY N	26/06/1998	N	7.5	5.5	6.8	7.4				2.13	
1056	HTC001065	KHÁNH HUY N	29/03/1998	N	4	6					5	2.63	
1057	HTC001066	TH THANH HUY N	29/11/1998	N	4.5	4	5.4	5	7.4			2.85	
1058	HTC001067	ÀO TH THANH HUY N	20/09/1996	N	6.75			6	7				
1059	HTC001068	INH TH THANH HUY N	29/06/1998	N	6.5	6.5		5.2	7.6			2.6	
1060	HTC001069	NG THANH HUY N	07/11/1998	N	2	5				4	3.25	1.75	
1061	HTC001070	OÀN TH MINH HUY N	06/04/1998	N	3.75	7.5					5.25	2.9	
1062	HTC001071	HÀ TH THANH HUY N	08/09/1998	N	2.75	5.5		3	4.4				
1063	HTC001072	HÀ TH THU HUY N	31/05/1998	N	3.75	7					4.75	2.5	
1064	HTC001073	HÀ THU HUY N	20/04/1998	N	6.25	4.5					4.5	1.75	
1065	HTC001074	HOÀNG HÀ NG C HUY N	26/07/1998	N	4.5	7					3.25	5.4	
1066	HTC001075	HOÀNG TH HUY N	18/10/1998	N	1.75	7				2.75	4.25		
1067	HTC001076	HOÀNG TH THU HUY N	01/03/1998	N	5	5	6	4.8					
1068	HTC001077	HOÀNG TH THU HUY N	17/05/1997	N	1.75	4	2.6	4.4	3				
1069	HTC001078	LÊO TH THANH HUY N	26/05/1997	N	1.75	6		4.6	4.4	3	4.5		
1070	HTC001079	LÊ TH HUY N	27/09/1998	N	4.75	6.5	5.4	4.6	6.4			2.83	
1071	HTC001080	LÊ TH THU HUY N	11/07/1998	N	8	5	6.6	5.6				2.5	
1072	HTC001081	L NG TH HUY N	19/06/1998	N	4.25	6.5					4.5	2.88	
1073	HTC001082	NGUY N KHÁNH HUY N	10/10/1998	N	3	7				3	5.25	2.75	
1074	HTC001084	NGUY N TH KHÁNH HUY N	03/11/1998	N	4	5.5				3.5	4.5	1.75	
1075	HTC001085	NGUY N TH KHÁNH HUY N	18/02/1998	N	6.75	8	6					4.53	
1076	HTC001086	NGUY N TH KHÁNH HUY N	19/11/1998	N	8	5.5	7.2	7.4				3.63	
1077	HTC001087	NGUY N TH NG C HUY N	02/06/1997	N	4	8				4.5	4.5	2.73	
1078	HTC001089	NGUY N TH THANH HUY N	07/02/1998	N	5.25	6.5			6.6			3.35	
1079	HTC001090	NGUY N TH THANH HUY N	17/08/1998	N	4.75	6.5					6.75	3	
1080	HTC001091	NGUY N TH THU HUY N	25/07/1998	N	6.5	8	4.8					5	
1081	HTC001092	NGUY N TH THU HUY N	26/11/1997	N	2	2					3.75	2.38	
1082	HTC001093	NGUY N THANH HUY N	26/03/1998	N	7.75	5.5	7	8				3	
1083	HTC001094	NGUY N THANH HUY N	29/07/1998	N	3	7				3.25	5.5	1.5	
1084	HTC001095	NGUY N THANH HUY N	30/03/1998	N	2.5	7.5				6.25	7.5		
1085	HTC001096	NGUY N TH C HUY N	30/07/1998	N	6.5	5	6.6	5.8				2.4	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1086	HTC001097	NGUY N THU HUY N	13/08/1997	N	2.25	5.5					2	6	
1087	HTC001098	NGUY N TR N THU HUY N	22/10/1998	N	6.25	8.5	4					5.43	
1088	HTC001099	NÔNG KHÁNH HUY N	27/01/1998	N	7	6.5	7					5.48	
1089	HTC001100	NÔNG TH HUY N	15/08/1997	N		6.5				2.75	5		
1090	HTC001101	NÔNG TH NG C HUY N	26/12/1998	N	0.75	5				4	5.25		
1091	HTC001102	NÙNG TH THANH HUY N	26/01/1997	N		7				3.75	8.5		
1092	HTC001103	PH M TH THU HUY N	10/12/1998	N	4	6.5					4.75	2.25	
1093	HTC001104	PH M THANH HUY N	08/07/1998	N	3.75	7.5				5	5.25	2.5	
1094	HTC001105	PH M THANH HUY N	10/09/1998	N	5.5	7					5.75	5.73	
1095	HTC001106	QUÁCH TH HUY N	01/09/1998	N	5.25	5	6.4	5.2					
1096	HTC001107	T NG ÁNH HUY N	23/01/1998	N	4	8				7.25	7.5	2.63	
1097	HTC001108	TRI U TH HUY N	08/07/1998	N	3.25	5.5	4.4	5.8				1.88	
1098	HTC001109	TR N NG C HUY N	20/03/1998	N	2.25	6.5				5	6	2.63	
1099	HTC001110	TR N TH HUY N	11/11/1998	N	4.75	6.5	5.4	3.2			4.75	2.45	
1100	HTC001111	TR N TH HUY N	25/02/1997	N	6.25			7.2	5.8				
1101	HTC001112	TR N TH THANH HUY N	10/11/1998	N	3.25	2.5	5.4	4.8				2.38	
1102	HTC001113	TR N THU HUY N	10/05/1998	N	5.5	6.5	5.2	5.2	5.2		4.75	3.1	
1103	HTC001114	TR N THUY HUY N	24/08/1998	N	5.25	5.5	6.2	5.8				3	
1104	HTC001115	V TH HUY N	13/01/1998	N	5.25	3		4.8	5.8				
1105	HTC001116	LÊ THANH HUY N	10/02/1998	N	4.75	6.5	3.4					2.63	
1106	HTC001117	L NG V N HUY N	11/05/1994	Nam		6				7	4.75		
1107	HTC001118	V C HU NH	24/07/1998	Nam	5.25	7.5					5.25	2.75	
1108	HTC001119	NÔNG M NH HUYNH	29/08/1997	Nam	3	6				7	5.5	2.75	
1109	HTC001120	INH HOÀNG H NG	27/05/1998	Nam	5	3	6.8	7				1.63	
1110	HTC001121	INH QUANG H NG	08/07/1998	Nam	6.75	3	5.4	5.4				3	
1111	HTC001122	HOÀNG MINH H NG	23/06/1998	Nam	5.75	5					2.5	3.63	
1112	HTC001123	HOÀNG NG C H NG	23/07/1997	Nam	5.25		6.4	5.8					
1113	HTC001124	HOÀNG V N H NG	22/03/1998	Nam	2	5				8	5	2	
1114	HTC001125	HOÀNG VI T H NG	11/05/1997	Nam	6.5		6	6.4	5.8				
1115	HTC001126	LÊ TH H NG	05/02/1998	Nam	3.5	3	5.6	6				3	
1116	HTC001127	MAI TU N H NG	11/01/1998	Nam	5.25	3.5	6	6.6	7.2			2.48	
1117	HTC001128	NGÕ NG C H NG	19/01/1998	Nam	4	5.5	5					1.88	
1118	HTC001129	NGUY N DUY H NG	04/05/1994	Nam		4.5				7.25	6.25		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1119	HTC001130	NGUY NH UH NG	16/02/1998	Nam	5.25	2.5	6.4	4.8	5.6			2	
1120	HTC001131	NGUY NH UH NG	22/04/1998	Nam	5.75	4	4.6	4.6	3.4			4.53	
1121	HTC001132	NGUY NM NH H NG	23/12/1998	Nam	2	5				6.25	5.25	2.13	
1122	HTC001133	NGUY N QUANG H NG	27/10/1998	Nam	3.75	5.5	3.8					3.1	
1123	HTC001134	NGUY N V NH NG	17/11/1998	Nam	4.75	7				8.25	9.25		
1124	HTC001135	NÔNG V NH NG	12/07/1996	Nam	3.75		4.6	4.6	5.4				
1125	HTC001136	PH M KI UH NG	15/02/1998	Nam	3.5	8.5				6.5	7.75	2.25	
1126	HTC001137	TRI UH NGH NG	10/08/1998	Nam	5.5	4	5	5.4				2	
1127	HTC001138	TRI U QUANG H NG	30/11/1997	Nam		4.5				5.25	6.75		
1128	HTC001139	TR N QU CH NG	17/04/1998	Nam	8	5.5	8.2	5.6				2.5	
1129	HTC001141	V NG CH NG	29/06/1996	Nam	2		5.6	4.6	5.6				
1130	HTC001142	BÙI THANH H NG	01/09/1998	N	3.25	6	4.4					2.38	
1131	HTC001143	D NG TH H NG	05/02/1997	N		6.5				6.75	7		
1132	HTC001144	TH H NG	17/09/1998	N	3.75	7.5				8.5	7		
1133	HTC001145	THU H NG	19/01/1998	N	6	7	5.6	4.4	5.4			3.48	
1134	HTC001146	ẢO TH THU H NG	29/09/1998	N	6.25	6.5					4	3.98	
1135	HTC001147	NG TH H NG	23/01/1998	N	5	5		5.6	4.8				
1136	HTC001148	OÀN TH THANH H NG	04/11/1998	N	4.25	5	5.6	5				2.38	
1137	HTC001149	HÀ TH LAN H NG	15/07/1998	N	5	5					4.25	2.5	
1138	HTC001150	HOÀNG THÙY H NG	18/05/1997	N	3.75	4.5					4	2.38	
1139	HTC001151	KHANG TH THANH H NG	22/05/1998	N	5.75	7		4.8	6.8				
1140	HTC001152	KH NG THU H NG	23/09/1998	N	2	7.5				8.5	8.5	2.5	
1141	HTC001153	LÊ TH H NG	03/01/1998	N	4	6.5				7.25	6.5	2.68	
1142	HTC001154	LÊ TH LAN H NG	10/10/1998	N	3	6.5					5.75	2.5	
1143	HTC001155	LÊ TH LAN H NG	28/02/1998	N	0.75	4					3.5	2.25	
1144	HTC001156	LÊ THANH H NG	19/10/1998	N	6	8.5					4.5	7.68	
1145	HTC001157	LÊ THU H NG	10/03/1998	N	5.25	7	6.6	5.2				2	
1146	HTC001158	LÊ THU H NG	28/02/1998	N	5.75	6	4.4	6	6			2	
1147	HTC001159	L U MAI QU NH H NG	11/08/1998	N	6.75	3.5	7	5.8	4.8			2.75	
1148	HTC001160	L NG TH LAN H NG	22/12/1998	N	2.25	4	3.8	4.4			5	2.13	
1149	HTC001161	L NG DI UH NG	08/09/1998	N	7.5	8.5					5.25	6.38	
1150	HTC001162	L NG QU NH H NG	01/11/1997	N	6	7.5						4.08	
1151	HTC001163	NGÂN THU H NG	04/10/1998	N	4	7.5				8	7.5		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1152	HTC001164	NGU THU H NG	23/09/1998	N	2.25	5					4	3	
1153	HTC001165	NGUY N TH LAN H NG	10/04/1998	N	6.5	7.5	4.4					2.3	
1154	HTC001166	NGUY N TH MAI H NG	02/01/1997	N	2			5.4	5.2				
1155	HTC001167	NGUY N TH NGÂN H NG	27/02/1998	N	5.25	6.5	5.4	4.8				3	
1156	HTC001168	NGUY N TH THU H NG	15/07/1998	N	3.5	7.5					4	2	
1157	HTC001169	NGUY N THU H NG	07/11/1998	N	7.25	8	8.8	6.4					
1158	HTC001170	NGUY N THU H NG	18/11/1998	N	3	5				7.25	7.25	3.05	
1159	HTC001171	PHAN TH DI U H NG	08/10/1998	N	3	5.5					3.5	2.1	
1160	HTC001172	PH M TH HOÀI H NG	05/08/1998	N	6.75	6	6.4	5.6				3.25	
1161	HTC001173	THÀNH TH THU H NG	25/09/1998	N	4.75	5.5	5.4	4.4				2.38	
1162	HTC001174	TR N TH H NG	10/07/1998	N	2.75	4		3.6	5.6		4	2.38	
1163	HTC001175	TR N TH H NG	28/06/1998	N	5	6					4.25	2.6	
1164	HTC001176	TR N TH QU NH H NG	30/07/1998	N	4	6	5.8	4.8				2.5	
1165	HTC001177	TR N TH THANH H NG	10/01/1998	N	3.5	4					4	2.13	
1166	HTC001178	TR N TH THU H NG	31/10/1998	N	6	7	3.8				5.25	3.88	
1167	HTC001179	NG TH H NG	17/12/1998	N	6.75	5	7.8	5.8				3.5	
1168	HTC001180	H TH H NG	20/05/1998	N	5.25	7	6.4					2.85	
1169	HTC001181	HOÀNG TH H NG	13/06/1998	N	2.5	7.5				7.25	7.25		
1170	HTC001182	LŨ TH H NG	05/11/1998	N	1.25	7				7.25	5.25		
1171	HTC001183	NGUY N TH H NG	14/12/1998	N	6.25	7	6	5.4			5.75	4.43	
1172	HTC001184	NGUY N TH THU H NG	22/11/1998	N	6	4	6.2	4	5.4			2.88	
1173	HTC001185	NGUY N THU H NG	12/10/1998	N	6.75	5	4	4.2	5.4			2.48	
1174	HTC001186	NGUY N THÚY H NG	02/10/1998	N	5.5	8.5	6.6					4.7	
1175	HTC001187	NGUY N THÚY H NG	23/06/1998	N	6.25	5.5	6.2	5				2.75	
1176	HTC001188	PH M THÚY H NG	05/06/1998	N	6	6.5	6.4					2.98	
1177	HTC001189	TR N TH H NG	23/01/1998	N	3.75	6					5	3.13	
1178	HTC001190	NGUY N C H NG	22/02/1998	Nam	3.75	6					4.5	2.13	
1179	HTC001191	L NG MINH H U	27/07/1998	Nam	1.75	4					4	2.73	
1180	HTC001192	NGUY N V N K T	10/07/1998	Nam	1.5	6.5				4.25	6.75		
1181	HTC001193	INH TU N KH I	21/05/1998	Nam	2.5	5				4.25	7.5	2	
1182	HTC001194	NGUY N QUANG KH I	19/08/1998	Nam	6.25	5	7.2	7.4	7.2			2.38	
1183	HTC001195	NGUY N QUANG KH I	22/01/1998	Nam	1.5	2.5	5.4	4.6				1.75	
1184	HTC001196	PH M XUÂN KH I	21/03/1995	Nam		6				8	7		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1185	HTC001197	TR N V N KH I	19/05/1998	Nam	3	6.5				8.25	6		
1186	HTC001198	NGỒ AN KHANG	19/05/1993	Nam		7				5.5	6.25	2.63	
1187	HTC001199	NGUY N C KHANG	08/10/1998	Nam	6.5	5.5	6	7	6			2.5	
1188	HTC001200	V TR NG KHANG	26/08/1994	Nam		4.5				8	6		
1189	HTC001201	LÊ KHANH	04/10/1997	N	0.25	4					3.5	2.25	
1190	HTC001202	NGUY N C KHANH	15/07/1998	Nam	8.5	4.5	6.8					6.88	
1191	HTC001203	NGUY N PH NG KHANH	28/01/1998	N	6.5	5	4.4					3.68	
1192	HTC001204	NGUY N TH M KHANH	31/01/1998	N	7.25	7.5	3	5.6	6			4.13	
1193	HTC001205	BI N PHÚC KHÁNH	05/04/1998	Nam	6.5	5	8.2	5.8				1.88	
1194	HTC001206	BÙI NG C KHÁNH	27/08/1998	Nam	5	5	5	6	6				
1195	HTC001207	D NG TR NG KHÁNH	23/03/1993	Nam		4.5				8.75	8.25		
1196	HTC001208	DUY KHÁNH	09/07/1998	Nam	2	4.5				3.5	5.25	2.63	
1197	HTC001209	C KHÁNH	02/09/1998	Nam	0.5	3					3	1.63	
1198	HTC001210	ÀO NH T KHÁNH	16/12/1998	Nam	6.75	7	7.4					4	
1199	HTC001211	INH V N KHÁNH	18/03/1997	Nam		8				7.25	9		
1200	HTC001212	NG TR NG KHÁNH	27/12/1998	Nam	0.5	3.5					3.25	2.25	
1201	HTC001213	HOÀNG TH MAI KHÁNH	28/11/1998	N	3.75	6			5.2		6.75		
1202	HTC001214	LÊ DUY KHÁNH	14/06/1998	Nam	1.5	3	5.6	4.6				2.25	
1203	HTC001215	NGUY N BÁ KHANH	02/06/1994	Nam		3				7	6		
1204	HTC001216	NGUY N C KHÁNH	30/08/1993	Nam		5				6.25	5.75		
1205	HTC001217	NGUY N NG C KHÁNH	29/06/1998	Nam	8.75	5.5	7.6					7.85	
1206	HTC001218	NGUY N QU C KHÁNH	01/03/1998	Nam	6.5	4.5	6.8	4.8	4			2.63	
1207	HTC001219	NGUY N TH KHÁNH	02/09/1998	Nam	4.25	5		4.6			6		
1208	HTC001220	NÔNG DUY KHÁNH	07/07/1998	Nam	3	5	5.8	4.2			6.5		
1209	HTC001221	PH M DUY KHÁNH	19/09/1998	Nam	6.75	4	7.4	6.4				3.5	
1210	HTC001222	PHÙNG V N KHÁNH	26/04/1997	Nam		6.5				7.25	7.25		
1211	HTC001223	TR N BÌNH KHÁNH	24/06/1998	Nam	1.5	4.5					2.25	3	
1212	HTC001224	TR N NG C KHÁNH	03/06/1998	N	5.25	5.5	6.6	6				2.75	
1213	HTC001225	TR N QU C KHÁNH	02/09/1998	Nam	1.75	3.5					4	2	
1214	HTC001226	V DUY KHÁNH	04/03/1998	Nam	3.5	7.5				7	7	2.25	
1215	HTC001227	V QU C KHÁNH	02/09/1998	Nam	2	4.5					6	2.13	
1216	HTC001228	V V N KHÁNH	28/12/1991	Nam	6.75		7.4	7.4					
1217	HTC001229	TRANG A KHAY	20/04/1997	Nam	2.5	5.5				4.75	5	2.5	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1218	HTC001230	NG V N KHIÊM	28/08/1998	Nam	3.25	5	6.2	5	6.2			1.88	
1219	HTC001231	HOÀNG ÌNH KHIÊM	08/04/1991	Nam		4.5				4.25	4.25		
1220	HTC001232	TR N NG KHOA	13/10/1998	Nam	7.25	4.5	7.8	7.6				4.65	
1221	HTC001233	V S KHOA	01/02/1998	Nam	5.25	4.5					6	2.5	
1222	HTC001234	HOÀNG TR NG KHOÀNG	11/09/1993	Nam		3.5				4.25	5		
1223	HTC001235	LÝ NG C KHÔI	06/05/1997	Nam	5.25			6.8	7.4				
1224	HTC001236	TR N MINH KHÔI	01/10/1998	Nam	3.75	5.5	5.6	5.4	5.2			2.63	
1225	HTC001237	V NG ÌNH KH I	23/02/1996	Nam	3.25		3.6	6.6					
1226	HTC001238	NGUY N KIM KHUYỀN	03/11/1998	N	3.75	7				8.75	4.75	2	
1227	HTC001239	VÌ TH KHUYỀN	09/03/1998	N	3.25	5	3	2			5.25	1.88	
1228	HTC001240	NGUY N C KHUY N	10/08/1998	Nam	1.5	5	4.2	4.2	4.4			1.88	
1229	HTC001241	TR N DUY KH NG	14/02/1998	Nam	1.75	3	2.2	4				2.25	
1230	HTC001242	V V N KH NG	11/05/1998	Nam	6	6	6	6	6.4				
1231	HTC001243	C KIÊN	22/08/1998	Nam	8.75	5.5	8.2	8.2				6	
1232	HTC001244	ÀO QUANG KIÊN	14/11/1998	Nam	6	5	6	4.8				2.13	
1233	HTC001245	HÀ TRUNG KIÊN	30/12/1998	Nam	3.5	5	4.2	5.2				2.5	
1234	HTC001246	HOÀNG TRUNG KIÊN	03/08/1998	Nam	3.75	7				9	7.5	2.5	
1235	HTC001247	LỄ OÀN TRUNG KIÊN	08/04/1998	Nam	5.5	4.5	5.4					7.8	
1236	HTC001248	LỄ HUY KIÊN	20/12/1998	Nam	3	4				5	4.25	2.13	
1237	HTC001249	LỄ NGUY N TRUNG KIÊN	12/10/1998	Nam	3.25	5		4.6	4.2			2.63	
1238	HTC001250	LỄ TRUNG KIÊN	12/06/1998	Nam	4.5	8				9.5	8	3	
1239	HTC001251	LỄ TRUNG KIÊN	15/08/1998	Nam	3.75	3.5	6.6					4.38	
1240	HTC001252	NGUY N TRUNG KIÊN	03/09/1998	Nam	6	4.5	7.8	7.2				2.75	
1241	HTC001253	NGUY N TRUNG KIÊN	09/11/1997	Nam	4.5		6.4	5.6					
1242	HTC001254	NGUY N TRUNG KIÊN	11/09/1998	Nam	4.25	3.5	5.4	5.4		1.5	3.75	4	
1243	HTC001255	NGUY N TRUNG KIÊN	15/10/1991	Nam		6				7.75	6		
1244	HTC001256	NGUY N TRUNG KIÊN	21/04/1998	Nam	4	7.5				8.75	7.25	2.4	
1245	HTC001257	NGUY N TRUNG KIÊN	28/03/1998	Nam	2.75	4.5	6.2					3.23	
1246	HTC001258	NGUY N V N KIÊN	06/09/1995	Nam	5.25		6.6	5.6					
1247	HTC001259	PHAN TRUNG KIÊN	05/01/1998	Nam	0.5	2.5					2	2.5	
1248	HTC001260	TRI U THANH KIÊN	12/08/1997	Nam		5.5				6	4.5		
1249	HTC001261	TR N TRUNG KIÊN	01/01/1998	Nam	6.25	2.5		6.4	6.6			2.5	
1250	HTC001263	HOÀNG TH KI U	07/04/1997	N	4.5	7.5		5.8	6.8			2.53	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1251	HTC001264	NGUY N TH THÚY KI U	13/02/1998	N	2	5.5				4.5	4.25	2.75	
1252	HTC001265	HOÀNG V N K	06/08/1998	Nam	3.25	5.5				5	4.75		
1253	HTC001266	V NG C K	25/08/1997	Nam	2.75	4				6.75	4.5	2.73	
1254	HTC001267	V TI N K	16/02/1998	Nam	1.5	3.5					3	2.25	
1255	HTC001268	HÀNG A KÝ	20/02/1994	Nam	1.5		2	4.2					
1256	HTC001269	LŨ A KÝ	18/02/1997	Nam		6.5				5.25	5		
1257	HTC001270	THANH LAM	17/02/1998	N	4.25	6.5		6.4	6			2.38	
1258	HTC001271	HOÀNG HOÀI LAM	22/09/1997	N	6.5		5	6.6	6.2				
1259	HTC001272	HOÀNG TH THANH LAM	17/10/1997	N	4.75		5.2	4.8					
1260	HTC001273	L U THANH LAM	06/07/1998	N	6.25	7	6.6	5.2	4.4			3	
1261	HTC001274	NGUY N NG C LAM	23/08/1998	N	6.75	8	6.2					8.65	
1262	HTC001275	NGUY N TH THANH LAM	17/02/1997	N		7				6.5	8.25		
1263	HTC001276	PH M TH LAM	14/11/1998	N	7	6	7.4	5.8	6.8			3.5	
1264	HTC001277	TH HOÀNG LAN	01/11/1997	N	8.5		7.6					4.7	
1265	HTC001278	TH LAN	17/07/1998	N	3.75	4.5					6.25	1.75	
1266	HTC001279	ẢO TH H NG LAN	05/11/1998	N	6.25	5	6.2	3.6				4.75	
1267	HTC001280	HOÀNG HÀ TH O LAN	23/12/1998	N	5.5	8				7	8.25	3.03	
1268	HTC001282	HOÀNG TH LAN	02/09/1998	N	6.75	6.5		6.2	7.4				
1269	HTC001283	HOÀNG TH LAN	05/04/1998	N	6	4	5.2	5				3.5	
1270	HTC001284	NGUY N MAILAN	17/10/1998	N	1.5	5.5	2.4				3	1.75	
1271	HTC001285	NGUY N TH NG C LAN	21/10/1998	N	7	8					7.75	2.53	
1272	HTC001286	NGUY N TH NG C LAN	28/09/1998	N	4	7				8.25	6.75	1.98	
1273	HTC001287	NGUY N TH TUY T LAN	10/10/1997	N	3	6					3.75	1.5	
1274	HTC001288	NGUY N THU LAN	14/09/1998	N	4.25	5	6	4.6				3.25	
1275	HTC001289	TRI U TH LAN	05/02/1997	N	3.75		4.8	5.8	4.8				
1276	HTC001290	TR NH TH LAN	07/02/1998	N	5	5.5	5.2	6.4				2.38	
1277	HTC001291	NGUY N TH LÀNH	19/03/1998	N	5.5	7	6.4	7	5.8			3.85	
1278	HTC001292	BÙI XUÂN LÂM	29/03/1997	Nam	8.25	7.5	7.2					7.9	
1279	HTC001293	ĨNH LÂM	04/06/1993	Nam		4				5.5	5.75		
1280	HTC001294	GIANG A LÂM	08/09/1995	Nam		5				8.25	6.5		
1281	HTC001295	HÀN CAO LÂM	29/11/1997	Nam	2.25	2				3.75	3	2.23	
1282	HTC001296	HÀN H NG LÂM	11/04/1997	Nam	4.25			4.8					
1283	HTC001297	LÊ HUY LÂM	09/09/1998	Nam	2.75	4.5					4.25	2.1	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1284	HTC001298	LÊ THANH TÙNG LÂM	04/01/1994	Nam		4				4.75	7.25		
1285	HTC001299	NGÔ TÙNG LÂM	01/02/1997	Nam	2.75	4.5	5.6	2.4				3.13	
1286	HTC001300	NGUY N C LÂM	03/05/1998	Nam	7.25	5	8.2	3				5.9	
1287	HTC001301	NGUY N QUANG LÂM	01/09/1998	Nam	4.25	8				9.75	8	3.43	
1288	HTC001302	NGUY N TÙNG LÂM	01/09/1998	Nam	6.25	3	7.4	5.6	4.4			2.38	
1289	HTC001303	NGUY N V N LÂM	15/03/1998	Nam	6.25	6	6.4	4.8				1.8	
1290	HTC001304	NGUY N V N LÂM	17/08/1993	Nam		6.5				8	7.25		
1291	HTC001305	NGUY N V LÂM	11/10/1998	Nam	5.75	6					3.5	3.45	
1292	HTC001306	PHAN THÁI B O LÂM	26/07/1998	Nam	6	7.5	5.2					5.58	
1293	HTC001307	PH M V N LÂM	09/04/1997	Nam		6.5				5.75	6.5	2.08	
1294	HTC001308	PHÙNG C LÂM	02/11/1997	Nam	4.75	6						3.83	
1295	HTC001309	T TÙNG LÂM	13/08/1998	Nam	3.25	5	3.6	5.8				3.23	
1296	HTC001310	V TH THANH LÂM	22/02/1998	N	8.75	6		7.8	8.6			4.23	
1297	HTC001311	MÔNG TH H NG LÊ	19/11/1998	N	3	6				6.25	7	3.93	
1298	HTC001312	C TH L	20/09/1998	N	4	6					5	3	
1299	HTC001313	HOÀNG NH TL	17/04/1997	N	2.75	6.5						3.13	
1300	HTC001314	HOÀNG TH THU L	14/09/1997	N		8				7.5	7.5		
1301	HTC001315	LÊ NG C M L	25/04/1998	N	4.75	7	4.8					3.8	
1302	HTC001316	NGUY N NH TL	25/07/1998	N	5	5.5	5.2	3.4				2.88	
1303	HTC001317	NÔNG M L	13/05/1997	N	1.5	5					3	2	
1304	HTC001318	SÙNG A LÊ NH	01/01/1996	Nam	2.75	3.5	5.4	4.4					
1305	HTC001319	VITI N L NH	12/12/1994	Nam		3.5				4.5	4.5		
1306	HTC001320	S M THANH L CH	06/12/1998	Nam	3.5	6.5				6.5	6.5	2.23	
1307	HTC001321	HOÀNG TH H NG LIÊN	09/06/1998	N	6.25	5.5	6	4.8				1.63	
1308	HTC001322	HOÀNG TH LIÊN	10/08/1998	N	4.75	8				4.25	7.25		
1309	HTC001323	L C TH LIÊN	15/11/1997	N		7.5				6	6.5		
1310	HTC001324	LÊ TH LIÊN	15/01/1998	N	5.75	6	5.2					4.08	
1311	HTC001325	LÝ TH NG C LIÊN	22/04/1998	N	4.5	5.5	3.4	6.4	6.8			3.63	
1312	HTC001326	NGUY N HOÀNG LIÊN	15/01/1998	N	1.5	4.5	1.8	3.4			6.5	2.38	
1313	HTC001327	NGUY N KI U LIÊN	15/08/1998	N	2	3.5					3.5	1.88	
1314	HTC001328	NGUY N PH NG LIÊN	29/06/1998	N	8	4	5.8	6.6	6.6			2.23	
1315	HTC001329	PH M TH LIÊN	05/02/1998	N	8	3		6	5.4			3.35	
1316	HTC001330	TR NH TH LIÊN	25/08/1998	N	5.75	8.5			6.4			4.63	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1317	HTC001331	VI TH LIÊN	19/06/1998	N	4	7				4	6		
1318	HTC001332	V TH PH NG LIÊN	26/06/1998	N	5.75	5	5	5.2	5.8			3.35	
1319	HTC001333	BÀN TÒN LI U	17/06/1997	Nam	3.25	5.5	2.6	5.2				3.13	
1320	HTC001334	HOÀNG TH LI U	18/01/1998	N	5.5	3.5	5.6	7.4	5.8			2.35	
1321	HTC001335	LÊ TH LI U	20/01/1998	N	4.25	5					5.5	2.25	
1322	HTC001336	LÝ TH LI U	16/08/1997	N		8.5				7.5	6.5		
1323	HTC001337	V TH LI U	08/05/1998	N	4.25	4.5	6	5.2				2.38	
1324	HTC001338	HOÀNG TH LIM	17/01/1998	N	3.75	8				5.25	5.5		
1325	HTC001339	BÙI TH LINH	02/11/1995	Nam		3.5				2.5	4		
1326	HTC001340	BÙI TR NG KHÁNH LINH	06/11/1998	N	1.75	6	3.4				7.25	5.03	
1327	HTC001341	BÙI V N LINH	20/05/1996	Nam		7				5.25	6.5		
1328	HTC001342	NG C LINH	20/05/1998	N	5	6					5.5	2.9	
1329	HTC001343	TH MAI LINH	25/06/1998	N	7.5	4.5	4.6	7	7.2			2.7	
1330	HTC001344	THÙY LINH	05/03/1998	N	1.75	6				8.25		2.38	
1331	HTC001345	ÀO HUỠY N LINH	24/05/1998	N	6.5	5.5		6.8	6.2				
1332	HTC001346	ÀO TH MAI LINH	20/01/1998	N	3.75	5.5		5.2	6.6			2.9	
1333	HTC001347	ÀO TH THÙY LINH	10/09/1998	N	5.5	8					8.5	2.98	
1334	HTC001348	INH NH T KHÁNH LINH	07/05/1998	N	7.75	6		7.2	7			4.08	
1335	HTC001349	NG V HOÀI LINH	11/02/1998	N	6.75	8.5					7	5.18	
1336	HTC001350	OÀN DI P KHÁNH LINH	27/07/1998	N	4	5.5	5	4.4					
1337	HTC001351	OÀN QUANG LINH	29/05/1998	Nam	2	4				3	6.25	2.85	
1338	HTC001352	HÀ H NG LINH	05/12/1998	N	6	3	6.8	5.8					
1339	HTC001353	HÀ QUANG LINH	23/05/1998	Nam	3.5	7.5	3.2	3.8		9	7.25	2.38	
1340	HTC001354	HOÀNG DI P LINH	03/08/1998	N	6.5	7.5	6.8					7.4	
1341	HTC001355	HOÀNG DI P LINH	12/07/1998	N	6	8	4.6	4.6	5.6			1.38	
1342	HTC001356	HOÀNG DUY LINH	07/12/1998	Nam	5.5	4.5	6.6	4.2				2.38	
1343	HTC001357	HOÀNG KHÁNH LINH	09/12/1997	Nam		5.5				7	7.25		
1344	HTC001358	HOÀNG KHÁNH LINH	30/04/1998	N	2.75	5	6.8	3.6				1.88	
1345	HTC001359	HOÀNG LAN LINH	12/08/1997	N	1.25	6.5						3.1	
1346	HTC001360	HOÀNG TH LINH	02/11/1998	N	2.5	6.5				6	4	2.38	
1347	HTC001361	HOÀNG TH LINH	06/06/1998	N	1.75	5.5					6.5	2.88	
1348	HTC001362	HOÀNG TH M LINH	19/05/1998	N	3	4				6.25	5.75	2.23	
1349	HTC001363	HOÀNG TH M LINH	23/12/1997	N		7				5	5		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1350	HTC001364	HOÀNG TH MAI LINH	10/07/1998	N	1.25	4.5	4.8	4				2.75	
1351	HTC001365	HOÀNG TH THỦY LINH	09/12/1998	N	4	6		4.6	4.6			2.88	
1352	HTC001366	HOÀNG TH THỦY LINH	03/08/1998	N	3.5	7.5				4.25	5.5	2.88	
1353	HTC001367	LÊ KHÁNH LINH	08/02/1998	N	7.5	4.5	7.8					7.45	
1354	HTC001368	LÊ KHÁNH LINH	19/01/1998	N	8.25	8.5	4.4					8.83	
1355	HTC001369	LÊ NG C LINH	21/12/1998	Nam	4	4.5					6	1.88	
1356	HTC001370	LÊ TH DI U LINH	09/06/1998	N	6	6.5	6.4	5.4	5.2			2.5	
1357	HTC001371	LÊ TH M LINH	25/05/1998	N	6	6.5	4.8					2.73	
1358	HTC001372	LÊ TH PH NG LINH	16/07/1998	N	5.5	7	8	8.4	6.6			2.63	
1359	HTC001373	LÊ THỦY LINH	10/03/1998	N	2.5	5		4.2	3			2.75	
1360	HTC001374	LÊ TU N LINH	15/11/1998	Nam	6.25	3.5	6.6	6.6				3.13	
1361	HTC001375	L I BUI KHÁNH LINH	13/08/1998	N	6.25	6.5	6	5.6				3.1	
1362	HTC001376	LÔ TH LINH	10/02/1998	N	4	4	3.2	4.8	4.8			2.75	
1363	HTC001377	L NG TH LINH	12/11/1998	N	3	7				6.25	6.5		
1364	HTC001378	L NG TH THỦY LINH	08/03/1998	N	3.25	7				5.25	7.5	2	
1365	HTC001379	L NG THU LINH	01/08/1998	N	4.5	6.5				7.5	5.5	2	
1366	HTC001380	L NG THỦY LINH	26/02/1998	N	6.75	8	4.2					7.65	
1367	HTC001381	LÝ H U LINH	03/08/1998	Nam	3.75	6				6.5	4.25	2	
1368	HTC001382	MAI KHÁNH LINH	10/04/1998	N	4.25	4.5		4				1.63	
1369	HTC001383	MAI NG C LINH	26/10/1998	Nam	3.75	5.5					5	2.93	
1370	HTC001384	NGHIÊM TH LINH	10/11/1998	N	3	4.5	4.8	4.4					
1371	HTC001385	NGHIÊM THU LINH	25/09/1998	N	4.75	4.5	5					2.1	
1372	HTC001386	NGHIÊM THỦY LINH	06/11/1998	N	2.25	6					5	3.98	
1373	HTC001387	NGÔ QUANG LINH	19/11/1998	Nam	6.5	5	7.2	6.4	5.8			3.18	
1374	HTC001388	NGUY N DI P LINH	10/07/1998	N	4	8.5				6.75	7		
1375	HTC001389	NGUY N DI U LINH	12/02/1998	N	3.5	4	4.8					3.23	
1376	HTC001390	NGUY N DI U LINH	26/08/1998	N	7.75	6	7	6.4	5.8			2.25	
1377	HTC001391	NGUY N DI U LINH	27/04/1998	N	5.25	4	5.6	4				2.75	
1378	HTC001392	NGUY N DI U LINH	31/12/1998	N	6.75	9					7.5	8.9	
1379	HTC001393	NGUY N DU Y LINH	11/10/1998	Nam	6.75	4	7.2	4.4				2.25	
1380	HTC001394	NGUY N DU Y LINH	12/11/1995	Nam		5				5.25	6.5		
1381	HTC001395	NGUY N H NG LINH	06/03/1998	N	2.5	4.5	4.4	6	2	5	4.75	2.88	
1382	HTC001396	NGUY N KHÁNH LINH	09/06/1998	N	4.5	6				5	8	2.4	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1383	HTC001397	NGUY N KHÁNH LINH	19/09/1998	N	5.75	6	4.4	5	3			2.13	
1384	HTC001398	NGUY N KHÁNH LINH	27/12/1998	N	6	7.5				8	9.25	2.13	
1385	HTC001399	NGUY N KI U LINH	28/05/1997	N	3.25		4.6	3.4	2.6			1.75	
1386	HTC001400	NGUY N LÝ LINH	10/10/1996	N		8.5				8	8		
1387	HTC001401	NGUY N MAI LINH	23/08/1998	N	8	7	7.2	4.8	6.2			2.75	
1388	HTC001402	NGUY N NH T LINH	27/09/1998	N	4.25	5	6.4	4.4				2.98	
1389	HTC001403	NGUY N PHÚC NH T LINH	23/04/1998	N	5.5	6				7.5	5	2.28	
1390	HTC001404	NGUY N QUANG LINH	06/05/1998	Nam	8.25	6.5	7.4					4.85	
1391	HTC001405	NGUY N QUANG LINH	14/02/1998	Nam	0	3					3.25	1.88	
1392	HTC001406	NGUY N QUANG LINH	24/11/1998	Nam	4.25	6	2	2.8			7.25	1.75	
1393	HTC001407	NGUY N TH CHÁU LINH	09/03/1998	N	2	6					4	2.35	
1394	HTC001408	NGUY N TH CHÚC LINH	26/02/1998	N	3	5.5		4	3.8		5	2.38	
1395	HTC001409	NGUY N TH KHÁNH LINH	19/03/1998	N	2.25	6.5	2.8	5			7.25	2.88	
1396	HTC001410	NGUY N TH LINH	23/04/1998	N	3.25	7	6.4					4.13	
1397	HTC001411	NGUY N TH LINH	30/04/1998	N	5.25	7.5				6.25	5.25	2.78	
1398	HTC001412	NGUY N TH M LINH	02/09/1998	N	6.5	7	7.6	5.4	6.4			3.85	
1399	HTC001413	NGUY N TH MAI LINH	26/09/1998	N	6.25	7	6					4.35	
1400	HTC001414	NGUY N TH NG C LINH	17/03/1998	N	6	4.5	6.4	6				2.5	
1401	HTC001415	NGUY N TH NG C LINH	17/04/1998	N	5.75	6	4.6					2.38	
1402	HTC001416	NGUY N TH NG C LINH	30/07/1998	N	5.25	5	3.8					2.98	
1403	HTC001417	NGUY N TH PH NG LINH	04/12/1998	N	5	4.5	6.8	5.6				2.5	
1404	HTC001418	NGUY N TH THÙY LINH	05/02/1998	N	1.25	6.5					4	2.98	
1405	HTC001419	NGUY N TH THÙY LINH	08/03/1998	N	2	6					4.75	2.98	
1406	HTC001420	NGUY N TH THÙY LINH	22/08/1998	N	5.75	7.5				8	7.75	2.9	
1407	HTC001421	NGUY N TH THÙY LINH	26/06/1998	N	2.75	5			2.6		5.5		
1408	HTC001422	NGUY N TH THÙY LINH	28/04/1998	N	6	6.5	4.4					2.53	
1409	HTC001423	NGUY N TH O LINH	04/09/1998	N	6.75	4	6.6	4.8	6.6			2.5	
1410	HTC001424	NGUY N THÙY LINH	06/09/1998	N	3	5.5		6.4	3.8			2.5	
1411	HTC001425	NGUY N THÙY LINH	13/06/1998	N	6.75	4.5	7	6.6	5.6			2.63	
1412	HTC001426	NGUY N THÙY LINH	18/02/1998	N	5.75	6.5	2.8	4.4				2.25	
1413	HTC001427	NGUY N THÙY LINH	19/02/1998	N	5.5	5.5	5.4					2.25	
1414	HTC001428	NGUY N THÙY LINH	24/02/1997	N		8.5				9.5	8.25		
1415	HTC001429	NGUY N THÙY LINH	28/08/1997	N	5	4.5	6.8	4.4	3.2		3.75	3.38	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1416	HTC001430	NGUY N TH Y LINH	29/12/1997	N	0.5	5		3	2.6		3.5	1.75	
1417	HTC001431	NGUY N V N LINH	20/10/1998	Nam	1.5	4.5		4.4	3.2				
1418	HTC001432	NGUY N V N LINH	25/08/1998	Nam	5.75	2.5	6.8	5				3	
1419	HTC001433	NGUY N V N LINH	26/05/1997	Nam		5				7.75	3.5		
1420	HTC001434	NÔNG PH NG LINH	25/02/1998	N	2.5	5.5					5.5	2.53	
1421	HTC001435	NÔNG QUANG LINH	24/01/1998	Nam	1.75	5.5				3.5	3.5		
1422	HTC001436	PH M CHI LINH	01/06/1998	N	2.75	7				6.5	5.5		
1423	HTC001437	PH M DI U LINH	23/12/1998	N	3	4					5.25	2.13	
1424	HTC001438	PH M KHÁNH LINH	11/02/1998	N	8.25	7.5	7.6					9.08	
1425	HTC001439	PH M KHÁNH LINH	15/06/1998	N	3.5	6	6.8	3.8				1.88	
1426	HTC001440	PH M KHÁNH LINH	29/06/1998	N	6	6	7.4	4.8				3.08	
1427	HTC001441	PH M M LINH	09/05/1998	N	3.75	7				6.75	5.25	1.5	
1428	HTC001442	PH M NG C HOÀNG LINH	11/08/1998	Nam	7	5.5	7.4	6				6.45	
1429	HTC001443	PH M TH DI U LINH	17/06/1998	N	6.75	7.5	6.6					7.15	
1430	HTC001444	PH M THÙY LINH	15/06/1998	N	1.25	6.5					4.75	2.75	
1431	HTC001445	PH M THÙY LINH	26/01/1998	N	2.75	5					6.75	3.63	
1432	HTC001446	QU NG KHÁNH LINH	10/09/1998	N	6.25	7.5	4.6					6.88	
1433	HTC001447	QUY N H I LINH	05/12/1998	N	2	4					3.75	2.88	
1434	HTC001448	SÙNG CHÍ LINH	29/04/1998	Nam	6.75	6	6.8					6.48	
1435	HTC001449	T M LINH	11/08/1998	N	2.25	5.5					5.5	1.88	
1436	HTC001450	T NG KHÁNH LINH	06/06/1998	N	5.25	6.5	4.2	6.2				3.38	
1437	HTC001451	T NG TH KHÁNH LINH	19/05/1998	N	6	6.5	6.8	5.8					
1438	HTC001452	TÔ KHÁNH LINH	12/10/1998	N	5.75	8	6.4					5.55	
1439	HTC001453	TR N HÀ LINH	26/08/1997	N	5.25	3.5						2.48	
1440	HTC001454	TR N HOÀI PH NG LINH	05/03/1998	N	1.5	5.5					3.75	3.25	
1441	HTC001455	TR N HOÀNG LINH	30/11/1997	Nam	6.75		6	6.2	4.4				
1442	HTC001456	TR N KHÁNH LINH	06/03/1998	N	5.75	7.5	6.6					4.98	
1443	HTC001457	TR N KHÁNH LINH	13/01/1998	N	4.75	7					6	4.25	
1444	HTC001458	TR N KHÁNH LINH	16/04/1998	N	6.25	5.5	7.2	6.6				8.23	
1445	HTC001459	TR N LÝ LINH	29/11/1998	N	9	6	7	8.4	8.8			5.7	
1446	HTC001460	TR N M LINH	17/12/1997	N	5	5	5.8					3.73	
1447	HTC001461	TR N TH M LINH	01/08/1998	N	3.75	7				6.75	6.5		
1448	HTC001462	TR N TH THÙY LINH	10/09/1998	N	6.75	9					6.5	6.3	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1449	HTC001463	TR N TH THÙY LINH	28/03/1998	N	7.25	8	7.2	7.2	8			4.1	
1450	HTC001464	TR N TH Y N LINH	09/08/1998	N	6.75	7	7.2					6.4	
1451	HTC001465	TR N THU LINH	20/07/1998	N	7	6.5	5.4	5.6				2.5	
1452	HTC001466	TR N THÙY LINH	07/06/1998	N	2.75	3.5					3.75	4.93	
1453	HTC001467	TR N TU N LINH	26/03/1998	Nam	7.25	3.5	6.8	6.6				6.75	
1454	HTC001468	TR NG TH HUY N LINH	18/09/1998	N	3	5.5		3.8	3			2.13	
1455	HTC001469	V N TH HOÀI LINH	16/09/1998	N	4.75	8	4.4	4.8	4.8	6.25	5.25	4.08	
1456	HTC001470	VITH THU LINH	01/10/1998	N	4	6.5				3.75	7.5	1.88	
1457	HTC001471	V KHÁNH LINH	28/04/1998	N	5.25	6.5					6.75	6.55	
1458	HTC001472	V M LINH	29/11/1997	N	4.25	6.5		3.2	5.2			2.63	
1459	HTC001473	V NG C LINH	25/09/1998	N	4	6.5	6.6	7.4	6.6				
1460	HTC001474	V QUANG LINH	17/09/1998	Nam	4.75	3.5	8.2	5.4				2.5	
1461	HTC001475	V TH H I LINH	19/01/1998	N	5	4	4.6	6				3.13	
1462	HTC001476	V TH HOÀI LINH	30/04/1998	N	4.5	8				9	8.5	2.13	
1463	HTC001477	V TH M LINH	30/05/1998	N	3.5	7.5				4.75	6.25	2.13	
1464	HTC001478	V TH TÀI LINH	17/06/1998	N	1.25	5.5					4	3	
1465	HTC001479	V THU LINH	25/07/1998	N	4	5				4.75	5.25	2.13	
1466	HTC001480	LÝ TH LIU	28/01/1998	N	4	6.5					7.75	1.63	
1467	HTC001481	THÙY LOAN	12/07/1998	N	3	6.5				4.5	6.75	1.75	
1468	HTC001482	LÊ TH NG C LOAN	24/09/1998	N	3.75	8				7.5	5	2.88	
1469	HTC001483	NGUY N TH LOAN	13/05/1998	N	2.75	6					6.25	2.88	
1470	HTC001484	NGUY N TH LOAN	14/05/1998	N	6.5	7.5		5.8	6.4			2.13	
1471	HTC001485	NGUY N TH THANH LOAN	19/09/1998	N	4	6.5		4.2	4.4		4.5	4.35	
1472	HTC001486	PH M NH T LOAN	13/12/1998	N	7.25	8.5					7	8.1	
1473	HTC001487	PH M PH NG LOAN	31/01/1998	N	2.5	8					5.5	2	
1474	HTC001488	QUÁCH TH MAI LOAN	02/10/1998	N	4.5	6.5	5.4	4.2			7.25	2.75	
1475	HTC001489	TR N TH THANH LOAN	27/10/1998	N	2.25	2	5.2	3.2				2.25	
1476	HTC001490	D THÀNH LONG	26/07/1998	Nam	6.5	4.5	5.6	6.4				5.88	
1477	HTC001491	INH KÔNG LONG	16/12/1995	Nam	8.25		7	7.2					
1478	HTC001492	OÀN PHI LONG	10/06/1996	Nam		2				2.25	2.75		
1479	HTC001493	H THÀNH LONG	22/03/1998	Nam	8	4	7.6	5.4				2	
1480	HTC001494	HOÀNG NG C KIM LONG	13/10/1998	Nam	7.5	7	4.6					6.83	
1481	HTC001495	HOÀNG QUANG LONG	08/01/1998	Nam	5	6.5				4.25	4	1.75	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1482	HTC001496	KI U NH T LONG	27/12/1998	Nam	8	4.5	7	9	8			5.55	
1483	HTC001497	LÀ GIA LONG	26/09/1998	Nam	4.75	2.5	4.2	5.2				2.25	
1484	HTC001498	LÊ I LONG	13/04/1995	Nam		4.5				6.5	5.25		
1485	HTC001499	MAI H NG LONG	05/10/1997	Nam	5.25		7	8.4	6.2			1.93	
1486	HTC001500	NGUY N CHÁU LONG	05/12/1998	Nam	4	4.5				7	5.75	2.38	
1487	HTC001501	NGUY N DUY LONG	03/12/1998	Nam	6.75	4.5	6.6	5.8	5.8			3.13	
1488	HTC001502	NGUY N DUY LONG	21/01/1998	Nam	5.75	4	7.6	6.8				3	
1489	HTC001503	NGUY N C LONG	19/05/1997	Nam		7				8.25	8.25		
1490	HTC001504	NGUY N HUỠY LONG	03/05/1998	Nam	2	2.5	5.4	3.8				2.38	
1491	HTC001505	NGUY N THÀNH LONG	18/04/1998	Nam	6	5.5	5.2	4				3.25	
1492	HTC001506	NGUY N TI N LONG	27/07/1998	Nam	3.75	4.5				3.5	4.75	2.63	
1493	HTC001507	NGUY N TR NG LONG	19/01/1997	Nam		7				8.25	7		
1494	HTC001508	NGUY N V N LONG	01/05/1998	Nam	4.75	3	5.6	5.2					
1495	HTC001509	NGUY N V N LONG	12/12/1998	Nam	4.25	5.5				4	3	2.38	
1496	HTC001510	NGUY N V N LONG	23/05/1995	Nam		6.5				4.25	5.5		
1497	HTC001511	PH M HOÀNG LONG	23/05/1995	Nam		5.5				4.5	4		
1498	HTC001512	PH M HOÀNG LONG	25/06/1998	Nam	6	3.5	4.8	6.4				3.5	
1499	HTC001513	TÔ DUY LONG	20/03/1998	Nam	5.5	3	5.4	5.6				1.88	
1500	HTC001514	TRI U H I LONG	15/06/1998	Nam	6.25	6.5	3.8					3.18	
1501	HTC001515	TR N K LONG	30/07/1992	Nam		4				3	5		
1502	HTC001516	V DUY LONG	14/10/1998	Nam	4	2.5					5	2.13	
1503	HTC001517	V HOÀNG LONG	19/01/1998	Nam	6	2.5	6.4	6.4				2	
1504	HTC001518	PH M V NL C	24/05/1995	Nam		7				7.75	7.25		
1505	HTC001519	V PHÚC L C	15/04/1996	Nam	5.5	6	6					3.48	
1506	HTC001520	V TH MINH L C	03/05/1998	N	3.75	5.5		4.6	4.4			2.63	
1507	HTC001521	V TI NL C	15/04/1996	Nam	5.75		5.6	5.4					
1508	HTC001522	THẢO A L NG	16/02/1991	Nam		1.25				1.75	3		
1509	HTC001523	HOÀNG V NL I	20/04/1998	Nam	3.5	6				6	5.25		
1510	HTC001524	HOÀNG V NL I	24/06/1997	Nam	5.5		6.2	5.6					
1511	HTC001525	HÀ TH L A	16/03/1998	N	5.25	6.5		6.2	7.4			5.08	
1512	HTC001526	NGUY N THÀNH LUÂN	09/09/1998	Nam	5.5	5					5	4.08	
1513	HTC001527	PH M C LUÂN	08/03/1995	Nam		1.5				6	4.75		
1514	HTC001528	ÀO CÔNG LU N	19/02/1998	Nam	2	5.5					7.5	2.5	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1515	HTC001529	NGUY NH ULU N	01/09/1995	Nam		7				6	4.25		
1516	HTC001530	L NG TH L Y	01/05/1998	N	2.5	6.5				7	7	1.5	
1517	HTC001531	LÈO TH LUY N	25/05/1998	N	5.25	5	4.2	3					
1518	HTC001532	LÊ TH MAILUY N	27/06/1998	N	1.25	8			4.4		3		
1519	HTC001533	T NG TH LUY N	20/07/1998	N	5	6.5				3.75	5		
1520	HTC001534	MÙA A L	15/10/1996	Nam	2.75	6		4.8	3.6				
1521	HTC001535	VÀNG A L	06/03/1993	Nam		3.5				4.25	5.75		
1522	HTC001536	THẢO A L	19/07/1997	Nam	2.25	6				5	6		
1523	HTC001537	HOÀNG TU NL C	21/04/1998	Nam	2.25	5.5				4.25	3.5		
1524	HTC001538	NGUY N CL C	13/11/1998	Nam	2.75	4.5					4	1.88	
1525	HTC001539	TR N CL NG	25/05/1998	Nam	5.25	4.5	5.6	6				2.38	
1526	HTC001540	TR N GIÁP L NG	28/08/1998	Nam	6.25	3.5	6	5.4				2.13	
1527	HTC001542	TR NV NL NG	05/10/1994	Nam		4				3.5	3		
1528	HTC001544	BÙI V NL U	15/11/1997	Nam	2.25		4.8	4.4					
1529	HTC001545	HOÀNG QU NHL U	27/10/1998	N	3.25	5.5				5	4.75		
1530	HTC001546	NGUY N TH L U	01/01/1998	N	7.25	7.5	5.8	5.8	6.4			2.38	
1531	HTC001547	BÙI DI MLY	19/09/1998	N	5.5	4.5	4.8					4.43	
1532	HTC001548	BÙI PH NGLY	09/09/1998	N	6	8	7.2					5.58	
1533	HTC001549	BÙI V B OLY	16/09/1998	N	3.5	4.5					4.5	3.13	
1534	HTC001550	CAO KHÁNH LY	02/11/1998	N	5.25	6	7.2					5.65	
1535	HTC001551	TH H NGLY	06/11/1998	N	1.75	5.5	4.4					3	
1536	HTC001552	TH OLY	21/10/1998	N	1.5	3.5					3	2.38	
1537	HTC001553	OÀN KHÁNH LY	31/08/1998	N	2.25	4.5	3	3				2.63	
1538	HTC001554	HOÀNG H ILY	27/06/1998	N	6.75	5.5	6.2	7.4	6.8			3.6	
1539	HTC001555	HOÀNG TH L ULY	17/04/1998	N	2.75	7.5				5	6.75	2.13	
1540	HTC001556	LÃ TH KI ULY	15/06/1998	N	4	7	3	3.8	4.4	5	6.5	2	
1541	HTC001557	L U TH H NGLY	05/03/1998	N	5.25	6					5.5	2.63	
1542	HTC001558	MÙA L ULY	08/05/1998	N	4.5	7.5				7.25	8	2.25	
1543	HTC001559	NGUY NH ILY	02/12/1998	N	5.75	5.5	7	7				4.08	
1544	HTC001560	NGUY NH NGLY	17/09/1998	N	5	6.5					6	3.13	
1545	HTC001561	NGUY N KHÁNH LY	08/11/1998	N	5	8.5					4.25	5.53	
1546	HTC001562	NGUY N TH KHÁNH LY	09/07/1998	N	2.25	6.5			4.2			2.13	
1547	HTC001563	PH M TH OLY	24/03/1998	N	6.5	5	7.4	7.2				2.25	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1548	HTC001564	PH M KHÁNH LY	31/03/1998	N	4.25	6.5	5.4					4.63	
1549	HTC001565	V TH LY	06/09/1998	N	3.5	6.5				7.25	5.5	2.95	
1550	HTC001566	CÙ TH LY	30/07/1997	N		8				7	7.25		
1551	HTC001567	NGUY N TH MINH LY	11/05/1998	N	3.25	6.5					5.25	2.38	
1552	HTC001568	INH V N M C	25/09/1998	Nam	3	5				6.25	6	1.88	
1553	HTC001569	CHUNG C MAI	08/02/1998	N	6.75	8.5					8	7.33	
1554	HTC001570	NG C MAI	11/05/1998	N	4.25	7					6	2.38	
1555	HTC001571	ÃO LÊ NH T MAI	08/09/1998	N	4.25	7.5	5.2					4.63	
1556	HTC001572	INH NGUY T MAI	19/03/1998	N	5	9				8	6.75	2.13	
1557	HTC001573	HOÀNG HÀ MAI	10/12/1996	N	0.25								
1558	HTC001574	HOÀNG TH MAI	16/08/1998	N	4.75	3.5				6	7.25	1.75	
1559	HTC001575	LÂM TH QU NH MAI	07/10/1998	N	4.5	8				5.5	8		
1560	HTC001576	LÊ TH MAI	10/11/1998	N	2.75	7					5	2.25	
1561	HTC001577	NGUY N NG C MAI	20/10/1997	N		8				4.5	6		
1562	HTC001578	NGUY N QU NH MAI	24/10/1998	N	7	7.5	5.2					4.23	
1563	HTC001579	NGUY N TH HI N MAI	14/11/1998	N	5.25	6.5					7	3.7	
1564	HTC001580	NGUY N TH MAI	05/08/1998	N	5	6.5	4.6	4.6	5				
1565	HTC001582	NGUY N TH NG C MAI	19/08/1998	N	6.75	6.5	6.8	5.8				1.25	
1566	HTC001583	NGUY N TH NG C MAI	24/03/1998	N	3.25	8					6.5	3	
1567	HTC001584	PH M NG C QU NH MAI	01/06/1998	N	3.75	5	5.6	4.2				3	
1568	HTC001585	PH M TH MAI	26/08/1998	N	2.25	6	3.8	2.8					
1569	HTC001586	PHÙNG NG C PH NG MAI	17/01/1998	N	4	3	6.6	3.8				2.38	
1570	HTC001587	T NG NH T MAI	19/11/1998	N	5	7	5.4					2.85	
1571	HTC001588	TR N TH NG C MAI	20/12/1998	N	7.5	5.5	7.2	7	6.2			2.6	
1572	HTC001589	V TH NH MAI	23/04/1998	N	7.5	5.5		6.6	7.4			3.9	
1573	HTC001590	LÝ A MANG	04/07/1998	Nam	2	5.5				3.25	5.25		
1574	HTC001591	BÀN V N M NH	05/02/1998	Nam	3.25	5	2.6					2.63	
1575	HTC001592	ÃO C M NH	06/12/1997	Nam	2.75	6					7.25	1.88	
1576	HTC001593	ÃO V N M NH	06/08/1998	Nam	5.5	3.5	6.4	4.6				2.6	
1577	HTC001594	HOÀNG V N M NH	07/06/1998	Nam	2	6.5				4.25	5.75	2.13	
1578	HTC001595	NGHIÊM V NG M NH	17/06/1998	Nam	2.5	6				5.75	7	2.95	
1579	HTC001596	NGÕ BÀ M NH	12/05/1998	Nam	3	6.5				8.25	7.5	2.25	
1580	HTC001597	NGUY N C M NH	02/04/1995	Nam		5.5				8.25	8.5		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1581	HTC001598	NGUY N HOÀNG M NH	17/03/1998	Nam	5.25	5.5	8	5.2				2.25	
1582	HTC001599	NGUY N V N M NH	03/06/1998	Nam	6	4.5	7.4	6.2				2.25	
1583	HTC001600	NGUY N V N M NH	10/05/1997	Nam	4.5		5.8	5.6	4.8				
1584	HTC001601	NÔNG C M NH	21/10/1998	Nam	2.75	4.5	3.6	3.4					
1585	HTC001602	PH M HÙNG M NH	12/02/1998	Nam	2.25	2.5			5.2			5	
1586	HTC001603	PH M V N M NH	07/10/1995	Nam		7.5				7	8.5		
1587	HTC001604	PHÙNG QUANG M NH	27/07/1998	Nam	5.5	5	6.8	4.4				2	
1588	HTC001605	QUY N V N M NH	26/09/1998	Nam	3.5	5				3.25	4.75	2.38	
1589	HTC001606	TR N C M NH	10/11/1998	Nam	8.5	5	7.4	6.8				3	
1590	HTC001607	TR NG C M NH	24/05/1998	Nam	6	4	5.4	5.2					
1591	HTC001608	V C M NH	14/09/1998	Nam	7	4	7.8	7				4	
1592	HTC001609	V V N M NH	10/08/1998	Nam	3	4.5				3	4.75	2.5	
1593	HTC001610	V TH MÁY	12/08/1998	N	3	7				5.25	7.5		
1594	HTC001611	H TH MÁY	08/02/1998	N	3.75	8				5	5		
1595	HTC001612	LÊ NG C MÂY	05/11/1998	N	1.75	4.5	3.8	4.4				4.75	1.63
1596	HTC001613	V NG TH MÁY	27/01/1997	N	3	7				8	6.5	1.8	
1597	HTC001614	HOÀNG TH M N	23/11/1997	N	5.75			3.6	4.8				
1598	HTC001615	TR N TH M N	27/02/1998	N	4.75	7	4					3.5	
1599	HTC001616	V QUANG MINH	14/05/1998	Nam	6.5	6.5	5.4					5.15	
1600	HTC001617	INH QUANG MINH	26/10/1998	Nam	5.5	4	6.8	5	6			2.75	
1601	HTC001618	OÀN TU N MINH	21/10/1998	Nam	6	3.5	4.6	5.8	4.8			2.63	
1602	HTC001619	HÀ THANH MINH	27/10/1998	Nam	6.25	5.5	4	5.2	7.2			4	
1603	HTC001620	LÊ XUÂN MINH	23/08/1998	Nam	4	4.5	6.2	4.8				2.13	
1604	HTC001621	L NG TH KIM MINH	05/10/1997	N		5				6.25	4.5		
1605	HTC001622	L NG NG C MINH	11/07/1998	Nam	5.75	4.5	4.2	6				2.25	
1606	HTC001623	MAI QUANG MINH	19/06/1998	Nam	5	5	6.8	4.8				2	
1607	HTC001624	NGUY N CÔNG MINH	20/03/1998	Nam	9	6	7.8	7.2				3	
1608	HTC001625	NGUY N HOÀNG MINH	08/09/1998	Nam	2.25	7					5.5	3.25	
1609	HTC001626	NGUY N HOÀNG MINH	14/04/1998	Nam	8.75	5	7.8	7.4				3.65	
1610	HTC001627	NGUY N TH TUY T MINH	20/08/1998	N	7.75	7	8	6.2	4.6			2.28	
1611	HTC001628	NGUY N V N MINH	05/10/1998	Nam	2.75	5.5	4	5				2.63	
1612	HTC001629	NÔNG TH MINH	12/02/1997	N	3.75			4.8	3.8				
1613	HTC001630	PH M CÔNG MINH	11/05/1997	Nam		4.5				6.75	4.75		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1614	HTC001631	PH M QUANG MINH	16/05/1998	Nam	6.25	4.5	7.8	4.6				2.75	
1615	HTC001632	PH M V N MINH	14/07/1998	Nam	3.5	3					2.5	2.5	
1616	HTC001633	PH M V N MINH	19/05/1998	Nam	7.25	4.5	7.4	5.8				1.98	
1617	HTC001634	TR N CÔNG MINH	12/01/1998	Nam	3.25	6				6.5	6.75	2.25	
1618	HTC001635	TR N NG C MINH	15/03/1998	Nam	4.25	6	6.4					2.73	
1619	HTC001636	TR N NG C MINH	29/01/1997	Nam		7				6.75	8.75		
1620	HTC001637	TR NH CÔNG MINH	13/10/1997	Nam	5.5	7	4.2	3.2				2	
1621	HTC001638	TR NH NH T MINH	13/05/1994	Nam		4.5				4.75	7.25		
1622	HTC001639	V ÌNH MINH	13/06/1991	Nam		5.5				5.25	7.5		
1623	HTC001640	V NG NG C MINH	09/01/1998	Nam	6.75	4	7.2	7				2.38	
1624	HTC001641	TRI U V N MONG	07/01/1997	Nam	4.25		6.4	5.2					
1625	HTC001642	NG V N MÔN	27/01/1998	Nam	1.5	4				1.25	6	1.88	
1626	HTC001643	BẢN TH MÙI	19/09/1998	N	2.75	4				5	6.5	2.5	
1627	HTC001644	D NG TH TRÀ MY	27/04/1998	N	5.75	7	4				6.5	2.75	
1628	HTC001645	NG TH HÀ MY	23/07/1998	N	4.75	9					6.25	7.48	
1629	HTC001646	NG TH TRÀ MY	27/10/1998	N	6	7	5	3.6	3.6	2.5	3.5	3.05	
1630	HTC001647	HÀ TH TRÀ MY	05/11/1998	N	2	4					3	3.13	
1631	HTC001648	HOÀNG GIANG MY	27/10/1998	N	2	6.5					5.75	2.7	
1632	HTC001649	HOÀNG TH THU MY	07/10/1998	N	4.25	7	3.6	5.2				3.65	
1633	HTC001650	LÊ HUY N MY	06/02/1998	N	6.5	9					5.75	5.88	
1634	HTC001651	L NG TH MY	03/02/1998	N	1.5	6					4.5	3.03	
1635	HTC001652	NGUY N HÀ MY	05/09/1998	N	5.25	6.5	6					3.13	
1636	HTC001653	NGUY N TH HÀ MY	10/10/1998	N	6.75	6.5	6.2	6.8	4.6			3.13	
1637	HTC001654	NGUY N TH O MY	25/12/1998	N	4.75	7	3.4	5	3.6			2.5	
1638	HTC001655	NGUY N TRÀ MY	05/05/1998	N	3	7.5				7	6.25	2.25	
1639	HTC001656	PH M TH TRÀ MY	01/09/1998	N	7.75	5.5	7.8	7.4				3.85	
1640	HTC001657	TR NG HÀ MY	16/06/1998	N	5.25	5.5	5	3.6				2.75	
1641	HTC001658	HOÀNG TH M	14/09/1998	N	3.25	7	4.8					2.75	
1642	HTC001659	HOÀNG TH M	15/08/1996	N		7				5.75	6.75		
1643	HTC001660	TH CH HOÀNG M	19/01/1998	N	4.5	6.5	5.8					4.38	
1644	HTC001661	QUANG NAM	19/09/1998	Nam	8.5	4.5	7.2	6.2				2.6	
1645	HTC001662	NG TU N NAM	30/03/1998	Nam	7.25	4.5	7.6					3.25	
1646	HTC001663	NG TÙNG NAM	01/03/1994	Nam		4.5				7.5	4.75		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1647	HTC001664	HOÀNG NG C NAM	03/09/1998	Nam	4.25	5	6	4.2					
1648	HTC001665	HOÀNG V N NAM	12/08/1998	Nam	3.25	5.5				8.25	7.25	2.38	
1649	HTC001666	HU NH C NAM	02/07/1998	Nam	1.25	4					2.75	2.33	
1650	HTC001667	KH NG PH NG NAM	22/07/1998	Nam	3	5				7.5	6.25	1.88	
1651	HTC001668	LÊ HOÀNG NAM	29/04/1998	Nam	6	7.5	5.8					7.13	
1652	HTC001669	LÊ V N NAM	16/05/1996	Nam		4.5				4.5	5.75		
1653	HTC001670	L NG TH NAM	20/11/1998	Nam	2.5	2.5				4.25	5		
1654	HTC001671	L U HOÀNG NAM	15/12/1998	Nam	2.5	5				8	5.75	3.1	
1655	HTC001672	NGÔ HOÀNG NAM	10/10/1994	Nam		6				6	6.5		
1656	HTC001673	NGUY N CHÍ NAM	10/09/1998	Nam	6.25	4	5.6	5.6				4.03	
1657	HTC001674	NGUY N C NAM	09/05/1998	Nam	4.5	6				5.5	5.5	1.48	
1658	HTC001675	NGUY N C NAM	20/04/1998	Nam	2.5	5				7	5	2.35	
1659	HTC001676	NGUY N HÀ NAM	29/01/1998	Nam	5.25	8.5				6.5	9	5.7	
1660	HTC001677	NGUY N H I NAM	26/03/1990	Nam		6.5				5.25	5.75		
1661	HTC001678	NGUY N HOÀNG NAM	09/02/1998	Nam	3.75	7.5				7	7	3.53	
1662	HTC001679	NGUY N HOÀNG NAM	16/02/1998	Nam	5	6.5	4.6					5.48	
1663	HTC001680	NGUY N KIM NAM	09/06/1998	Nam	6	3	5.8	5.2	6.2			2.38	
1664	HTC001681	NGUY N KIM NAM	28/08/1998	Nam	4.75	3	5.2	2.6	3.6			2.25	
1665	HTC001682	NGUY N PH NG NAM	08/02/1998	Nam	2.25	5					4.75	4.05	
1666	HTC001683	NGUY N PH NG NAM	25/06/1997	Nam	8		8	7.6					
1667	HTC001684	NGUY N PH NG NAM	30/03/1997	Nam		6.5				7	5		
1668	HTC001685	NGUY N TU N NAM	19/04/1997	Nam	1.25	4.5					3.25	2	
1669	HTC001686	NGUY N V N NAM	19/03/1998	Nam	8.25	5.5	7.8	6.4	7			2.25	
1670	HTC001687	NGUY N VI T NAM	19/10/1994	Nam		5.5				4.25	6		
1671	HTC001688	NGUY N V THÀNH NAM	11/04/1998	Nam	7.5	5.5	8	6.8				3.85	
1672	HTC001689	PH M GIANG NAM	28/11/1998	Nam	4	5.5	4	3.6	4.8			2.25	
1673	HTC001690	PH M H I NAM	19/12/1998	Nam	3.5	5.5					5.5	2	
1674	HTC001691	PH M H U NAM	29/03/1998	Nam	5	3.5	5.8					2.75	
1675	HTC001692	PH M V NH NAM	16/02/1998	Nam	4.5	7	6.4	7	4.4			2.4	
1676	HTC001693	QUÁCH PH NG NAM	17/01/1998	Nam	4	7.5				6.25	8.75	2.1	
1677	HTC001694	TRI U HOÀI NAM	16/10/1998	Nam	4.25	5				6.5	5	2.88	
1678	HTC001695	TR N HOÀNG NAM	29/08/1998	Nam	1.5	3	4.2	5.8			4.75	2.25	
1679	HTC001696	TR N V N NAM	16/03/1992	Nam		6				6	1.75		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1680	HTC001697	TR N V N NAM	17/02/1998	Nam	6.75	6.5	7.6	6.6	6.4				
1681	HTC001698	TR N V N NAM	29/01/1997	Nam	3.75	2				6.5	6		
1682	HTC001699	V HOAI NAM	01/07/1998	Nam	5	2.5	6.4	6				2.75	
1683	HTC001700	HOÀNG TH N M	17/02/1997	N		5				7	6.5		
1684	HTC001701	NGUY N V N N M	22/04/1998	Nam	5.75	2.5	6	5.4	5			2.25	
1685	HTC001702	GIANG A N NG	17/02/1998	Nam	6	5.5	5.8	3.8					
1686	HTC001703	LÝ A N NG	23/06/1996	Nam		5.5				5	7.75		
1687	HTC001704	HOÀNG TH NẾT	21/08/1996	N		7.5				7.5	7.25		
1688	HTC001705	NG V N NÊN	26/09/1993	Nam	2		4	2.4					
1689	HTC001706	NG TH NGA	11/01/1998	N	2.75	2				7.25	3.75	2	
1690	HTC001707	NG T NGA	08/07/1998	N	6	6	7	6.2				2.38	
1691	HTC001708	H A TH NGUY T NGA	29/10/1998	N	3.25	5			4		5		
1692	HTC001709	LÊ TH THU NGA	14/06/1998	N	5.5	6.5		4.2	4.6			2.38	
1693	HTC001710	L U TH QU NH NGA	18/07/1998	N	1.25	3.5					3.5	2.13	
1694	HTC001711	LÝ QU NH NGA	19/11/1998	N	3.75	7.5				5	6.75	2.13	
1695	HTC001712	SA TH NGA	06/07/1998	N	1.75	6.5					4.5	2.5	
1696	HTC001713	TRI U TH NGA	10/05/1998	N	4.25	5				3	6.25	2.25	
1697	HTC001714	TR NG TH THANH NGA	12/11/1998	N	6.25	6	4.2	6.4				2.5	
1698	HTC001715	V TH NGA	27/03/1997	N		6				6.75	6.25		
1699	HTC001716	MAI TH NGA	11/01/1998	N	4.5	7		3.6	6				
1700	HTC001717	HOÀNG H I NGÂN	09/01/1998	Nam	1.25	5.5				2.5	4.25	2.38	
1701	HTC001718	HOÀNG TH H NG NGÁT	03/03/1998	N	6.75	6.5	4.2	5.8	7			2.1	
1702	HTC001719	NINH TH H NG NGÁT	27/06/1998	N	1.5	6					4.75	2.75	
1703	HTC001720	HOÀNG TH NG M	21/12/1997	N	5			5.4	6				
1704	HTC001721	CAO TH KIM NGÂN	11/07/1998	N	4	5.5	5	6.6				2.88	
1705	HTC001722	NG TH NGÂN	04/04/1998	N	4	6	4.8	3.8				2.5	
1706	HTC001723	HOÀNG THÚY NGÂN	08/11/1998	N	4.25	9				9.75	8.5	3.98	
1707	HTC001724	LÊ KIM NGÂN	18/08/1998	N	4.75	4	6.2					2.88	
1708	HTC001725	L NG THANH NGÂN	28/04/1998	N	5.5	5.5	5.2	5.4				3	
1709	HTC001726	NGUY N KIM NGÂN	01/12/1998	N	3.5	5.5		5	4.6			2.58	
1710	HTC001727	NGUY N KIM NGÂN	11/11/1998	N	6.5	4.5		3.2	5.8			2.13	
1711	HTC001728	NGUY N TH H NG NGÂN	27/12/1998	N	2.25	5.5	4	2.8				2.63	
1712	HTC001729	NGUY N TH NGÂN	14/11/1998	N	4	6.5					6.75	3	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1713	HTC001730	NGUY N TH NGÂN	24/04/1998	N	5.25	6.5				7	7.5	1.8	
1714	HTC001731	NGUY N THÚY NGÂN	14/12/1998	N	7	8	6.2					6.83	
1715	HTC001732	PH M H NH NGÂN	29/07/1998	N	7.25	6.5		7.6	8			3	
1716	HTC001733	TR N TH KIM NGÂN	05/03/1998	N	7.5	8					5.25	8.43	
1717	HTC001734	BÙI TU N NGH A	22/12/1998	Nam	3.25	7					4.75	3.13	
1718	HTC001735	ÀM TH MINH NGH A	29/11/1998	N	6.5	8	5.8					6.9	
1719	HTC001736	HÀ MINH NGH A	02/11/1998	Nam	3.5	5.5	4.6					2.25	
1720	HTC001737	HOÀNG TR NG NGH A	19/08/1998	Nam	2.75	3.5	4	3.8					
1721	HTC001738	NGUY NH U NGH A	10/11/1998	Nam	4.25	5.5	6.4	4.2				2	
1722	HTC001739	NGUY N HU Y NGH A	08/08/1994	Nam		2.5				5.5	2.75		
1723	HTC001740	NGUY N TR NG NGH A	07/07/1997	Nam		8				5.75	6		
1724	HTC001741	NGUY N TU N NGH A	01/08/1998	Nam	6.25	4	6.8	6.2				5.18	
1725	HTC001742	TR N I NGH A	14/07/1995	Nam		5				7.5	7.5		
1726	HTC001743	TR N TR NG NGH A	12/12/1998	Nam	5.5	7.5	4.4					4.25	
1727	HTC001744	TR N TR NG NGH A	15/03/1997	Nam		7.5				7	7		
1728	HTC001745	TR N TR NG NGH A	28/09/1996	Nam	4		5.8	5.8					
1729	HTC001746	V TR NG NGH A	18/07/1998	Nam	4.5	6		4	4.4			2.5	
1730	HTC001747	HOÀNG V N NGHIÊN	03/08/1998	Nam	3.25	6.5				6.5	6.5	2.5	
1731	HTC001748	T NG TH NGHI P	11/01/1998	N	2.5	6.5				4.5	5		
1732	HTC001749	D NG V N NGOAN	27/10/1995	Nam		6.5				5.75	4.5		
1733	HTC001750	HÀ TH NGOAN	06/09/1998	N	4.75	6	3.6	5	7.4			2.63	
1734	HTC001751	L NG V N NGOAN	06/10/1995	Nam		2.5				1.5	4.5		
1735	HTC001752	PHÙNG TH THANH NGOAN	13/11/1998	N	3.25	6					5.5	3.25	
1736	HTC001753	HOÀNG TH NGOAN	06/01/1998	N	4	6	5.2					3.88	
1737	HTC001754	BÙI BÍCH NG C	28/05/1998	N	5.5	8	3.2				5.75	4.43	
1738	HTC001755	BÙI NG NG C	15/06/1997	Nam		2.5				1.5	4.5		
1739	HTC001756	KHÁNH NG C	04/12/1998	N	4	2				1.25	5.5	1.88	
1740	HTC001757	TH H NG NG C	25/10/1998	N	3.5	7.5					5	3.38	
1741	HTC001758	OÀN TH BÍCH NG C	10/02/1998	N	6.5	6	6.4	5.4	8			2.13	
1742	HTC001759	HÀ ÌNH NG C	14/02/1998	Nam	1.75	7				3.75	6.25	2.88	
1743	HTC001760	HÀ MINH NG C	29/10/1998	N	6.5	6	6.6	5				2.25	
1744	HTC001761	HOÀNG H NG NG C	24/12/1998	N	0.75	5.5		2.8	2.4			1.88	
1745	HTC001762	HOÀNG NG C	07/07/1992	Nam		3				3.75	4.5		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1746	HTC001763	HOÀNG TH NG C	05/10/1998	N	1.75	6				1.75	5.5		
1747	HTC001764	HOÀNG TH THANH NG C	16/08/1998	N	6.25	7.5					5.25	6.65	
1748	HTC001765	LÊ TH BÍCH NG C	03/06/1998	N	2	6.5				6.25	7.25	2	
1749	HTC001766	LÊ TH H NG NG C	20/02/1998	N	5.25	3	6.2	5.4	4.6			3.65	
1750	HTC001767	L NG TH BÍCH NG C	25/10/1998	N	4	7.5				8	7.25	2.38	
1751	HTC001768	NGÔ ANH NG C	28/10/1998	Nam	1.25	5					3.25	2.13	
1752	HTC001769	NGUY N BẮNG C	02/09/1998	Nam	6.25	8.5	5.4					7.4	
1753	HTC001770	NGUY N B ỜNG C	22/09/1998	Nam	6	6.5	7.4					5.7	
1754	HTC001771	NGUY N ỈNH NG C	27/06/1996	Nam		4				6.25	5.5		
1755	HTC001772	NGUY NH NG NG C	17/05/1998	N	3.5	6.5	6.6	2.8				3.15	
1756	HTC001773	NGUY N MINH NG C	14/11/1998	N	7.75	8	7.4					4.63	
1757	HTC001774	NGUY N TH BÍCH NG C	20/02/1998	N	4.5	6.5	6	3.8				2.13	
1758	HTC001775	NGUY N TH BÍCH NG C	29/09/1998	N	5.5	8	5.2	3.4	3.6	5.75	5.5	2.5	
1759	HTC001776	NGUY N TH NG C	02/09/1998	N	1	2					4	1.25	
1760	HTC001777	NGUY N TH NG C	24/09/1998	N	6.25	7.5	7.6	6	7			2.13	
1761	HTC001778	NGUY N TH NH NG C	27/04/1997	N	8.25		4.6	6.4	8.2				
1762	HTC001779	NGUY N TI N NG C	01/04/1998	Nam	5.25	7	6.8					5.28	
1763	HTC001780	NH ẦM B ỜNG C	24/03/1998	N	3.75	5.5		3.6	4.4				
1764	HTC001781	PH M C NG NG C	27/09/1998	Nam	6	8	7.8					8.55	
1765	HTC001782	PH M TH MINH NG C	28/12/1998	N	3.25	7.5				8.25	7.5	3.88	
1766	HTC001783	PHÙNG TH NG C	25/07/1998	N	4.25	6.5					6.25	2.7	
1767	HTC001784	TRI U TH DI ỨNG C	10/08/1998	N	6.25	6.5		4.8	6.4				
1768	HTC001785	TR N B ỜNG C	26/07/1998	N	4.5	7.5					7.75	2.25	
1769	HTC001786	TR NH NG NG C	16/10/1998	N	3.5	6					5.5	1.88	
1770	HTC001788	TR NH TH H NG NG C	04/10/1998	N	2.25	6.5				7.25	6.5	2.88	
1771	HTC001789	TR NH V N NG C	10/10/1992	Nam		1.5				1.5	3.25		
1772	HTC001790	V H NG NG C	19/11/1998	N	7.75	4.5	7.2					5.83	
1773	HTC001791	V MINH NG C	20/01/1998	N	5.75	4.5	7.2	5.6				2.63	
1774	HTC001792	B ỨNG C NGUY ỀN	24/08/1998	Nam	5.25	4	3.4					5.15	
1775	HTC001793	NGUY N HUỠY NGUY ỀN	06/09/1998	Nam	6.25	3.5	7.4	6.4				2.75	
1776	HTC001794	NGUY N TH ỒNG NGUY ỀN	10/04/1998	N	6.5	7.5	5.8					6.13	
1777	HTC001795	PH M TR N NG C NGUY ỀN	24/12/1998	Nam	6	6					5	7.9	
1778	HTC001796	TR N ỈNH NGUY ỀN	27/11/1998	Nam	1.25	7.5				8.5	8	2.25	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1779	HTC001797	TR NG CÔNG NGUYỄN	13/06/1996	Nam	2.75		4.6	5.4	5				
1780	HTC001798	V C NGUYỄN	17/07/1998	Nam	8.75	7.5	8.2					8.78	
1781	HTC001799	HOÀNG ÌNH NGUY N	08/05/1998	Nam	2.25	5.5		2.6	5.6				
1782	HTC001800	NGUY N BÁ NGUY N	23/06/1998	Nam	4.5	4.5	5.4	4.6				2	
1783	HTC001801	TÔ V N NGUY N	05/01/1995	Nam	1.25		3	5.4					
1784	HTC001802	ÀU ANH NGUY T	24/04/1998	N	2	7.5				7.5	6.75		
1785	HTC001803	CÁT TH ANH NGUY T	21/07/1998	N	6.75	7.5	4.2					6.73	
1786	HTC001804	NG TH NGUY T	27/05/1997	N	3.5			2.6	3.8				
1787	HTC001805	HOÀNG TH MINH NGUY T	16/12/1997	N	3.75			3.2	3.4				
1788	HTC001806	LÊ TH NGUY T	03/11/1997	N	2.75	6	4					2.4	
1789	HTC001807	NGUY N ANH NGUY T	30/09/1998	N	5	7		3.2	5.4		6.5	2.5	
1790	HTC001808	NGUY N TH ANH NGUY T	21/02/1998	N	4.5	6.5					8	4.23	
1791	HTC001809	NGUY N TH BÍCH NGUY T	04/04/1998	N	5	6	4	3.6	5.6		4.75	2.63	
1792	HTC001810	V TR N MINH NGUY T	28/08/1998	N	5.25	6					6.75	2.75	
1793	HTC001811	HÀ TH THANH NHÀN	04/11/1998	N	5	6	3.8	3.4	3.6			3.28	
1794	HTC001812	TR N TH NHANH	03/02/1998	N	6	6		4.6	5.4		5.75	2.5	
1795	HTC001813	L C TH NHÂM	08/09/1998	N	3.25	7.5				8.75	5.25		
1796	HTC001814	THANG TH NHÂM	10/07/1998	N	4	6		5.2	7.4				
1797	HTC001815	OÀN QUÝ NHÀN	04/05/1998	Nam	3.5	4.5	4.4	4.2				2.8	
1798	HTC001816	HOÀNG V NH T	19/01/1998	Nam	7.25	4.5	8					6.03	
1799	HTC001817	TR N QUANG NH T	28/02/1995	Nam		4				7.75	8.5		
1800	HTC001818	V HOÀNG NH T	16/12/1998	N	1	5.5					5	2.5	
1801	HTC001819	HÀ TH HOÀI NHI	14/04/1998	N	4	5		4.6	5			2	
1802	HTC001820	NGUY N TH O NHI	24/11/1998	N	5.5	5	5.4	3				2.13	
1803	HTC001821	NGUY N Y N NHI	11/03/1998	N	6.25	8	5.8					4.93	
1804	HTC001822	TR N NG C NHI	18/07/1998	N	2	7.5				7.75	6.75	3.13	
1805	HTC001823	V TH NHIÊN	03/03/1998	N	3	7					5	2.88	
1806	HTC001824	HOÀNG KH C NH N	18/06/1997	Nam		5.5				6	7		
1807	HTC001825	BÙI TH NG C NHUNG	05/11/1998	N	4.75	5.5		4.2	3.6				
1808	HTC001826	BÙI TH TUY T NHUNG	03/09/1997	N	5.25	7.5				8.25	7.75		
1809	HTC001827	INH TH H NG NHUNG	25/01/1998	N	6	5.5	4.2	5.2	5.6			3	
1810	HTC001828	HÀ TH TRANG NHUNG	13/07/1998	N	1.75	7				3.75	6		
1811	HTC001829	HOÀNG C M NHUNG	06/05/1998	N	1.25	7					5.75	2.13	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1812	HTC001830	HOÀNG H NG NHUNG	29/12/1998	N	0.25	4.5					3	1.88	
1813	HTC001831	HOÀNG PH NG NHUNG	27/12/1998	N	5.5	8					8	2.85	
1814	HTC001832	HOÀNG TH H NG NHUNG	25/01/1998	N	2.75	6		5.6	5			2.13	
1815	HTC001833	HOÀNG TH NHUNG	06/07/1998	N	1.75	6.5			4.2		6.25		
1816	HTC001834	LÊ TH NHUNG	21/10/1998	N	5	5.5	5.8					3.85	
1817	HTC001836	MA H NG NHUNG	02/10/1998	N	4.25	6.5	6	3.6					
1818	HTC001837	NGÔ TH H NG NHUNG	14/08/1998	N	8.5	7.5	8.6					7.28	
1819	HTC001838	NGUY N C M NHUNG	30/09/1998	N	2.75	5.5				5.25	6	2.38	
1820	HTC001839	NGUY N H NG NHUNG	16/06/1998	N	3.5	7		4	5			2.13	
1821	HTC001840	NGUY N H NG NHUNG	19/04/1998	N	5.5	6	4.4	7.2	6.8			1.73	
1822	HTC001841	NGUY N H NG NHUNG	23/07/1998	N	4.25	8.5				8.5	9.25	3.9	
1823	HTC001842	NGUY N H NG NHUNG	30/11/1998	N	8	6.5	8.4					7.7	
1824	HTC001843	NGUY N TH H NG NHUNG	03/03/1998	N	2	4.5					6.75	2.5	
1825	HTC001844	NGUY N TH H NG NHUNG	06/09/1998	N	6	5.5	7	5.6				2.38	
1826	HTC001845	NGUY N TH H NG NHUNG	08/03/1998	N	2.5	5.5		3.4	6.2				
1827	HTC001846	NGUY N TH H NG NHUNG	13/12/1998	N	6	6.5	6.6					3.63	
1828	HTC001847	NGUY N TH H NG NHUNG	17/02/1998	N	3	6.5					5.25	2.83	
1829	HTC001848	NGUY N TH H NG NHUNG	20/12/1998	N	6	7	7.6	6.6	8.4			3.68	
1830	HTC001849	NGUY N TH KIM NHUNG	04/06/1998	N	6	4.5	7	5.6				3.25	
1831	HTC001850	NGUY N TH NHUNG	08/05/1998	N	1.5	5.5		4	3.8		4.25	1	
1832	HTC001852	NGUY N TH NHUNG	19/06/1998	N	6.75	6	7.2	6				2.63	
1833	HTC001853	NGUY N TH NHUNG	27/12/1998	N	4	8					6.25	4.83	
1834	HTC001854	NGUY N TH NHUNG	30/01/1998	N	4.25	6	4.4	3.8	5			3.13	
1835	HTC001855	NÔNG TH H NG NHUNG	22/01/1998	N	2.25	6.5				5.75	6		
1836	HTC001856	PHAN H NG NHUNG	17/04/1998	N	6.25	7	6.8					3.4	
1837	HTC001857	PH M H NG NHUNG	27/12/1998	N	6.25	7.5	7					5.13	
1838	HTC001858	PH M TH H NG NHUNG	11/10/1998	N	8.25	6	7.8	7.4				5.33	
1839	HTC001859	PH M TH H NG NHUNG	15/12/1998	N	6.25	6	6.8					3.25	
1840	HTC001860	PH M TH TUY T NHUNG	08/10/1998	N	5.25	5.5		4			6.75	3	
1841	HTC001861	T TH NHUNG	13/10/1998	N	5.25	8	5.6	4.4			5.75	2	
1842	HTC001862	TR N H NG NHUNG	08/03/1998	N	4	7.5				6	6.75	2.1	
1843	HTC001863	TR N TH TRANG NHUNG	27/02/1998	N	7.75	6	8.8	7.2	4.8				
1844	HTC001864	TR NG TH H NG NHUNG	08/12/1998	N	8.5	8	7.6	7.2	7.4			5.55	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1845	HTC001865	TR NG TH NHUNG	15/02/1998	N	2.25	5	4.8	5					
1846	HTC001866	V C M NHUNG	01/09/1998	N	7.25	8	7.6					8.6	
1847	HTC001867	V H NG NHUNG	05/09/1998	N	5.5	7					4	3.85	
1848	HTC001868	V TH H NG NHUNG	18/02/1998	N	2	7.5				4	6	4.1	
1849	HTC001869	V NG TH H NG NHUNG	15/07/1998	N	3.75	6	5.8	5	5.8			2.25	
1850	HTC001870	NGUY N TH KIM NH	25/10/1998	N	4.25	5.5		5.6	5.6			1.75	
1851	HTC001871	TRI U TÀI NIÊM	08/02/1998	Nam	6.25	3.5	6.4	5.8				2	
1852	HTC001872	L NG THÙY NINH	03/02/1998	N	4.5	6.5					4.75	2.5	
1853	HTC001873	NGUY N NG NINH	13/10/1997	Nam		5				4	5		
1854	HTC001874	T NG M NINH	29/01/1998	N	7.75	7	7.4	8				5.55	
1855	HTC001876	V H I NINH	13/09/1998	Nam	2	4	4.8	3.8				2.38	
1856	HTC001877	V TH HOÀI NINH	08/08/1998	N	5.75	7	7.4					3.5	
1857	HTC001878	NG TH N	07/05/1998	N	3.5	7.5				7	8		
1858	HTC001879	SÙNG A N	23/05/1998	Nam	4	5		4	4.6				
1859	HTC001880	HOÀNG TH N	22/06/1998	N	5.25	7	3.8	5.4				2.65	
1860	HTC001881	HÀ TH THU N NG	26/10/1998	N	3.25	7.5					6.25	3.25	
1861	HTC001882	L NG TH HÀ N NG	10/04/1997	N	5.25			5.4	5.6				
1862	HTC001883	D NG TH OANH	13/12/1998	N	1.75	5		2.8	2.6				
1863	HTC001884	INH TH OANH	14/01/1998	N	4.5	5.5	4.4	3.8					
1864	HTC001885	HOÀNG TH OANH	12/08/1998	N	2.5	6				7.75	6.5		
1865	HTC001886	NGÕ TH OANH	15/07/1997	N	1.25	5.5				6.75	3.75	2.25	
1866	HTC001887	NGUY N KIM OANH	06/09/1998	N	5.75	6.5	7.4	5.6				3.25	
1867	HTC001888	NGUY N LÂM OANH	16/11/1998	N	4.25	7	3.8					2.88	
1868	HTC001889	NGUY N TH KI U OANH	17/07/1998	N	6.5	6	6.2	5.4					
1869	HTC001890	NGUY N TH OANH	10/03/1998	N	1.75	7				4.5	6		
1870	HTC001891	TRI U TH KIM OANH	02/09/1998	N	6.5	7	5.2	4.4					
1871	HTC001892	V TH KIM OANH	24/01/1998	N	5	5.5					5	3.63	
1872	HTC001893	V NG TH OANH	01/02/1998	N	4.25	4.5	5.4	4.4	4.4			3.13	
1873	HTC001894	KHANG TH PÀNG	14/10/1998	N	3.5	6.5				4	6.5		
1874	HTC001895	H A PHÀ	06/05/1997	Nam	2.5	6	2.4	3		3	2.75		
1875	HTC001896	V NG NG C PHAN	24/11/1998	Nam	6.5	7.5	6					6.35	
1876	HTC001897	H H NG PHI	08/05/1994	Nam		5.5				3.25	4.5		
1877	HTC001898	OÀN KHAI PHONG	10/12/1998	Nam	2.25	4				4.25	5.75	2.75	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1878	HTC001899	H THANH PHONG	16/03/1998	Nam	6	3	5.4	5.2				2.25	
1879	HTC001900	HOÀNG NH T PHONG	10/02/1998	Nam	4.5	3	5.6	4.8				1.75	
1880	HTC001901	LÊ LÂM PHONG	15/10/1998	Nam	3.25	5					3	1.75	
1881	HTC001902	LÊ QU C PHONG	07/01/1998	Nam	6	3	7	7	5.8			2.85	
1882	HTC001903	L NG ÌNH PHONG	16/03/1998	Nam	1.5	5				4.5	6.75	3.13	
1883	HTC001904	L NG THÁI PHONG	18/08/1998	Nam	3.25	3	5.6	4			4.75	1.75	
1884	HTC001905	MAI VI T PHONG	08/08/1998	Nam	7	5.5	6.8	6.6	6.2			3.45	
1885	HTC001906	NGUY N C PHONG	12/03/1998	Nam	5.25	5.5		5.6				3.7	
1886	HTC001907	T V N PHONG	14/07/1998	Nam	7	4	7.4	7				2.75	
1887	HTC001908	TR N DUY PHONG	12/07/1998	Nam	6.75	4.5	7	6.4		2.75	5.25	2.5	
1888	HTC001909	TR N C PHONG	16/06/1998	Nam	3.25	6	5.8					2.63	
1889	HTC001910	V TÔ C NG PHONG	25/04/1997	Nam	2	4.5				7	5.5	2.45	
1890	HTC001911	GIANG A PHÔNG	06/12/1998	Nam	2.25	5.5				7.25	7.75		
1891	HTC001912	ÀU TH PHỨ	05/12/1998	N	2	7					3.5	2.25	
1892	HTC001913	HOÀNG V NH PHỨC	17/09/1998	Nam	6.25	7	6.4					4.98	
1893	HTC001914	NGUY N TH PHỨC	12/02/1998	N	5.5	3.5	5	4.8	3.6			3.2	
1894	HTC001915	INH XUÂN PHÙNG	09/09/1992	Nam		5				6.25	6.5		
1895	HTC001916	HOÀNG H U PH C	07/11/1997	Nam	2.25		5.2	3.8					
1896	HTC001917	BÙI LAN PH NG	04/07/1998	N	7.25	7.5	7.4					4	
1897	HTC001918	BÙI NG C PH NG	27/03/1997	N	6.75	7	6.4					5.25	
1898	HTC001919	BÙI TH BÍCH PH NG	05/12/1998	N	1.5	7				7.75	8		
1899	HTC001920	BÙI TH PH NG	04/08/1998	N	1.75	6	3.6	4.4					
1900	HTC001921	CAO HUY N PH NG	02/05/1998	N	3.75	6					6	2.93	
1901	HTC001922	CHU TH PH NG	01/10/1998	N	4	6.5				8.25	6.75		
1902	HTC001924	QU C PH NG	23/02/1993	Nam		5				5.75	8.25		
1903	HTC001925	TH LAN PH NG	04/10/1998	N	5.75	7.5	3.8					2.13	
1904	HTC001926	ÀO TH THU PH NG	26/09/1998	N	6	7.5	3.6					6.08	
1905	HTC001927	INH TH BÍCH PH NG	25/06/1998	N	3.75	7					6.5	2.38	
1906	HTC001928	HOÀNG LAN PH NG	24/06/1998	N	6.5	5	5.6					5.65	
1907	HTC001929	HOÀNG TH PH NG	22/07/1998	Nam	3	5.5				4	6.25		
1908	HTC001930	HOÀNG TH PH NG	10/03/1995	N		7.5				8.25	7.5		
1909	HTC001931	HOÀNG TH THU PH NG	17/12/1998	N	3	5		3.6	5.6			2.38	
1910	HTC001932	HOÀNG THU PH NG	27/02/1998	N	3.25	5.5		3.6	2.8				

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1911	HTC001933	LÊ TH PH NG	30/05/1998	N	1.75	6		2.8	5				
1912	HTC001934	LÊ THU PH NG	05/02/1998	N	6.5	7	4.6	5.8	5.6			2.23	
1913	HTC001935	LÊ THU PH NG	08/10/1998	N	7.5	8	5.2					8.4	
1914	HTC001936	NGUY N BÍCH PH NG	06/03/1998	N	1.75	6.5	3.8	4	3.6	2.75	4.75	2.25	
1915	HTC001937	NGUY N MAI PH NG	14/12/1998	N	7	7.5	5.4					5.25	
1916	HTC001938	NGUY N TH BÍCH PH NG	27/07/1998	N	6.75	6.5	8.4					5.73	
1917	HTC001939	NGUY N TH HÀ PH NG	10/02/1998	N	6	7.5				4.5	7	2.25	
1918	HTC001940	NGUY N TH HUYN PH NG	02/09/1998	N	2.5	6				2.5	6	2.5	
1919	HTC001941	NGUY N TH PH NG	09/02/1998	N	2.75	6.5				5	5.5	2.38	
1920	HTC001942	NGUY N TH PH NG	13/03/1998	N	3.25	7				6		3.1	
1921	HTC001943	NGUY N TH THANH PH NG	13/07/1998	N	4.5	7.5	4.2					2.98	
1922	HTC001944	NGUY N TH TH O PH NG	09/10/1998	N	1.25	4					4.25	2.88	
1923	HTC001945	NGUY N TH TH O PH NG	22/01/1998	N	2.5	5	2.8					3.13	
1924	HTC001946	NGUY N TH THU PH NG	01/03/1998	N	5.25	5.5	4.4					4.05	
1925	HTC001947	NGUY N TH O PH NG	16/04/1998	N	6.75	8	6.6					8.7	
1926	HTC001948	NGUY N TH O PH NG	24/08/1998	N	2	5	4.2	2.8				2.13	
1927	HTC001949	NGUY N THU PH NG	01/11/1998	N	3.75	6.5					5.5	2.75	
1928	HTC001950	NGUY N THU PH NG	10/03/1998	N	4.25	6					7.5	3	
1929	HTC001951	NGUY N THU PH NG	12/03/1998	N	3.5	2.5	5.6	4.2					
1930	HTC001952	NGUY N THU PH NG	30/09/1998	N	6.25	6		5.4	3.6			2.75	
1931	HTC001953	NGUY N THU PH NG	30/09/1998	N	6.25	3.5	6.2	4.8	5.6			2	
1932	HTC001954	NGUY N TU N PH NG	16/04/1998	Nam	3.5	4				4.75	6.25	3.85	
1933	HTC001955	NGUY N V N PH NG	05/07/1998	Nam	2	4.5	3.6	4.4				2	
1934	HTC001956	NÔNG TH PH NG	14/07/1998	N	2.5	6.5				5.75	6.25	2.75	
1935	HTC001957	NÔNG TH PH NG	20/08/1998	N	4.75	5	4.4	5.4				2	
1936	HTC001958	PHAN THU PH NG	15/10/1998	N	4.5	8.5					7.5	3.45	
1937	HTC001959	PH M BÍCH PH NG	26/09/1998	N	2.75	9				9.25	8.25	4.58	
1938	HTC001960	PH M MINH PH NG	07/05/1998	N	5.5	6.5	6.8	6				2.5	
1939	HTC001961	PH M TH THU PH NG	02/03/1998	N	5.5	6	5.4	5				2.13	
1940	HTC001962	TRI U TH PH NG	10/05/1998	N	2	7				2	5	3.1	
1941	HTC001963	TR N BÍCH PH NG	30/06/1998	N	4	6					5	2.23	
1942	HTC001964	TR N H NG PH NG	26/11/1998	N	6.75	7	7.8	6.8	6.8			3.5	
1943	HTC001965	TR N LAN PH NG	30/05/1998	N	5.5	6	5.4	5.4				2.43	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1944	HTC001966	TR N MINH PH NG	06/08/1998	N	6.25	6	7.4	6				2.75	
1945	HTC001967	TR N QU NH PH NG	20/09/1998	N	4	6.5				5.5	6.25	1.98	
1946	HTC001968	TR N TH PH NG	14/11/1997	N	6.25		6.8	7	5				
1947	HTC001969	TR N TH PH NG	28/09/1998	N	5.25	6.5	6.6	6.4	6.4			1.88	
1948	HTC001970	TR NG TH MINH PH NG	17/12/1997	N	7		5	7	7				
1949	HTC001971	V MINH PH NG	02/03/1998	N	4.5	6	5.6	5.2	5			2.13	
1950	HTC001972	V TH PH NG	04/02/1998	N	5.5	7					6	2.88	
1951	HTC001973	LÊ H I PH NG	29/07/1998	N	3.75	4.5	5.4	5.8			2.75	3.85	
1952	HTC001974	INH KIM PH NG	06/10/1998	N	6.25	7	7.2	5.6				5.05	
1953	HTC001975	LÊ MINH PH NG	21/12/1998	N	6	7.5	7					8.05	
1954	HTC001976	LÊ TH PH NG	01/12/1996	N		7.5				7	7		
1955	HTC001977	LÊ TH PH NG	20/01/1998	N	4.75	7					7	2.88	
1956	HTC001978	NGUY N H NG PH NG	08/05/1998	N	1.75	4.5					6	2.88	
1957	HTC001979	NGUY N H NG PH NG	13/07/1998	N	4.5	6.5				6.25	6	2.75	
1958	HTC001980	NGUY N MINH PH NG	03/02/1998	N	6	7	3.2	5.2	5			2.63	
1959	HTC001981	NGUY N TH BÍCH PH NG	09/12/1998	N	5.5	7.5					4.75	5.5	
1960	HTC001982	NGUY N TH PH NG	02/04/1997	N	5			3.6	3.6				
1961	HTC001983	NGUY N TH PH NG	16/10/1998	N	5.25	7	6.4	5.2				2	
1962	HTC001984	PHÙNG THÚY PH NG	09/06/1998	N	5.25	6.5					4.75	4.73	
1963	HTC001985	BÀN TH PI N	15/02/1997	N	4.75	8				8.5	7.5		
1964	HTC001986	BÙI MINH QUANG	01/12/1998	Nam	5.75	3.5		5.8	7			2.6	
1965	HTC001987	D NG PHÚ QUANG	01/02/1998	Nam	3.5	6				1.25	5.5	2	
1966	HTC001988	CHÍ QUANG	15/10/1997	Nam	2		4.2	5.2					
1967	HTC001989	NG MINH QUANG	29/05/1998	Nam	6.5	7	5.2					3.8	
1968	HTC001990	OÀN HÀ QUANG	13/06/1998	Nam	4.75	7.5				8.5	9.25		
1969	HTC001991	HOÀNG V NH QUANG	26/06/1997	Nam		5				2.5	5.75		
1970	HTC001992	LÊ MINH QUANG	16/08/1998	Nam	4	5				8.75	8.5	3.7	
1971	HTC001993	NGUY N C QUANG	19/11/1998	Nam	4.75	4.5	3.2	3.4				2.13	
1972	HTC001994	PH M NG C QUANG	25/10/1998	Nam	3.75	5.5					4.5	1.75	
1973	HTC001995	TR N ANH QUANG	05/02/1998	Nam	5	5.5					4.25	4.88	
1974	HTC001996	TR N BÌNH QUANG	26/10/1998	Nam	4.75	3.5	5.6	5.2				3	
1975	HTC001997	MÔNG V N QU NG	17/04/1998	Nam	5.5	6		6.8	6.4				
1976	HTC001998	BÙI H NG QUẢN	01/07/1998	Nam	6	5	5.2	5.4				2.13	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
1977	HTC001999	CAO V N QUÂN	28/09/1998	Nam	4.5	6.5	4.8	3.8				2.75	
1978	HTC002000	ÂM ANH QUÂN	12/12/1998	Nam	7	4.5	7	6	5.8			3	
1979	HTC002001	HOÀNG LONG QUÂN	17/09/1995	Nam		7.5				6.75	8.75		
1980	HTC002002	HOÀNG V N QUÂN	10/03/1998	Nam	3.75	5.5		6.6				2.6	
1981	HTC002003	L NG TH QUÂN	27/01/1998	N	5.5	7	4	4.8				1.5	
1982	HTC002004	NGUY NH NG QUÂN	11/05/1996	Nam		4.5				5.25	5.75		
1983	HTC002005	NGUY NH NG QUÂN	25/04/1998	Nam	6.25	3.5	7.2	6.6				2	
1984	HTC002006	NGUY N HOÀNG QUÂN	05/06/1998	Nam	2	5	4.6	5	3.8				
1985	HTC002007	NGUY N NG C QUÂN	13/08/1998	Nam	6.5	5.5	6.6	6.2				2.25	
1986	HTC002008	NGUY N NG C QUÂN	27/10/1997	Nam	4.75	4	3.8	6				2.25	
1987	HTC002009	NGUY N TRUNG QUÂN	13/10/1998	Nam	5.75	4.5	7.2	6.2	6.2			2.13	
1988	HTC002010	PH M MINH QUÂN	19/11/1998	Nam	6.75	5	7.6	6.2	6.6			2	
1989	HTC002011	TR N ANH QUÂN	15/09/1998	Nam	4.25	4.5					4	2.5	
1990	HTC002012	TR N H NG QUÂN	01/04/1998	Nam	3.25	3.5	4.6	5.2				2.25	
1991	HTC002013	V ÌNH QUÂN	31/05/1998	Nam	6.75	4	7	5.4	6.8			2.13	
1992	HTC002014	V H NG QUÂN	17/12/1998	Nam	9.25	4.5	7.8					4.4	
1993	HTC002015	LY A QU Y	13/02/1995	Nam		4				5.25	4		
1994	HTC002016	PHAN KIM QU C	04/07/1991	Nam		3.5				6.5	6.5		
1995	HTC002017	HOÀNG TH QUÝ	20/10/1998	N	2.5	7				8.25	8.75	2.1	
1996	HTC002018	NGUY N V N QUÝ	18/09/1998	Nam	6	3.5	5.4	6.2	5			2.25	
1997	HTC002019	NGUY N XUÂN QUÝ	27/12/1998	Nam	6	5.5	5.4	5.2				1.25	
1998	HTC002020	QUY N TH THU QUÝ	11/06/1950	N	0.25								
1999	HTC002021	V V N QUÝ	01/03/1998	Nam	6	4	7	6				2.75	
2000	HTC002022	HÀ TH L QUYÊN	01/05/1998	N	7	6.5	7.4	7					
2001	HTC002023	HOÀNG TH QUYÊN	13/08/1998	N	5.25	6.5					6.25	2.6	
2002	HTC002024	LỄ PH NG QUYÊN	31/05/1998	N	5	4.5	6.2	3.8				2.38	
2003	HTC002025	NGUY NH NG QUYÊN	27/09/1998	N	4.25	7					4.5	2.83	
2004	HTC002026	NGUY N TH C QUYÊN	26/08/1998	N	2.75	6					5.75	2	
2005	HTC002027	HOÀNG V N QUY N	08/10/1997	Nam	7		6.4	5.8					
2006	HTC002028	LÝ V N QUY N	24/03/1995	Nam	7.5		7.2	7.6					
2007	HTC002029	NGUY N M NH QUY N	10/12/1998	Nam	4.5	5					6.75	3.95	
2008	HTC002030	NGUY N TR NG QUY N	22/10/1998	Nam	6.5	3.5	4.2	4.4				1.38	
2009	HTC002031	NÔNG NG C QUY N	08/08/1997	Nam	4.25	5.5	6	4.2				2.88	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2010	HTC002032	PH M V N QUY N	26/03/1998	Nam	5.5	5	6.6	3.4				3	
2011	HTC002033	NGUY N ÌNH QUY N	15/08/1994	Nam		6				6.25	7.5		
2012	HTC002034	NGÕ CHUNG QUY T	17/06/1993	Nam		3				4.75	1.25		
2013	HTC002035	TR N TI N QUY T	29/10/1998	Nam	2.5	6.5					5.5	3.38	
2014	HTC002036	TR N V N QUY T	16/09/1998	Nam	4.25	5	4	3.8					
2015	HTC002037	V M NH QUY T	27/10/1998	Nam	6.25	5.5	6.2	5.6					
2016	HTC002038	BÀN TH H NG QU NH	10/09/1997	N		7.5				4	6.5		
2017	HTC002039	ÁO THỦY QU NH	28/09/1997	N		8				8.25	7.75		
2018	HTC002040	INH NG C QU NH	20/04/1998	N	4.25	6.5					4.75	2.25	
2019	HTC002041	INH NH QU NH	20/03/1998	N	2	7		3.8	3.2	5	6		
2020	HTC002042	HÀ TH L QU NH	01/09/1997	N		6.5				5	7.25		
2021	HTC002043	HÀ TH NH QU NH	27/02/1997	N		7.5				6.25	7.75		
2022	HTC002044	L C V N QU NH	08/09/1998	Nam	1.25	6				4.25	5		
2023	HTC002045	LÊ TH TRÚC QU NH	28/01/1998	N	5.5	7.5					8.25	2.38	
2024	HTC002046	LÊ THỦY QU NH	21/04/1998	N	8.25	8.5	6.2					8.28	
2025	HTC002047	L U H NH QU NH	12/08/1998	N	1.5	6	5.8	3		8	7.5	2.13	
2026	HTC002048	LÝ TH QU NH	20/11/1998	N	4.25	6.5	5.2	5				2	
2027	HTC002049	LÝ TH QU NH	28/02/1997	N	2		4.4	4.4	2.6				
2028	HTC002050	NGUY N NG C QU NH	23/06/1998	N	7.5	5.5	8.2	6	5.6			2.5	
2029	HTC002051	NGUY N NH QU NH	18/03/1998	N	2.75	7		4.4	5.4			2	
2030	HTC002052	NGUY N PH NG QU NH	27/08/1998	N	8	7.5	3.2					4.8	
2031	HTC002053	NGUY N TH ÁNH QU NH	21/10/1998	N	6	8	6.4	6				3	
2032	HTC002054	NGUY N TH QU NH	01/01/1998	N	5.5	7	4.8					3.38	
2033	HTC002055	NGUY N TH QU NH	02/02/1998	N	5.5	5.5		5.6	6.6				
2034	HTC002056	NGUY N TH QU NH	20/11/1997	N	5	7.5				5.25	6.25	1.63	
2035	HTC002057	NGUY N TH TRÚC QU NH	19/05/1998	N	2	7					5	2.25	
2036	HTC002058	NGUY N TH XUÂN QU NH	03/11/1998	N	6.25	8		5.6	5.6			2.35	
2037	HTC002059	NGUY N THU QU NH	27/07/1998	N	7.75	6.5	7.8					6.9	
2038	HTC002060	PH M NG C QU NH	24/03/1998	N	6.25	6.5	6.8	5.6	5.6			2.35	
2039	HTC002061	PH M TH NH QU NH	03/01/1998	N	3	5				4.25	6	2.88	
2040	HTC002062	T TH DI U QU NH	02/08/1997	N	4.25			4.4	4.6				
2041	HTC002063	TÔ TH NG C QU NH	26/08/1998	N	1.25	4.5		2.6	4		3	2.73	
2042	HTC002064	TRI U TH QU NH	25/04/1997	N	1.75			3.6	2.8				

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2043	HTC002065	TR N TRÚC QU NH	05/03/1997	N	2.25	5.5				7.5	4		
2044	HTC002066	V TH QU NH	02/04/1998	N	7.75	6.5	7.2	6.6	6			1.5	
2045	HTC002067	HOÀNG V N SÁCH	20/07/1989	Nam		3				4.5	2.25		
2046	HTC002068	HOÀNG V N SANG	19/05/1993	Nam		3				3.5	2.5		
2047	HTC002069	NÔNG TH SÁNG	27/05/1998	N	3.5	8				6.5	7.75		
2048	HTC002070	V V N SÁNG	28/02/1992	Nam		5				5.25	4		
2049	HTC002071	D NG TH SÁNH	10/04/1998	N	6.75	5		6	5.4				
2050	HTC002072	TH SAO	03/06/1998	N	2.75	7.5				6.75	6.5	3	
2051	HTC002073	GIANG A SÀO	17/02/1998	Nam	4.25	4	5	3.6					
2052	HTC002074	H TH SÀY	05/07/1998	N	2.75	6				5	5.75		
2053	HTC002075	NG V N S M	23/10/1992	Nam		4.5				4	2		
2054	HTC002076	H A TH SEN	09/11/1998	N	2.5	5				2.75	3	2.63	
2055	HTC002077	T NG TH SEN	17/08/1998	N	5.75	7	4.2				6.75	2.38	
2056	HTC002078	LÝ A S NH	04/04/1993	Nam		2.5				3	1.75		
2057	HTC002079	HOÀNG TH SIM	02/06/1997	N		8.5				9.5	9		
2058	HTC002080	NGUY N TH HOA SIM	17/02/1997	N	3		5.8	5.4					
2059	HTC002081	PH M TH SIM	29/09/1996	N		7				5.25	5.5		
2060	HTC002082	BÀN TH SINH	30/10/1998	N	3.75	7.5				6.5	8.25		
2061	HTC002083	C NG C SINH	12/08/1995	Nam		6.5				5.5	6.25		
2062	HTC002084	SÙNG A SINH	06/04/1998	Nam	2.25	7				5	7		
2063	HTC002085	NH C TH SOÀI	22/09/1998	N	7	6	6.4	7.2				2.13	
2064	HTC002086	HOÀNG TH SOÀN	28/11/1998	N	2	7				5.5	4.25	2	
2065	HTC002087	NÔNG TR NG SO N	25/01/1998	Nam	4	4.5		4.6	4.6			2	
2066	HTC002088	TR NH TI N SO N	05/02/1997	Nam	5		7.2	6.4					
2067	HTC002089	HOÀNG TH SOI	05/06/1997	N	6.25		4	6.6	5.6				
2068	HTC002090	HOÀNG TH H NG SON	26/06/1998	N	7	7.5	7.4	7					
2069	HTC002091	GIANG A SÔNG	09/06/1998	Nam	3.75	6.5	7	5					
2070	HTC002092	H NG A S	12/09/1997	Nam		6				2.75	4.5		
2071	HTC002093	TR N QU C S	02/03/1996	Nam		2.5				1.5	1		
2072	HTC002094	SÙNG A S	05/01/1998	Nam	5	6				6.5	6.5		
2073	HTC002095	D NG NG C XUÂN S N	02/03/1998	Nam	8	4	7.8	7.4				3	
2074	HTC002096	NG C S N	21/01/1998	Nam	3.25	5				4.5	5.5		
2075	HTC002097	NG NG C S N	29/09/1998	Nam	5.75	5.5	4.2	4.8	4.4		3.75	2.3	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2076	HTC002098	U C S N	07/12/1998	Nam	7	6	6.8	6.8				3.7	
2077	HTC002100	HOÀNG TRUNG S N	03/04/1998	Nam	4.5	4		3	5				
2078	HTC002101	LÊ ANH S N	24/02/1998	Nam	4	5.5	7.4	5				2.38	
2079	HTC002102	LÊ H NG S N	11/02/1998	Nam	4.25	6				6.5	7.5	3.63	
2080	HTC002103	LÊ THÁI S N	20/08/1998	Nam	3.5	6				7.75	6.75	1.95	
2081	HTC002104	L I XUÂN S N	17/04/1998	Nam	1.75	6					3.5	3.38	
2082	HTC002105	LÒ TH S N	03/06/1998	N	2.75	6		2.4			6.75		
2083	HTC002106	L NGH NG S N	24/10/1998	Nam	2	5	6	4.6				2	
2084	HTC002107	L NG THÀNH S N	10/04/1998	Nam	1.75	5					4	3.25	
2085	HTC002108	MAI TRUNG S N	18/07/1998	Nam	3.25	6.5				6.5	6.5	2.65	
2086	HTC002109	NGUY N B Á S N	10/01/1998	Nam	5.25	3	6.2	4.8				2.75	
2087	HTC002110	NGUY N B O S N	10/03/1998	Nam	5.75	5	4.8					3.1	
2088	HTC002111	NGUY NH I S N	11/07/1998	Nam	1.75	3	6.6	5.8				2.38	
2089	HTC002112	NGUY NH NG S N	03/09/1998	Nam	4.75	3.5	6.8	6.4					
2090	HTC002113	NGUY NH NG S N	13/03/1995	Nam		3				2.75	3.5		
2091	HTC002114	NGUY NH NG S N	13/12/1996	Nam		6.5				5.25	5.5		
2092	HTC002115	NGUY NH NG S N	14/05/1998	Nam	4.25	5.5	5	4.4	4				
2093	HTC002116	NGUY N MINH S N	08/05/1995	Nam		5				8	6.5		
2094	HTC002117	NGUY N NG C S N	23/09/1990	Nam		7				7	9		
2095	HTC002118	NGUY N PHÚC LONG S N	17/07/1998	Nam	4	3.5	4.8					4.38	
2096	HTC002119	NGUY N TU N S N	12/07/1993	Nam	7.5		7.8	7.4					
2097	HTC002120	NGUY N TÙNG S N	21/05/1994	Nam		0.5					2		
2098	HTC002121	PH M H NG S N	07/02/1998	Nam	2.5	5.5	6.8	5.4				2.63	
2099	HTC002122	PH M NG C S N	14/03/1998	Nam	7.5	5.5	7.2	5.8				5.13	
2100	HTC002123	PH M QUANG S N	17/12/1997	Nam	2.5			5.2	6.2				
2101	HTC002124	PH M V N S N	11/08/1998	Nam	5	5.5				7	5.25	2.08	
2102	HTC002125	TR NH NG S N	09/02/1997	Nam	7		7.6	7					
2103	HTC002126	TR N TH S N	10/12/1998	Nam	3.5	5.5	6.8	6				2.63	
2104	HTC002127	TR NH CÔNG S N	23/05/1996	Nam		8				6.5	7.75		
2105	HTC002128	VI MINH S N	08/10/1997	Nam	5		7.2	6.4					
2106	HTC002129	V NG C S N	11/04/1996	Nam	6.25		8.2	6.4					
2107	HTC002130	V NG C S N	11/09/1998	Nam	2.5	5.5	4.6				4	2.38	
2108	HTC002131	HÀNG TH SỬ	07/07/1996	N	2.5	3		4.6	4.4				

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2109	HTC002132	THẢO A S	02/06/1991	Nam		1				1.25	1.25		
2110	HTC002133	HOÀNG TI N S	21/11/1998	Nam	5.25	4.5	6.4	5.6				1.75	
2111	HTC002134	L NG TI N S	12/01/1995	Nam		6				6.25	7.5		
2112	HTC002135	NÔNG V N S	27/03/1998	Nam	3.5	5.5	5.2	4.6					
2113	HTC002136	TR N L I S	17/12/1997	Nam	0.25	5					4.5	2.13	
2114	HTC002137	TR N NG C S	04/02/1998	Nam	3.5	5	6	3.4				2.75	
2115	HTC002138	LÔNG C TÁ	30/03/1998	Nam	5.25	6	7.2	5					
2116	HTC002139	NGÕ C TÀI	13/08/1995	Nam		5				8	5.75		
2117	HTC002140	NGUY N V N TÀI	01/09/1998	Nam	4.5	6		5	4.2	7.75	8.25	2.43	
2118	HTC002141	TR N HUY TÀI	19/08/1998	Nam	6.5	4.5		6.2	6.8				
2119	HTC002142	V MINH TÀI	17/09/1995	Nam		5.5				6.5	8.25		
2120	HTC002143	NGUY N TR NG T O	11/10/1998	Nam	5.75	5	5.2	4			5	2.75	
2121	HTC002145	THANH TÂM	06/09/1996	N		5.5				7.5	6.75	2.43	
2122	HTC002146	ẢO THI N TÂM	18/09/1995	Nam		4				2	2.5		
2123	HTC002147	LÊ TÂM	02/07/1998	Nam	2.5	6					6	3.38	
2124	HTC002148	NGUY N TH THANH TÂM	26/05/1998	N	5.25	8	5.6					5.35	
2125	HTC002149	V MINH TÂM	26/09/1998	N	6.5	5	6.6	6.2	4.4			2.4	
2126	HTC002150	NGUY N KIM TÂN	03/09/1998	Nam	3.75	4	7.2	4.6				2.63	
2127	HTC002151	PH M THANH TÂN	01/06/1993	Nam		2.5				1.5	2.5		
2128	HTC002152	NGUY N NG C TH CH	14/01/1998	Nam	1.75	5	5	3.6			4	2.75	
2129	HTC002154	NG V N THÁI	28/06/1998	Nam	3.5	5.5	7.4	7.4	4.6			2.38	
2130	HTC002155	HOÀNG V N THÁI	20/03/1998	Nam	2.75	5		4.6	5.2			1.85	
2131	HTC002156	NGÕ V N THÁI	01/09/1995	Nam		5.5				4.75	6		
2132	HTC002157	NGUY N H NG THÁI	30/04/1998	Nam	4.75	4.5					5.75	3.93	
2133	HTC002158	NGUY N V N THÁI	01/04/1998	Nam	2.75	8				4	8.75	2.63	
2134	HTC002159	PH M V N THÁI	14/09/1995	Nam		6				6	7.75		
2135	HTC002160	TR N DUY THÁI	16/11/1998	Nam	5	6	4.6	5				2.75	
2136	HTC002161	V QUANG THÁI	28/10/1990	Nam		6				7	6		
2137	HTC002162	V V N THÁI	09/06/1994	Nam		6				4.5	5.5		
2138	HTC002163	NGUY N KH C TH N	16/07/1995	Nam		7				8.5	7		
2139	HTC002164	TH THANH	25/07/1998	N	4.75	6.5	5.6	5.4				2.75	
2140	HTC002165	ẢO DUY THANH	02/09/1997	Nam	6.5		8	7.2					
2141	HTC002166	INH HOÀI THANH	28/07/1996	Nam		3.5				3.25	4.25		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2142	HTC002167	NG H NG THANH	21/09/1998	N	1.5	4		4.6	3.6				
2143	HTC002168	H A V N THANH	10/08/1995	Nam		4				4.25	4.25		
2144	HTC002169	HOÀNG TH THANH	06/08/1998	N	2	5				7.5	6.5		
2145	HTC002170	HOÀNG TH THANH	28/08/1998	N	5	6		6	5.8			2.58	
2146	HTC002171	HOÀNG XUÂN THANH	19/10/1997	Nam		7				5.5	6.75		
2147	HTC002172	LÊ TH HUY N THANH	20/12/1998	N	6.25	6.5	5.2						4.83
2148	HTC002173	NGUY N HUY N THANH	14/04/1998	N	5.75	7					5		2.28
2149	HTC002174	NGUY N PH NG THANH	13/10/1998	N	4.5	4.5	5	6.4	4.4				2.25
2150	HTC002175	NGUY N TH THANH	16/05/1998	N	5.5	6.5	4						4.08
2151	HTC002176	NGUY N V VI T THANH	25/07/1998	N	3	7	5.4	3.6			6.25		3.05
2152	HTC002177	PH M TH THANH THANH	28/04/1998	N	7.25	6.5	8.4	6.4					2.13
2153	HTC002178	V ÌNH THANH	06/07/1998	Nam	3.25	4					4.25		2.55
2154	HTC002179	BÙI QUANG THÀNH	15/07/1991	Nam		2				1.75	5.25		
2155	HTC002180	CHU V N THÀNH	18/04/1994	Nam		6.5				5.75	7.75		
2156	HTC002181	ÀO C THÀNH	29/02/1992	Nam	5	6	6.6	6					2.13
2157	HTC002182	HOÀNG HUY THÀNH	19/05/1997	Nam	4.25		4.6	5					
2158	HTC002183	KH NG T T THÀNH	07/08/1998	Nam	6.5	3.5	8	5.6					2.5
2159	HTC002184	LÊ CÔNG THÀNH	01/09/1997	Nam	6.5		6.2	6.6	6.2				
2160	HTC002185	LÊ C THÀNH	14/08/1998	Nam	3	4.5		4.2					2.5
2161	HTC002186	LÊ T T THÀNH	17/11/1998	Nam	5.75	5	6.8	4.4	4.8				2.83
2162	HTC002187	L NG TRUNG THÀNH	19/01/1998	Nam	2.75	3.5				6	4	3	
2163	HTC002188	LÝ A THÀNH	27/06/1998	Nam	1.75	5.5				7	7.25		
2164	HTC002189	MÙA A THÀNH	24/07/1996	Nam		5.5				6	7.75		
2165	HTC002190	NGUY N ANH THÀNH	27/07/1998	Nam	5.5	8.5	6.4	5.6	6				3.25
2166	HTC002191	NGUY N CÔNG THÀNH	07/03/1998	Nam	7.25	7.5	6.8						6.58
2167	HTC002192	NGUY N C THÀNH	12/04/1998	Nam	8	4.5	8.8	8.4					2.98
2168	HTC002193	NGUY N MINH THÀNH	08/10/1998	Nam	1.75	5				7.75	7		
2169	HTC002194	NGUY N MINH THÀNH	09/07/1998	Nam	4	3.5	4.8	6					2.88
2170	HTC002195	NGUY N TH I THÀNH	11/05/1998	N	3.25	6					5.75		2.88
2171	HTC002197	NGUY N V N THÀNH	24/09/1993	Nam		5.5				5.25	5.25		
2172	HTC002198	PH M H U THÀNH	29/09/1998	Nam	3	4					4.5		2.73
2173	HTC002199	PH M TRUNG THÀNH	30/01/1997	Nam	3.5		3	4.8	3.6				
2174	HTC002200	PH M TU N THÀNH	26/05/1998	Nam	6	4.5	7.4	7					5.73

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2175	HTC002201	THÁI BÁ THÀNH	16/12/1993	Nam		7				7	8.75		
2176	HTC002202	T NG TI N THÀNH	28/07/1998	Nam	6.25	7	6.4					2.25	
2177	HTC002203	V C THÀNH	03/11/1998	Nam	3	7				7	6.5	3.63	
2178	HTC002204	H A THẢO	29/01/1994	Nam	2.5	4				7.75	8		
2179	HTC002205	THẢO A THẢO	12/03/1998	Nam	5.75	3.5		6.6	6				
2180	HTC002206	CAO PH NG TH O	02/06/1998	N	6.5	8	5.2					7.95	
2181	HTC002207	TH TH O	18/05/1997	N		7.5				2.75	4.75		
2182	HTC002208	ẢO TH PH NG TH O	23/12/1998	N	3.75	5.5	5.8	4.6	6.2			2.05	
2183	HTC002209	ẢO THU TH O	26/09/1998	N	5.75	6.5					4	2.35	
2184	HTC002210	INH MINH TH O	22/11/1998	Nam	4.25	4.5	5.2	4.6	4				
2185	HTC002211	INH PH NG TH O	22/04/1998	N	2	8				7	7.25	3.18	
2186	HTC002212	INH PH NG TH O	28/06/1998	N	1.5	4					3	2.88	
2187	HTC002213	INH TH TH O	18/04/1998	N	1.5	4		5.2	4		5	2.23	
2188	HTC002214	INH V N TH O	15/01/1993	Nam		5				1.75	3.25		
2189	HTC002215	NG NGUY N PH NG TH O	19/02/1998	N	5.5	8.5	6.6	4.6				3.28	
2190	HTC002216	HÀ BÍCH TH O	10/06/1998	N	3.75	4.5	2.2	2.6	3		3.75	2.48	
2191	HTC002217	HÀ LÊ TH O	27/02/1998	N	1.25	3.5				7.75	7	2.25	
2192	HTC002218	HÀ PH NG TH O	22/09/1998	N	6.25	8.5					6.5	5.98	
2193	HTC002219	HÀ TH H NG TH O	19/04/1997	N	1.25	7	3	3	2.6	8.25	7.5	2.63	
2194	HTC002220	HÀ TH TH O	02/10/1998	N	3.25	6					5	2.5	
2195	HTC002221	HÀ THU TH O	17/04/1997	N		7				8.25	7		
2196	HTC002222	HOÀNG PH NG TH O	07/05/1998	N	4.75	5	6.6	4.4					
2197	HTC002223	HOÀNG PH NG TH O	20/01/1998	N	8	7.5	3					5	
2198	HTC002224	HOÀNG TH TH O	12/02/1998	N	2	6				7	6.25		
2199	HTC002225	HOÀNG TH THU TH O	13/02/1998	N	7.25	4		7.2	6.8			2.5	
2200	HTC002226	HOÀNG TH THU TH O	17/08/1998	N	3.25	5	5	4.4	5.8			2.25	
2201	HTC002227	HOÀNG TH THU TH O	24/11/1998	N	2.25	6.5				5.5	6.25	2.25	
2202	HTC002228	HOÀNG TH THU TH O	28/02/1998	N	5	5.5		4.4	3.2			2.6	
2203	HTC002229	LA THU TH O	13/02/1998	N	6.5	6	7.2	7.2				3.25	
2204	HTC002230	L C TH PH NG TH O	05/05/1998	N	2	6				6.75	4.75	3.25	
2205	HTC002231	LÊ TH TH O	02/02/1998	N	5.75	6	5.2	6.6	4.2			2.13	
2206	HTC002232	LÊ TH THU TH O	05/05/1998	N	3.75	5.5					5.25	3.03	
2207	HTC002233	LÊ THU TH O	30/09/1998	N	2.5	6.5					4.75	2.25	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2208	HTC002234	LÔ TH TH O	08/02/1998	N	4.5	7				7.25	6	2.63	
2209	HTC002235	LÝ TH TH O	02/11/1998	N	2.5	7.5				4.25	7.75		
2210	HTC002236	LÝ THU TH O	07/08/1998	N	3.75	6.5				5.25	4.5	2.98	
2211	HTC002237	NGUY N KHOA TH CH TH O	19/08/1998	N	2.75	6.5					5	2.25	
2212	HTC002238	NGUY N PH NG TH O	01/02/1998	N	3	5	4					2.38	
2213	HTC002239	NGUY N PH NG TH O	01/09/1998	N	4.5	5	6					3	
2214	HTC002240	NGUY N PH NG TH O	02/05/1998	N	7	6.5	8.6	6.4				2.73	
2215	HTC002241	NGUY N PH NG TH O	14/01/1998	N	1.75	4.5					4.75	3	
2216	HTC002242	NGUY N PH NG TH O	22/12/1998	N	6.25	8	5					7.38	
2217	HTC002243	NGUY N PH NG TH O	28/07/1998	N	2	7				7.5	8	2.75	
2218	HTC002244	NGUY N PH NG TH O	29/09/1998	N	4.5	6.5					6	4.65	
2219	HTC002245	NGUY N TH PH NG TH O	27/08/1998	N	6	5	5.8	5				2.25	
2220	HTC002246	NGUY N TH TH CH TH O	20/07/1998	N	0	5					4	2.5	
2221	HTC002247	NGUY N TH TH O	19/07/1998	N	6.25	7.5	6.4					6.53	
2222	HTC002248	NGUY N THANH TH O	28/10/1998	N	7.5	5.5	8.2	8.2	5			3.23	
2223	HTC002249	NGUY N THU TH O	06/01/1998	N	4.75	7.5	3.8					3.43	
2224	HTC002250	NGUY N THU TH O	22/10/1997	N	4.5	8						3.65	
2225	HTC002251	NGUY N THU TH O	29/03/1998	N	4	6	6.6				4	3.58	
2226	HTC002252	PHAN TH HI N TH O	10/10/1998	N	3.5	3.5	6.6	5				3.43	
2227	HTC002253	PHAN TH THU TH O	09/12/1998	N	7.25	3	8	6.6				3	
2228	HTC002254	PH M NG C PH NG TH O	12/06/1995	N	5.25	8	4.4					6.48	
2229	HTC002255	PH M PH NG TH O	02/12/1998	N	4.5	8				8.75		3.13	
2230	HTC002256	PH M PH NG TH O	26/04/1998	N	4.75	6	5.8	4.6			6		
2231	HTC002257	PH M TH PH NG TH O	16/03/1998	N	7.25	9					6	7.45	
2232	HTC002258	PH M TH PH NG TH O	25/11/1998	N	3	3.5		2.2	4		4	1.63	
2233	HTC002259	PH M TH CH TH O	15/10/1998	N	6	6.5					4.5	5.43	
2234	HTC002260	PH M THU TH O	24/04/1998	N	2.75	5.5				6.25	5.5	3.1	
2235	HTC002261	TRI U PH NG TH O	26/10/1998	N	3.75	5					4	2.13	
2236	HTC002262	TRI U TH PH NG TH O	27/04/1998	N	1.75	6.5				7	6.75	2.75	
2237	HTC002263	TR N H NG TH O	07/03/1998	N	3.5	6	3.4					3.35	
2238	HTC002264	TR N NG C TH O	09/06/1998	Nam	6	3.5	6.2		3.6			3.35	
2239	HTC002265	TR N PH NG TH O	21/10/1998	N	8	5.5	7.6	6.2				3.5	
2240	HTC002266	TR N PH NG TH O	29/08/1998	N	4.5	4.5	5.8					3.13	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2241	HTC002267	TR N PH NG TH O	31/08/1998	N	4	5.5	4.8	2.4				1.88	
2242	HTC002268	TR N TH BÍCH TH O	29/03/1998	N	3.25	5					3.25	2.5	
2243	HTC002269	TR N TH CH TH O	09/07/1997	N	6.5			5.2	6.6				
2244	HTC002270	TR N THU TH O	01/11/1998	N	0.25	3.5	1.8	2.4			1	2.63	
2245	HTC002271	TR N THU TH O	26/09/1998	N	2.5	5	4.8					2.73	
2246	HTC002272	TR NH NG C TH O	03/10/1995	Nam		8.5				9	8.5		
2247	HTC002273	V PH NG TH O	03/03/1998	N	5	6.5					4	1.88	
2248	HTC002274	V PH NG TH O	05/08/1997	N	8.5		8.8	8	5.4				
2249	HTC002275	V TH PH NG TH O	03/03/1998	N	6.75	8.5	5.8					8.85	
2250	HTC002276	V TH PH NG TH O	03/10/1998	N	6.5	7.5					6.25	3.98	
2251	HTC002277	V TH PH NG TH O	25/01/1998	N	8.25	8	6.8					7.98	
2252	HTC002278	V TH TH O	11/02/1998	N	7	5	5	7.2	5.2			2.63	
2253	HTC002279	V THU TH O	13/05/1998	N	3.5	3	5					2.5	
2254	HTC002280	V THU TH O	30/06/1998	N	6	6.5	7.4					4.53	
2255	HTC002281	CAO PH NG TH M	01/06/1998	N	6	7.5		5	4.6				
2256	HTC002282	HOÀNG TH TH M	08/08/1996	N	2.25	8							
2257	HTC002283	NGUY NH NG TH M	27/12/1996	N	2		5.6	4.2					
2258	HTC002284	NGUY N TH TH M	31/12/1998	N	2.25	6	4.6	4.6		7.75	4.75		
2259	HTC002285	TR N TH H NG TH M	02/06/1998	N	2	7				8.5	7.5	3	
2260	HTC002286	BÙI C TH NG	28/08/1998	Nam	6.25	4.5	7.4	6.6	6.6			2.13	
2261	HTC002287	C TH NG	25/03/1998	Nam	8	3	8.4	6.6				2.25	
2262	HTC002288	HOÀNG ANH TH NG	13/07/1998	Nam	7.25	5.5	6.4					7.23	
2263	HTC002289	HOÀNG C TH NG	29/03/1998	Nam	4.25	6				4.75	6.5		
2264	HTC002290	HOÀNG HÀ TH NG	20/01/1998	Nam	3	4.5					6	2.5	
2265	HTC002291	LÊ NG C TH NG	24/05/1998	Nam	4	5			5.2			2.5	
2266	HTC002292	LÝ M NH TH NG	06/08/1997	Nam	1.25	3	2.8	2.8			2.75	2.5	
2267	HTC002293	MAI CHI N TH NG	14/03/1998	Nam	3.75	3.5	4.2					3.5	
2268	HTC002294	MAI V N TH NG	20/04/1994	Nam		6				7.5	6		
2269	HTC002295	NGUY N DANH TH NG	19/07/1998	Nam	6.5	6	3.2					4.85	
2270	HTC002296	NGUY N C TH NG	11/09/1998	Nam	5.25	5.5	5.2	4.6				2.75	
2271	HTC002297	NGUY NM NH TH NG	18/05/1998	Nam	7.75	4.5	8.2	7.6	7.6			3.15	
2272	HTC002298	NGUY N QUANG TH NG	29/09/1998	Nam	4	5					4.5	3.35	
2273	HTC002299	PH M QUY T TH NG	01/09/1998	Nam	8.25	6.5	8.8	7.4				4.65	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2274	HTC002300	PHÙNG C TH NG	22/02/1998	Nam	7	5	7.4	6.2				2.85	
2275	HTC002301	PHÙNG M NH TH NG	14/09/1998	Nam	4.75	4.5					7.25	3.88	
2276	HTC002302	TR N MINH TH NG	05/09/1995	Nam		6				5.25	6		
2277	HTC002303	TR N XUÂN TH NG	04/02/1998	Nam	6.25	3.5	7.4					7.38	
2278	HTC002304	V T T TH NG	04/12/1998	Nam	1.5	5				3.5	5.25		
2279	HTC002305	VÀNG L NG TH	19/08/1998	Nam	1.5	5				3.5	6.75		
2280	HTC002306	ÂM DUY TH	01/11/1996	Nam	4.25		6.6	7.6					
2281	HTC002307	HOÀNG V N THÊM	23/02/1994	Nam		4.5				4	5		
2282	HTC002308	LÝ TH THÊU	12/02/1998	N	2.25	6.5	3.6	4.2				3	
2283	HTC002309	NGUY N ÌNH THI	02/07/1997	Nam	6.5		7.8	6.6					
2284	HTC002310	NGUY N V N THI	18/02/1998	Nam	6.5	4.5	7.4	7	7.4			3.28	
2285	HTC002311	PH M V N THI	14/08/1998	Nam	5	5.5	5.6	3.6				2.05	
2286	HTC002312	M TRUNG THIÊN	02/09/1998	Nam	1.25	4				1.5	7.25	2.93	
2287	HTC002313	NGUY N M NH THIÊN	04/03/1998	Nam	8.5	4	8	7.2				2.75	
2288	HTC002314	NGUY N NAM THIÊN	05/03/1998	Nam	5.5	4	6	5.2				2.95	
2289	HTC002315	TR N CAO THIÊN	24/12/1998	Nam	7.5	5.5	7.2	5.6				1.88	
2290	HTC002316	CỦNG C THI N	11/09/1997	Nam	5.75	6						3.28	
2291	HTC002317	NGUY N M NH THI N	30/09/1998	Nam	2.75	3.5		4.4	5				
2292	HTC002318	NGUY N QUANG THI N	23/10/1998	Nam	2.5	3	3	2.8				3.88	
2293	HTC002319	PH M TR NG THI N	08/08/1997	Nam	3		4.2	3.6					
2294	HTC002320	HOÀNG ÌNH THI P	14/02/1998	Nam	8.5	4	7	9	8.8			2.55	
2295	HTC002321	NGUY N TH THI P	22/11/1998	N	3	5.5	4.6	4					
2296	HTC002322	C M TH THI T	12/06/1998	N	4	7				6.25	6.25		
2297	HTC002323	NGUY N V N THI T	20/04/1998	Nam	3.25	3		4.2	5.2		3.25	2.5	
2298	HTC002324	LÝ TH THIM	02/01/1998	N	7.25	5	6.2	5					
2299	HTC002325	HOÀNG C TH NH	20/10/1998	Nam	6.25	4	6.6	5.8	5.8			3.63	
2300	HTC002326	H U QU C TH NH	21/04/1997	Nam		6.5				3.25	6.25		
2301	HTC002327	NGUY N C TH NH	04/06/1998	Nam	3	7				5.5	5.5	2.8	
2302	HTC002328	NGUY N C TH NH	08/10/1993	Nam		8				5.5	7.75		
2303	HTC002329	V NG C TH NH	05/05/1998	Nam	3	7.5				9	6.75	2.5	
2304	HTC002330	SÙNG A TH	08/07/1998	Nam	3.25	6.5				7.25	8		
2305	HTC002331	H A TH KIM THOA	25/03/1998	N	7.25	6	6.8	6.4					
2306	HTC002332	NGUY N TH KIM THOA	30/12/1998	N	5.5	5.5					6.5	3.48	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2307	HTC002333	TR N TH KIM THOA	22/10/1997	N	4.25			3.8	4.8				
2308	HTC002334	V TH KIM THOA	19/09/1997	N	6.75		6	4.8	4.4				
2309	HTC002335	LỒ TH THỎA	01/01/1997	N		8.5				8.5	8.5		
2310	HTC002336	PH M NG C THÔNG	17/08/1998	Nam	6	5	7	5	3.8				
2311	HTC002337	HOÀNG VI T TH NG	10/12/1998	Nam	4.25	5	4.4	4.8					
2312	HTC002338	L NG TH TH	18/05/1998	N	3.5	5.5	4.6					3.75	
2313	HTC002339	NGUY N TH TH	03/11/1998	N	0.25	4				7	5		
2314	HTC002340	HÀ TH NG C TH M	26/08/1998	N	2.75	5.5		4	4.8				
2315	HTC002341	HOÀNG TH TH M	02/08/1998	N	3	6.5					4	2.63	
2316	HTC002342	HOÀNG TH TH M	16/02/1998	N	3.5	5.5		3.6	3.6			2.75	
2317	HTC002343	D NG TH HOÀI THU	28/11/1998	N	5.75	6					6.25	3.7	
2318	HTC002344	LÊ TH MINH THU	15/12/1998	N	6.75	5	7.6	6.8	6			3.63	
2319	HTC002345	NGUY N HÀ THU	25/09/1998	N	4	4.5					4.75	5.63	
2320	HTC002346	NGUY N TH HOÀI THU	02/07/1998	N	3.5	6.5	2.2	3.8	4	7.25	6.5	2.88	
2321	HTC002347	NGUY N TH THU	26/10/1998	N	3.75	5					5	3.5	
2322	HTC002348	NGUY N TH THU THU	13/04/1998	N	6.75	7.5	6.8					7.75	
2323	HTC002349	PH M TH MINH THU	04/09/1998	N	3	6.5				7.75	7.5	2.63	
2324	HTC002350	PH M TH THU	15/03/1997	N	5.25	5.5					6	2	
2325	HTC002351	TR N MINH THU	11/09/1998	N	9	8.5	6.8					9.05	
2326	HTC002352	TR N TH HOÀI THU	22/12/1998	N	4.25	6	3.6			7	3.75	2.58	
2327	HTC002353	HOÀNG V N TH A	29/06/1997	Nam		5				4.75	7		
2328	HTC002354	NGUY N V N THU N	09/05/1998	Nam	3.25	5.5				7.5	5	2.75	
2329	HTC002355	HÀ V N THU N	05/05/1998	Nam	2.25	4.5	4	5.2					
2330	HTC002356	LÊ TH THU N	25/02/1998	N	4.25	7				6.75	7	2.85	
2331	HTC002357	NGUY N C THU N	02/10/1994	Nam		5				7	6.25		
2332	HTC002358	NGUY N LÊ C THU N	01/08/1998	Nam	4.75	3					5.25	2.13	
2333	HTC002359	HOÀNG TH LINH THU	01/08/1998	N	4.5	6.5	3.8	5	4.4			3.1	
2334	HTC002360	L NG TH THU	02/12/1998	N	3.5	6	4.8	4.4				3.75	
2335	HTC002361	BÙI TH THANH THU	25/10/1998	N	4.75	6					5.75	2.28	
2336	HTC002362	NGUY N TH THU THU	17/05/1998	N	5	6.5				3	3.75	2.23	
2337	HTC002363	HOÀNG TH THUỶ	27/02/1998	N	5.5	5.5		6.2	6.4			4.35	
2338	HTC002364	DOÀN TH THU THỦY	15/08/1998	N	5.5	6.5				4.75	6.25		
2339	HTC002365	PH NG THỦY	24/10/1998	N	4	5.5		2.8	5.4			2.5	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2340	HTC002366	LÊ TH L THÙY	19/09/1998	N	1.75	6.5				7.25	7.5	2.73	
2341	HTC002367	L NG D NG THÙY	11/02/1998	N	6.5	6.5	6.6	7				1.88	
2342	HTC002368	NGUY N H NG THÙY	09/08/1998	N	6.25	6.5	6.2	6	6			3.6	
2343	HTC002369	NGUY N NG C THÙY	18/06/1998	N	1.75	6					5	2.88	
2344	HTC002370	NGUY N TH THANH THÙY	26/03/1998	N	2.25	7				7.5	7.5	2.88	
2345	HTC002371	NGUY N TH THÙY	22/10/1998	N	2.5	6				4	6.5	3.5	
2346	HTC002372	NGUY N TH THÙY	29/10/1997	N	1.5		5.2	3.4					
2347	HTC002373	PH M MINH THÙY	29/01/1998	N	7.5	6	8.2	5.8	5			2.5	
2348	HTC002374	NG THU TH Y	21/09/1998	N	3.25	5.5		4.2	4.2				
2349	HTC002375	HOÀNG TH TH Y	20/06/1998	N	2	6.5				3.5	6.75		
2350	HTC002376	KH NG V N TH Y	01/11/1998	Nam	2	7				6.75	9	2.23	
2351	HTC002377	NGUY N H NG TH Y	26/04/1998	N	1.5	6				1.5	5.5	2	
2352	HTC002378	NGUY N TH THU TH Y	19/07/1998	N	5.25	8.5	4.2				5	6.05	
2353	HTC002379	NGUY N TH THU TH Y	22/02/1998	N	2.25	6				4	7.75	2.38	
2354	HTC002380	NGUY N TH THU TH Y	26/02/1998	N	4.75	6.5	4.2	3.6				3	
2355	HTC002381	NGUY N TH TH Y	30/07/1998	N	4.5	4.5	2.8			4.5	3.75	2.88	
2356	HTC002382	NGUY N THU TH Y	12/12/1998	N	7	3.5		7.6	6.8			4.45	
2357	HTC002383	NGUY N THU TH Y	15/11/1998	N	5	5.5	2.2	2.6	4.2		3	4.08	
2358	HTC002384	PHAN TH THANH TH Y	27/10/1998	N	6	3		5.2	6.6			2	
2359	HTC002385	PH M TH BÍCH TH Y	12/04/1998	N	5	6.5		4.4	5.8				
2360	HTC002386	TRI U TH THU TH Y	25/06/1998	N	5.5	5	6.8	5.6	5.6			2	
2361	HTC002387	TR NG TH THU TH Y	02/02/1998	N	4.5	5.5	6.4	5				2.25	
2362	HTC002388	V TH TH Y	15/01/1998	N	3.5	4		4.2	4.2				
2363	HTC002389	HOÀNG BÍCH THÚY	10/07/1997	N	2.25	5				2.75	5.25		
2364	HTC002390	LÊ TH THÙY	16/10/1997	N	6.75		7.8	7.4	3.6				
2365	HTC002391	L U TH H NG THÚY	21/05/1998	N	5.5	7.5	4.8					4.35	
2366	HTC002392	NGUY N NG C THÚY	15/01/1998	N	2.75	6	4.2	7.2		5.75	3.25	2.5	
2367	HTC002393	NGUY N TH THÚY	21/09/1998	N	5.25	7.5	6					3	
2368	HTC002394	PH M PH NG THÚY	22/08/1998	N	6.25	5	8.4	6.4					
2369	HTC002395	PH M TH MINH THÚY	12/08/1998	N	6	6.5					3.75	6.1	
2370	HTC002396	TR N TH MINH THÚY	28/01/1998	N	6	5					6	3.23	
2371	HTC002397	NGUY N NG C TH Y	12/02/1998	Nam	8	5.5	8.2	9	9.4			6.23	
2372	HTC002398	INH TH THUYỀN	30/09/1998	N	6.25	5.5	7.4	5.2					

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2373	HTC002399	ÀO ANH TH	20/09/1998	N	6.5	5	5.6	6.4	6			2.68	
2374	HTC002400	HÀ TH TH	21/09/1998	N	2.75	7.5				4.75	5		
2375	HTC002401	HÀN MINH TH	23/10/1998	N	1.25	4.5				4.5	4.5	2.8	
2376	HTC002402	HOÀNG TRUNG TH	29/11/1996	Nam		5				1.5	5		
2377	HTC002403	MAI TH THANH TH	29/09/1997	N	5.25		5.6	4.2					
2378	HTC002404	NÔNG TH TH	06/03/1997	N		5				2.5	4		
2379	HTC002405	PH M TH HOÀI TH	08/11/1998	N	6.25	7.5	4.8				4.25	4.25	
2380	HTC002406	L NG C TH C	09/04/1995	Nam		4.5				1.5	3.75		
2381	HTC002407	CHU TH TH NG	09/04/1998	N	2.5	6.5				1.75	5.25	2.13	
2382	HTC002408	OÀN MINH TH NG	14/08/1998	N	1.75	5		3	5.6	6	5.5	2.25	
2383	HTC002409	HOÀNG ÌNH TH NG	25/04/1997	Nam	0.25	5				1.5	2.5	3	
2384	HTC002410	HOÀNG TH TH NG	20/04/1998	N	6.25	5	7.6	6.4					
2385	HTC002411	LÊ TH TH NG TH NG	05/08/1998	N	4	4.5	1.8	4.8				2.13	
2386	HTC002412	NGUY N AN TH NG	04/06/1998	N	3.25	7.5				7.5	8.5	2.68	
2387	HTC002413	NGUY N MAI TH NG	11/04/1998	N	2.25	8				8.5	8.25	2.6	
2388	HTC002414	NGUY N MINH TH NG	01/09/1998	N	3.5	4.5					4	3.85	
2389	HTC002416	PH M HI N TH NG	19/04/1998	N	6.75	5		5	5			2.5	
2390	HTC002417	THANG V N TH NG	17/01/1998	Nam	5.5	6.5	6	6.2				3.7	
2391	HTC002418	NGUY NH U TH NG	25/08/1996	Nam		7.5				7.5	8.5		
2392	HTC002419	OÀN V N TH NG	22/06/1998	Nam	3.5	6.5	6.6	6				2.23	
2393	HTC002420	TRI U MINH TIÊN	13/01/1998	N	2	5		3.6	6		7		
2394	HTC002421	MINH TI N	05/10/1998	Nam	3.25	4	5.6					2.5	
2395	HTC002422	HÀ TH KIM TI N	01/06/1998	N	1.5	6.5				6	6.75		
2396	HTC002423	HOÀNG ANH TI N	25/09/1995	Nam		2.5				3	4		
2397	HTC002424	HOÀNG MINH TI N	25/01/1997	Nam	4.5		5.8	6.6					
2398	HTC002425	HOÀNG TRUNG TI N	13/07/1998	Nam	4.75	5	6.6	4				2	
2399	HTC002426	LA MINH TI N	16/03/1995	Nam		4				4.75	6.5		
2400	HTC002427	LÊ NG C TI N	23/12/1992	Nam		6.5				6.25	8		
2401	HTC002428	NGUY N V N TI N	05/02/1994	Nam		3				2.5	3.5		
2402	HTC002429	NGUY N MINH TI N	19/04/1998	Nam	5.5	3	4.8	3.2				1.75	
2403	HTC002430	NGUY N NG C TI N	13/04/1998	Nam	5.75	3.5	6	5.4				2.13	
2404	HTC002431	NGUY N V N TI N	15/09/1997	Nam	1.25		4	3					
2405	HTC002432	NGUY N V N TI N	22/01/1994	Nam		6.5				3	6		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2406	HTC002433	NGUY N XUÂN TI N	26/12/1994	Nam		3				5	6.25		
2407	HTC002434	PH M DOẢN TI N	20/09/1994	Nam		6				1.5	7.75		
2408	HTC002435	PH M MINH TI N	12/11/1997	Nam	4.75		5.2	4					
2409	HTC002436	BÙI VI T TI P	21/12/1998	Nam	6	6	3.6	4	4.8			2.63	
2410	HTC002437	NG V N TI P	20/01/1998	Nam	5.25	5.5	6.8	4.8					
2411	HTC002438	TR N V N TI P	09/06/1993	Nam		7.5				6.5	7		
2412	HTC002439	NGUY N TH TÌNH	26/07/1997	N		7				6	6.25		
2413	HTC002440	VI TH CHUNG TÍNH	26/03/1998	N	4.75	8				9	7.5	2.63	
2414	HTC002441	NGUY N CÔNG TO I	23/06/1998	Nam	3.25	6.5				6	8.5	3.6	
2415	HTC002442	D NG NG C TOÀN	11/12/1997	Nam	4			4.2					
2416	HTC002443	NG V N TOÀN	14/07/1993	Nam		6.5				5	6.75		
2417	HTC002444	LÊ NG C TOÀN	14/07/1998	Nam	8.5	3	8	7.2				3.73	
2418	HTC002445	NGUY N DUY TOÀN	03/05/1998	Nam	6.75	6	7	5					
2419	HTC002446	NGUY N MINH TOÀN	10/09/1998	Nam	7	3.5	8	6.6				2.13	
2420	HTC002447	NGUY N NAM TOÀN	08/10/1997	Nam	3	6				5.75	6.25	1.73	
2421	HTC002448	PHAN QUANG TOÀN	30/12/1998	Nam	1.25	5				7.25	7	2.5	
2422	HTC002450	TR N NG C TOÀN	19/12/1997	Nam	1.5	2					3.25	2.13	
2423	HTC002451	V ÌNH TOÀN	10/01/1995	Nam		3.5				1.75	2.5		
2424	HTC002452	V NG NG C TOÀN	12/10/1997	Nam	7.75			6.4	7.6				
2425	HTC002453	NG V N TO N	01/08/1998	Nam	5.25	4	6.8	7.2				2.13	
2426	HTC002454	L NG V N TO N	17/11/1998	Nam	4	3.5		5.2	5.4			2.88	
2427	HTC002455	TR N QU C TO N	11/07/1998	Nam	1.75	4.5					3.5	2.88	
2428	HTC002456	HOÀNG TH TON	07/05/1996	N	1.75	5					4.75	2.25	
2429	HTC002457	TRI U TH TON	05/10/1998	N	6.5	6	6.6	6					
2430	HTC002458	LÙ A TÔNG	07/08/1998	Nam	3	5.5				6	6.75		
2431	HTC002459	TR N DUY TON	21/12/1998	Nam	5.25	5.5	6.4	4				2.25	
2432	HTC002460	TR N TH THU TRÁ	28/08/1998	N	6	8	6.4					4.1	
2433	HTC002461	V NG TH VI T TRÁ	06/10/1998	N	5.25	6	5.2	5					
2434	HTC002462	BÙI NGUY N HÀ TRANG	01/11/1998	N	6.5	8.5					5.75	7.55	
2435	HTC002463	BÙI TH TRANG	01/11/1998	N	3.5	5					5	2.73	
2436	HTC002464	BÙI THU TRANG	13/07/1998	N	3.75	6					4.25	2.73	
2437	HTC002465	HÀ TRANG	26/07/1998	N	1.75	3.5					2.75	1.25	
2438	HTC002466	TH LINH TRANG	02/06/1998	N	2.25	6				4.5	4.75	2.88	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2439	HTC002467	TH THU TRANG	10/12/1998	N	5.75	4	6	3.4				2.38	
2440	HTC002468	ÀO QU NH TRANG	29/08/1997	N	2	2					2	2	
2441	HTC002469	ÀO TH MINH TRANG	04/11/1998	N	5.5	7	5	5.2	4.4			4.85	
2442	HTC002470	ÀO TH TRANG	21/08/1998	N	2.75	7.5		3.2	4.8	6	6.75	2.6	
2443	HTC002471	NG D NG TH HUY N TRANG	20/09/1998	N	3.5	4					2.5	3.5	
2444	HTC002472	NG TH HUY N TRANG	23/06/1998	N	3.5	5	4.2	4.8	3.2			3.03	
2445	HTC002473	HÀ HUY N TRANG	30/09/1998	N	2.5	6.5		1.6	4.6			2.38	
2446	HTC002474	HÀ TH HUY N TRANG	01/12/1998	N	4.75	7		2.6	6.6			2.53	
2447	HTC002475	HÀ TH LINH TRANG	07/12/1998	N	2.5	5.5				5.5	6.25		
2448	HTC002476	HÀ TH TRANG	09/02/1995	N		6.5				7	6.5		
2449	HTC002477	HÀ THU TRANG	08/09/1998	N	4.75	6		5.8	5				
2450	HTC002478	HÀ THÙY TRANG	01/02/1998	N	4	8.5				8.5	8	4.95	
2451	HTC002479	HOÀNG LINH TRANG	09/06/1997	N	3	7				5	6.5	3.25	
2452	HTC002480	HOÀNG MAI TRANG	22/03/1998	N	6.5	3.5	7	6.8				2.6	
2453	HTC002481	HOÀNG MINH TRANG	03/07/1998	N	3.75	4	5.2	3.8	2.8			1.88	
2454	HTC002482	HOÀNG TH HÀ TRANG	14/08/1997	N		7				4	5.5		
2455	HTC002483	HOÀNG TH HUY N TRANG	19/06/1998	N	5	6	5.6	5.2				2.5	
2456	HTC002484	KI U TH HUY N TRANG	08/06/1998	N	6.75	6.5	7.8					7.4	
2457	HTC002485	L C TH TRANG	10/03/1997	N		1.25				1.25	3		
2458	HTC002486	LÊ HUY N TRANG	15/07/1998	N	6	7.5	3.4					3.38	
2459	HTC002487	LÊ TH KI U TRANG	01/06/1998	N	6	8	4.4					2.98	
2460	HTC002488	LÊ TH THU TRANG	25/09/1998	N	4.5	6	3					2.1	
2461	HTC002489	LÊ THU TRANG	14/05/1998	N	5	7.5			4.8			2.78	
2462	HTC002490	L NG TH TRANG	09/02/1998	N	2.25	5.5		2.8	4.8				
2463	HTC002491	L NG QU NH TRANG	15/09/1998	N	6.5	5.5					6.25	6	
2464	HTC002492	LÝ HUY N TRANG	03/01/1998	N	4.25	8				8.5	8.5		
2465	HTC002493	M TH TRANG	05/07/1997	N		6.5				4.75	7		
2466	HTC002494	NGÕ TH THU TRANG	28/06/1998	N	4.75	6					5.75	3.43	
2467	HTC002495	NGUY N LÊ HUY N TRANG	11/05/1998	N	6.25	7	4.4					6.68	
2468	HTC002496	NGUY N TH HUY N TRANG	03/06/1998	N	4	6					6	1.98	
2469	HTC002497	NGUY N TH HUY N TRANG	05/10/1998	N	4.25	5	5	3.6				1.88	
2470	HTC002498	NGUY N TH HUY N TRANG	08/05/1998	N	2	7	2.6	5				2	
2471	HTC002499	NGUY N TH HUY N TRANG	13/10/1998	N	1.25	3					5	3.13	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2472	HTC002500	NGUY N TH HUY N TRANG	15/08/1998	N	5.5	7.5	5					4.23	
2473	HTC002501	NGUY N TH HUY N TRANG	25/06/1998	N	7	3		6.8	7.2			3.75	
2474	HTC002502	NGUY N TH HUY N TRANG	25/07/1998	N	6.25	6.5	6.6	5.6				2.78	
2475	HTC002503	NGUY N TH LINH TRANG	06/01/1998	N	5.5	6.5	3.4	4	5			2.28	
2476	HTC002504	NGUY N TH LINH TRANG	26/09/1998	N	1.25	5	5.8		5.2			3	
2477	HTC002505	NGUY N TH NAM TRANG	12/09/1998	N	5.25	4	6.6	6.4				3	
2478	HTC002506	NGUY N TH QU NH TRANG	16/12/1998	N	1.25	6				1.75	4.5	1.75	
2479	HTC002507	NGUY N TH THU TRANG	25/07/1998	N	7	8.5	6.8					8.8	
2480	HTC002508	NGUY N TH TRANG	16/09/1998	N	4.25	7.5				4.5	6		
2481	HTC002509	NGUY N THU TRANG	01/09/1998	N	7.25	6.5		7.2	7.8			5.35	
2482	HTC002510	NGUY N THU TRANG	11/09/1998	N	3	5	4.6	4.6				2.38	
2483	HTC002511	NGUY N THU TRANG	12/03/1998	N	6.75	6.5	7	7				3.4	
2484	HTC002512	NGUY N THỦY TRANG	10/08/1998	N	2	5.5			5.6			3.13	
2485	HTC002513	NGUY N THỦY TRANG	25/11/1997	N	6			7.2	8.6				
2486	HTC002514	PH M HUY N TRANG	17/12/1997	N	2.25		2.8	3.8	3.6			2	
2487	HTC002515	PH M NG C HUY N TRANG	20/05/1998	N	5.5	7.5				9.5	7.75	4.65	
2488	HTC002516	PH M TH KI U TRANG	03/02/1998	N	2.25	6.5	4.2					2.13	
2489	HTC002517	PH M TH THỦY TRANG	05/10/1998	N	3.5	6.5				4.25	6.75	1.63	
2490	HTC002518	PH M TH TRANG	16/02/1998	N	5.5	7	5.8	4.8				2.63	
2491	HTC002519	PH M TH TRANG	19/11/1998	N	3.5	7.5					4.75	5.38	
2492	HTC002520	PH M TH TRANG	24/05/1997	N	4		3.2	4.4	5.4				
2493	HTC002521	PH M THU TRANG	17/07/1998	N	6	7			5			4.58	
2494	HTC002522	T THU TRANG	06/02/1998	N	5.5	7	2.8					5.53	
2495	HTC002523	TÔ TH HUY N TRANG	15/07/1998	N	3	4					3.75	2.88	
2496	HTC002524	TÔ THU TRANG	03/04/1997	N	5.75		4.8	5					
2497	HTC002525	TRI U THU TRANG	28/11/1998	N	5	7					5.25	1.88	
2498	HTC002526	TR N PH NG TRANG	26/10/1998	N	6.75	6.5	4.6	4.6	6.6			2.95	
2499	HTC002527	TR N TH HUY N TRANG	07/09/1998	N	1.5	2.5					3.5	5.5	
2500	HTC002528	TR N TH HUY N TRANG	09/09/1997	N		5				3.25	8		
2501	HTC002529	TR N TH HUY N TRANG	21/01/1998	N	5	5.5	6.4	5					
2502	HTC002530	TR N TH THU TRANG	13/03/1998	N	7	6.5	7.2	7.4				2.63	
2503	HTC002531	TR N THU TRANG	17/11/1998	N	2	3			4.2			2.5	
2504	HTC002532	TR N THỦY TRANG	08/12/1998	N	9	7.5	7.4	7.4				3.35	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2505	HTC002533	TR NG TH THU TRANG	13/08/1998	N	8	7	8.6	7.2				5.63	
2506	HTC002534	TR NG TH THU TRANG	24/09/1998	N	3.5	7.5				7	7.75	2.88	
2507	HTC002535	VI TH TRANG	18/08/1998	N	2	7.5				3.75	6.25		
2508	HTC002536	V HUY N TRANG	18/01/1998	N	5.25	5		4.6	5.6			3.5	
2509	HTC002537	V TH AI TRANG	11/07/1998	N	1.75	6.5				4.5	7		
2510	HTC002538	V THU TRANG	12/10/1998	N	8.5	6	7.2	6.8				6.38	
2511	HTC002539	V NG THU TRANG	10/07/1997	N	3.75		4	3.4	4.8				
2512	HTC002540	HOANG QU C TR N	01/08/1998	Nam	3.75	6.5	6.2	6.4				2.25	
2513	HTC002541	HOANG MINH TRÍ	03/05/1998	Nam	5.5	6		6.2	5.8				
2514	HTC002542	PH M MINH TRÍ	04/04/1997	Nam	4.75	7	6					4.5	
2515	HTC002543	HOANG XUAN TRI U	07/02/1997	Nam	6.25		7.6	4.8					
2516	HTC002544	HÀ V N TRI U	27/12/1992	Nam		4.5				1.5	2.75		
2517	HTC002545	NGUY N TI N TRI U	16/12/1997	Nam	1.25	2					5	2.5	
2518	HTC002546	NG KI U TRINH	07/05/1998	N	2.75	5	4.2					4.33	
2519	HTC002547	L NG KI U TRINH	17/11/1997	N		7				3.5	8		
2520	HTC002548	NGUY N NG C B O TRINH	20/07/1998	N	3	6	2.8	5.4	3.2		3.25	2.25	
2521	HTC002549	NGUY N TH KI U TRINH	13/11/1997	N	6.5			6.4	7.8				
2522	HTC002550	NGUY N TH NG C TRINH	14/02/1998	N	3	5	7.2	5.6				3.13	
2523	HTC002551	NG Y VI T TRINH	29/09/1998	N	3.25	6.5				8.25	7.25	1.38	
2524	HTC002552	PH M TH C TRINH	28/04/1998	N	5.75	6.5	5.4					2.98	
2525	HTC002553	OÀN KIM TR NG	23/01/1998	Nam	7.75	6.5	5					4.18	
2526	HTC002554	L C C TR NG	16/07/1998	Nam	3.75	6				3.75	8	2.2	
2527	HTC002555	NGUY N PHÚ TR NG	03/09/1998	Nam	6.25	3	6	6.2				2.75	
2528	HTC002556	TR N TH KIM TR NG	13/07/1998	N	4.75	5.5		4.2	4			2.5	
2529	HTC002557	TRANG A TR NG	05/10/1997	Nam	4.25	4.5	7.6	4.6					
2530	HTC002558	NGUY N TH THÙY TRUẦN	07/12/1998	N	3	7.5		3.8	4			2.13	
2531	HTC002559	INH C TRUNG	23/09/1995	Nam		2.5				1.75	4.5		
2532	HTC002560	HOANG QU C TRUNG	10/12/1997	Nam	5.75		5.6	4.4					
2533	HTC002561	LÊ C TRUNG	02/11/1998	Nam	3.75	5.5	3	5.6				1.75	
2534	HTC002562	L U QU C TRUNG	24/12/1997	Nam	1.5	1.5					2.75	2.43	
2535	HTC002563	NGUY N C TRUNG	01/01/1998	Nam	6.75	7	4.6					8.85	
2536	HTC002564	NGUY N ÌNH TRUNG	12/08/1998	Nam	3	6				4	6	3.5	
2537	HTC002565	NGUY N QUANG TRUNG	16/02/1998	Nam	5.75	5.5	3.4	6	6.6			2.5	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2538	HTC002566	NGUY N TH TRUNG	05/09/1998	Nam	4.25	4	5.8	6				3.13	
2539	HTC002568	NGUY N THÀNH TRUNG	30/06/1996	Nam	6		7.8	6.2					
2540	HTC002569	TR N ANH TRUNG	09/04/1998	Nam	4.75	2.5	6.8	5.8				2.75	
2541	HTC002570	TR N M NH TRUNG	15/11/1996	Nam	1.25	0.5					4.5	4.25	
2542	HTC002571	SÙNG A TR	16/05/1997	Nam	4.75	5.5	5.4	4.6					
2543	HTC002572	KI U V N TR NG	15/10/1998	Nam	3.25	5.5				3.5	5	2.63	
2544	HTC002573	BÙI MINH TR NG	21/11/1998	Nam	2.25	7				6	7.25	1.88	
2545	HTC002574	BÙI NAM TR NG	22/05/1998	Nam	6.25	6	7.6	6.4	4.4			1.75	
2546	HTC002575	L NG CÔNG TR NG	01/07/1997	Nam	3	3.5						2.38	
2547	HTC002576	L NG XUÂN TR NG	25/01/1998	Nam	2.25	7				5.75	6.25	2.5	
2548	HTC002577	NGÕ V N TR NG	14/06/1998	Nam	7.25	5	7.2	8.2	3.4			2	
2549	HTC002578	NGUY N C TR NG	15/09/1998	Nam	5.25	3.5	6.6					3.23	
2550	HTC002579	NGUY N XUÂN TR NG	08/12/1998	Nam	5	3.5	6.8	5.6				2.13	
2551	HTC002580	NGUY N XUÂN TR NG	12/04/1998	Nam	7	3	9.2	6.8				3.1	
2552	HTC002581	NGUY N XUÂN TR NG	16/05/1998	Nam	0.75	2.5					5	2.38	
2553	HTC002582	PHAN XUÂN TR NG	01/06/1998	Nam	6.25	5.5	7.6	6.2				2.75	
2554	HTC002583	PH M V N TR NG	26/05/1997	Nam		5				4.75	7		
2555	HTC002584	V M NH TR NG	24/04/1996	Nam		6.5				6.75	7.5		
2556	HTC002585	H A TU	03/06/1998	Nam	1.75	2.5	4.2	4.4				2.5	
2557	HTC002586	BÙI ANH TỬ	24/06/1994	Nam		2.5				1.5	0.75		
2558	HTC002587	ANH TỬ	07/11/1998	Nam	6	6	8.2	7				2.88	
2559	HTC002588	ANH TỬ	08/12/1996	Nam		7				9	7.75		
2560	HTC002589	INH QUANG TỬ	10/09/1998	Nam	4.5	5.5				4	5.5	2.1	
2561	HTC002590	HOÀNG C M TỬ	20/08/1998	N	8	6.5	5.2					6.68	
2562	HTC002591	LÊ C M TỬ	16/05/1998	N	6.25	7.5			8			6	
2563	HTC002592	L NG NG C TỬ	06/08/1995	Nam		4				4.75	6.5		
2564	HTC002593	L U ANH TỬ	25/08/1998	Nam	5.25	5	4.4					3.25	
2565	HTC002594	LÝ HOÀNG ANH TỬ	23/11/1998	N	4.75	8				9.5	9	3.55	
2566	HTC002595	NGUY N ANH TỬ	02/07/1998	Nam	7	5	7.8	7	4.8			4.13	
2567	HTC002596	NGUY N MINH TỬ	15/12/1998	Nam	7.25	5	8	7.6				2.25	
2568	HTC002597	NGUY N M NH TỬ	25/12/1994	Nam		4.5				2.75	6.5		
2569	HTC002598	NGUY N TR NG TỬ	20/08/1998	Nam	3	5.5	3.6	3.4			4	2.63	
2570	HTC002599	PH M NG C TỬ	14/08/1998	Nam	2.75	1					4.5	3.38	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2571	HTC002600	TR N ANH TÚ	12/07/1998	Nam	8.25	4.5	7.2					6.88	
2572	HTC002601	TR N M NH TÚ	08/03/1998	Nam	3.75	3.5					5.25	4.88	
2573	HTC002602	TR NH TH C M TÚ	01/10/1998	N	3.75	6					5.5	3.25	
2574	HTC002603	TR NG TU N TÚ	10/03/1998	Nam	3.75	3					4.75	4.38	
2575	HTC002604	V ANH TÚ	21/10/1998	Nam	2	6.5				7	7.75	2.75	
2576	HTC002605	GIANG A T A	07/03/1991	Nam		4.5				1.75	4.25		
2577	HTC002606	TH TUÂN	30/11/1998	Nam	5.75	6	4.8	3.2	5.4	3.75	5.5	2.5	
2578	HTC002607	NGUY N HOÀNG TUÂN	11/06/1998	Nam	3.25	5				6.25	8	1.38	
2579	HTC002608	NGUY N TR NG TUÂN	17/01/1998	Nam	4	5.5		5.8	6.4			2.88	
2580	HTC002609	NÔNG V N TUÂN	28/12/1995	Nam		4.5				5.5	4.25		
2581	HTC002610	PH M V N TUÂN	07/08/1998	Nam	6.75	3.5	6.8	5.6					
2582	HTC002611	PH M V N TUÂN	29/01/1998	Nam	6.75	6	5.6	6	4.4			2.13	
2583	HTC002612	V M NH TUÂN	01/08/1996	Nam	6.75		6.2	8	6.8				
2584	HTC002613	BÙI NG C TU N	16/05/1998	Nam	3.5	7				6.5	7.5	2.63	
2585	HTC002614	CAO C TU N	10/07/1997	Nam		6.5				7.75	5		
2586	HTC002615	ANH TU N	07/09/1998	Nam	4.5	6.5	5.6	4.4				1.88	
2587	HTC002616	DANH TU N	10/08/1996	Nam		5.5				8	7.5		
2588	HTC002617	QU C TU N	29/07/1991	Nam	7.25		7.6	5.8					
2589	HTC002618	XUÂN TU N	16/10/1995	Nam		5				7	8.25		
2590	HTC002619	NG Y TU N	05/03/1997	Nam		6.5				6.75	7.5		
2591	HTC002620	OÀN MINH TU N	15/09/1997	Nam	4	6				6.75	6	2.13	
2592	HTC002621	OÀN V N TU N	24/08/1996	Nam		5.5				5.25	6.5		
2593	HTC002622	HÀ ANH TU N	06/10/1998	Nam	2.25	6.5				6.25	6.75		
2594	HTC002623	H A ANH TU N	16/03/1998	Nam	1.75	4.5		4.4	3.8			3	
2595	HTC002624	HOÀNG MINH TU N	02/01/1997	Nam		6				7	6.75		
2596	HTC002625	LÊ ANH TU N	29/08/1998	Nam	2.25	4	4.6	2.4				2.75	
2597	HTC002626	LÊ MINH TU N	06/01/1998	Nam	5.5	3.5	4.4	5.6				2	
2598	HTC002627	LÊ MINH TU N	27/09/1994	Nam		5				4	3.25		
2599	HTC002628	LÔ V N TU N	15/11/1998	Nam	4	4.5	5.8	6.4					
2600	HTC002629	L NG NG C TU N	01/09/1998	Nam	2.25	7				6.75	8	2.8	
2601	HTC002630	LÝ CÔNG TU N	22/05/1997	Nam		4				2	4.25		
2602	HTC002631	MAI NG C TU N	04/10/1998	Nam	1.25	3				4.5	5.5	2.3	
2603	HTC002632	NGUY N ANH TU N	05/10/1987	Nam		2				4.5	2		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2604	HTC002633	NGUY N ANH TU N	09/06/1998	Nam	5	6.5	5.2	5.2				2.88	
2605	HTC002634	NGUY N ANH TU N	24/06/1997	Nam	2	2.5					3.5	3.75	
2606	HTC002635	NGUY N DUY TU N	18/03/1998	Nam	3.25	6		6.2				2.65	
2607	HTC002636	NGUY N ÌNH TU N	02/02/1997	Nam	3.75		5.6	5					
2608	HTC002637	NGUY N MINH TU N	12/05/1994	Nam		3.5				7.5	5.75		
2609	HTC002638	NGUY N NG C TU N	12/06/1995	Nam		5.5				6.5	6		
2610	HTC002639	NGUY N NH TU N	17/11/1998	Nam	6.5	6	7	7				2.75	
2611	HTC002640	NGUY N V N TU N	01/06/1995	Nam		5				4.5	6.25		
2612	HTC002641	NGUY N V N TU N	13/05/1998	Nam	5.75	4.5	6.6	5	4.4			2.63	
2613	HTC002642	PH M CÔNG TU N	19/08/1998	Nam	3.5	4.5					4.5	1.75	
2614	HTC002643	PH M MINH TU N	08/12/1998	Nam	4.25	4.5	5.4	5.8	5.2			2.5	
2615	HTC002644	T ANH TU N	08/11/1998	Nam	1.5	4				6.75	7	2	
2616	HTC002645	THI U C TU N	20/01/1998	Nam	5.5	4	6.6	6				3	
2617	HTC002646	TR N C MINH TU N	07/05/1998	Nam	2.5	6				8	8.5	1.75	
2618	HTC002647	TR N C TU N	22/11/1997	Nam	1.75	3	4	5				3.23	
2619	HTC002648	TR N MINH TU N	09/04/1998	Nam	4.25	6	5.4	6	3.8			3.25	
2620	HTC002649	TR NG CÔNG TU N	10/05/1994	Nam		3.5				6.5	4.75		
2621	HTC002650	V MINH TU N	27/05/1998	Nam	2	7.5				9.5	6.5	2.63	
2622	HTC002651	V V N TU N	09/09/1992	Nam		3.5				4.75	3.5		
2623	HTC002652	V XUÂN TU N	12/03/1994	Nam		4				7	8.25		
2624	HTC002653	HOÀNG MINH TU	28/06/1997	Nam		6				5.25	6.75		
2625	HTC002654	NGUY N TH MINH TU	13/02/1998	N	6.25	7		3.4	3.4			3.5	
2626	HTC002655	CAO S N TÙNG	14/09/1998	Nam	5.25	3.5	6.4	6.2	3.2			2.5	
2627	HTC002656	D NG VI T TÙNG	21/07/1998	Nam	2.25	6.5				6.75	5	2.13	
2628	HTC002657	C TÙNG	18/08/1990	Nam		5.5				5.75	7.5		
2629	HTC002658	KHÁNH TÙNG	08/07/1997	Nam	3.25		5.6	6.4					
2630	HTC002660	KHU T ÌNH TÙNG	23/10/1992	Nam		6.5				7.5	8.75		
2631	HTC002661	LÊ QUANG TÙNG	09/05/1994	Nam		5				6	7.5		
2632	HTC002662	LÊ THANH TÙNG	02/09/1998	Nam	8	6.5	7.2	6.6				4.23	
2633	HTC002663	LÊ THANH TÙNG	14/09/1998	Nam	5.75	4.5	5.6	5.2					
2634	HTC002664	LÊ THANH TÙNG	19/04/1998	Nam	9.25	6	9	8.4				6.23	
2635	HTC002665	LÊ V N TÙNG	01/11/1998	Nam	5.25	5.5	5.6	6.4				2	
2636	HTC002666	L NG XUÂN TÙNG	19/04/1998	Nam	2.5	6.5				9	7.25	2.88	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2637	HTC002667	NGÕ THANH TÙNG	20/11/1997	Nam	4	3.5					3.25	3.5	
2638	HTC002668	NGÕ THANH TÙNG	24/06/1994	Nam		3				4.75	5.5		
2639	HTC002669	NGUY N DUY TÙNG	06/11/1998	Nam	2.5	7				7.25	3.75	2.63	
2640	HTC002670	NGUY N C QUANG TÙNG	17/08/1998	Nam	1.75	2.5			2.8		3.5		
2641	HTC002671	NGUY N M NH TÙNG	23/06/1998	Nam	7.5	5.5	5.4	6				3.1	
2642	HTC002672	NGUY N THANH TÙNG	11/06/1992	Nam		6.5				6.75	4.75		
2643	HTC002674	NGUY N THANH TÙNG	24/11/1994	Nam	6.25		6.8	6					
2644	HTC002675	NGUY N THANH TÙNG	26/12/1994	Nam		6				7.5	7		
2645	HTC002676	NGUY N THANH TÙNG	28/12/1998	Nam	6.75	3	7.6	5.2				2.7	
2646	HTC002677	NGUY N V N TÙNG	25/08/1998	Nam	3	7				7	6.25	2.05	
2647	HTC002678	PH M C TÙNG	24/04/1998	Nam	3.25	6.5					3.5	2.5	
2648	HTC002679	TR N DUY TÙNG	14/06/1998	Nam	6.5	4	6.6	6				1.88	
2649	HTC002680	TR N DUY TÙNG	23/05/1998	Nam	2.5	5					4	3	
2650	HTC002681	TR N MINH TÙNG	01/08/1998	Nam	5.75	2	4.4	6				2.5	
2651	HTC002682	TR N TI N TÙNG	28/06/1992	Nam		6				5.75	7.25		
2652	HTC002683	V N THANH TÙNG	17/01/1998	Nam	1.25	5	4	3.4			4.25	2	
2653	HTC002684	V S N TÙNG	09/07/1998	Nam	8.25	4.5	7.4	7	6.6			1.68	
2654	HTC002685	BÙI NG C TUYỀN	20/01/1998	Nam	6.5	5	5.2	5.2				3.13	
2655	HTC002686	L NG V N TUYỀN	07/04/1998	Nam	3.25	7				6	6.25		
2656	HTC002687	NGUY N KH C TUYỀN	08/12/1998	Nam	5.75	6	6.8	6.4				2.25	
2657	HTC002688	M NH TUY N	30/07/1998	Nam	4.5	5	4	5.8				2.63	
2658	HTC002689	NGUY N TH THANH TUY N	22/11/1998	N	6.25	6.5	5.4	6.8	7.4			1.88	
2659	HTC002690	V CÔNG TUY N	02/04/1995	Nam		4				1.25	3.25		
2660	HTC002691	NGUY N C TUY N	06/04/1998	Nam	4	8				7	4.75	2.75	
2661	HTC002692	NGUY N TH KIM TUY N	23/12/1996	N	4.75			6	6.4				
2662	HTC002693	CHU ÁNH TUY T	21/04/1998	N	1.5	2.5		3.4	3.6			2.38	
2663	HTC002694	H A TH TUY T	14/04/1998	N	3.5	6.5				6.5	5.25	2.25	
2664	HTC002695	HOÀNG ÁNH TUY T	28/07/1998	N	4.25	6.5					3.5	2.85	
2665	HTC002696	HOÀNG TH TUY T	02/08/1998	N	2.75	8				7.25	5.75		
2666	HTC002697	HOÀNG TH TUY T	17/01/1998	N	5.5	7.5	5.6					2.23	
2667	HTC002698	L NG TH ÁNH TUY T	15/04/1998	N	4	6					4.75	1.5	
2668	HTC002699	MAI ÁNH TUY T	09/02/1995	N	4		5.4	6	7				
2669	HTC002700	NGUY N ÁNH TUY T	06/10/1998	N	3.75	6					5.25	1.88	

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2670	HTC002701	PH M TH ANH TUY T	29/09/1998	N	5	5	4.2					2.25	
2671	HTC002702	PH M TH TUY T	14/11/1998	N	4.25	5				6.25	3.25	1.88	
2672	HTC002703	T NG TH TUY T	16/07/1998	N	2.75	7.5				6.5	7.25	2.5	
2673	HTC002704	V TH TUY T	23/08/1998	N	5	5	4.4					2	
2674	HTC002705	L NG TH T I	23/02/1998	N	2.75	5.5			3.2		6.5		
2675	HTC002706	PH M TH T I	29/01/1998	N	3.75	5	4	3.8		7.5	7.25		
2676	HTC002707	HÀ M NH T NG	06/11/1998	Nam	5.25	5.5	6.6	5.2					
2677	HTC002708	NGUY N M NH T NG	17/04/1998	Nam	2.25	6				6.25	5.25	1.88	
2678	HTC002709	M NH T NG	08/11/1998	Nam	5.5	4.5	4.2	5				2.13	
2679	HTC002710	NGUY N V NT NG	01/07/1994	Nam		4				5.25	5		
2680	HTC002711	LÝ A T	20/08/1997	Nam	5.25		5	4					
2681	HTC002712	NÔNG V N ÚY	13/08/1997	Nam	5.75		5.8	5					
2682	HTC002713	D NG TH THU UYÊN	10/09/1998	N	2.5	7				6.75	5.75		
2683	HTC002714	HOÀNG TH THU UYÊN	17/09/1998	N	6	5		5.6	7				
2684	HTC002715	NGUY N TH PH NG UYÊN	07/02/1998	N	6	5.5	5.8	6.4				2.13	
2685	HTC002716	NGUY N TH THU UYÊN	14/07/1998	N	7	7.5	7.2	8.2				6.25	
2686	HTC002717	NGUY N TH THU UYÊN	15/02/1998	N	4	8				7.75	7.25	1.88	
2687	HTC002718	NGUY N TH THU UYÊN	26/02/1998	N	7	5	7.2	5.8				3.75	
2688	HTC002719	NGUY N THU UYÊN	18/08/1998	N	7.5	6.5	6.8					7.43	
2689	HTC002720	PH M H NG UYÊN	16/10/1997	N		8				9.75	7.25	3.28	
2690	HTC002721	PH M T UYÊN	27/11/1997	N	3.25	7.5				5.75	5.5		
2691	HTC002722	PHÙNG TH THU UYÊN	08/02/1998	N	6.5	4.5	7	7	5.8			3.25	
2692	HTC002723	TÔ TH T UYÊN	20/10/1998	N	4.25	5.5	3.6	5.8	5.2			2.63	
2693	HTC002724	TRỊ U TH UYÊN	08/12/1997	N	7.25		6.4	6.6	3.6				
2694	HTC002725	INH THU NG	29/03/1998	N	3.5	5.5					5.25	4.28	
2695	HTC002726	H NG TH VANG	26/02/1998	N	3.25	6				6.5	6.5		
2696	HTC002727	GIANG A VÀNG	30/06/1994	Nam		3				4.5	4.5		
2697	HTC002728	LY A VÀNG	10/08/1998	Nam	1.5	6				2.75	5		
2698	HTC002729	MÙA A VÀNG	27/06/1998	Nam	1.75	3.5	3.2	4.8	6				
2699	HTC002730	XUÂN V N	19/07/1998	Nam	4.25	5	5.8	4				2.63	
2700	HTC002731	NG HOÀI V N	22/11/1998	Nam	2.25	6	3.8	4.4				2.25	
2701	HTC002732	LÊ VI V N	15/01/1998	Nam	5.25	7.5				7.5	8.75	3.3	
2702	HTC002733	NGUY N TR NG V N	27/06/1996	Nam	6.5		7	6					

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2703	HTC002734	PH M TR N V N	10/08/1998	Nam	5	3		6	5.6			2.25	
2704	HTC002735	TRI U KIM V N	10/04/1995	Nam		7				6.25	7.25		
2705	HTC002736	BÙI TH VÂN	14/09/1998	N	1.5	7.5				7	7.5		
2706	HTC002737	INH TH VÂN	27/03/1998	N	1.75	5.5		2.2	2.8	8	4.5		
2707	HTC002738	OÀN TH VÂN	14/10/1998	N	4.25	5.5	5	5.6	5.4			2.23	
2708	HTC002739	HOÀNG H I VÂN	08/04/1998	N	4	5.5					4	2	
2709	HTC002740	HOÀNG TH ÁNH VÂN	29/01/1998	N	2.25	6.5				6.5	6	2.13	
2710	HTC002741	NGUY N BÍCH VÂN	19/02/1998	N	4.25	7					4.75	2.13	
2711	HTC002742	NGUY N LINH VÂN	30/07/1998	N	6.75	8.5					7	8.93	
2712	HTC002743	NGUY N TH KI U VÂN	29/08/1997	N	6	7	5					5.58	
2713	HTC002744	NH TH H NG VÂN	26/08/1998	N	4.5	4		4.4	5.6			3.25	
2714	HTC002745	PH M TH H NG VÂN	12/10/1998	N	1.25	5.5					4.25	2.15	
2715	HTC002746	PH M TH VÂN	06/11/1996	N		7.5				8.75	8.5		
2716	HTC002747	SÙNG KHÁNH VÂN	05/12/1998	N	2.25	7.5	3.6					4.13	
2717	HTC002748	TR NH VÂN	04/12/1998	N	7.5	5	8.4	7.2				4.5	
2718	HTC002749	TR NH NG VÂN	12/10/1997	N	6	8						5.53	
2719	HTC002750	TR N TH KI U VÂN	01/09/1998	N	2.25	4.5					5.25	2.63	
2720	HTC002751	NGUY N V N V	18/03/1997	Nam	2		5.6	5.4					
2721	HTC002752	TR N TH KIM V	09/01/1998	N	4.75	4	4	6				2.38	
2722	HTC002753	NGUY N ÌNH VIÊN	20/10/1993	Nam		6				6.25	7.75		
2723	HTC002754	V NG TH VI N	04/09/1997	N	3	6	2	4.6	3.6			2.38	
2724	HTC002755	HOÀNG TR NG VI N	18/03/1998	Nam	1.75	7.5				5	4.75		
2725	HTC002756	BÙI QU C VI T	04/02/1997	Nam	2	2					2	3.13	
2726	HTC002757	HOÀNG QU C VI T	06/06/1998	Nam	3.75	5	4.4	4.6					
2727	HTC002758	HOÀNG QU C VI T	09/01/1998	Nam	2.75	3.5	6.2	6				3.08	
2728	HTC002759	LỄ QUANG VI T	21/06/1997	Nam		6				7.25	5.75		
2729	HTC002760	L U PHÍ VI T	12/07/1998	Nam	3.75	5		5.6	4.4				
2730	HTC002761	NGUY N TH BÍCH VI T	01/07/1998	N	6.25	6.5	7.8	6.4	4.8			2.85	
2731	HTC002762	PHAN TI N VI T	10/09/1998	Nam	6.25	4.5	7	4				2.63	
2732	HTC002763	PH M DUY VI T	17/09/1998	Nam	5.25	3	4.8	5				3	
2733	HTC002764	PH M HÀ VI T	15/12/1998	Nam	1.25	7.5				6.25	6.5	2.25	
2734	HTC002765	TRI U C VI T	14/09/1998	Nam	1.75	6.5				6	4.75	3.05	
2735	HTC002766	BÙI CÔNG VINH	16/12/1996	Nam		3				5.5	6		

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2736	HTC002767	BÙI QUANG VINH	18/02/1995	Nam		5.5				6.25	6		
2737	HTC002768	QUANG VINH	06/11/1997	Nam	2.5	2.5					2	2.5	
2738	HTC002769	OÀN V N VINH	30/01/1998	Nam	0	6				5.5	5.5	1.75	
2739	HTC002771	NGUY N QUANG VINH	01/11/1998	Nam	7.75	5.5	8.8					7.4	
2740	HTC002772	NGUY N QUANG VINH	07/02/1998	Nam	7.5	3.5		8	7			4.15	
2741	HTC002773	PH M QUANG VINH	19/12/1998	Nam	6	5.5	6.2					6.33	
2742	HTC002774	TR N V N VINH	04/05/1998	Nam	3.25	3	2.8	3.8	6			2.25	
2743	HTC002775	CAO NGUYỄN V	07/07/1998	Nam	5.75	6	7.2					7.6	
2744	HTC002776	NG TH V	14/04/1998	Nam	7.25	5	6.8	5.4					
2745	HTC002777	HÀ MINH V	23/06/1998	Nam	1.5	3	4.8	4				2.9	
2746	HTC002778	LÊ NG C V	05/09/1998	Nam	2.25	4	2.4	3			4.75	2.48	
2747	HTC002779	LÊ NGUYỄN V	18/05/1997	Nam		4				4.5	5.75		
2748	HTC002780	NGUY N TU N V	08/05/1995	Nam		7				8	7.75		
2749	HTC002781	NGUY N TU N V	29/10/1997	Nam	4.5		2.2	5.6	5.2				
2750	HTC002782	PH M ANH V	24/06/1997	Nam	5.5		7.4	6.4					
2751	HTC002783	T NG HOÀNG V	17/03/1993	Nam		4.5				6.75	6.75		
2752	HTC002784	TRI U SINH V	09/07/1997	Nam		6				4.25	6.5		
2753	HTC002785	NG V N VUI	02/10/1998	Nam	2	5				6.75	6.75	2.13	
2754	HTC002786	NG V N V N	18/07/1997	Nam	2	5	3.2	4	4.6				
2755	HTC002787	NG TI N V NG	21/09/1997	Nam	0.75	4						1.88	
2756	HTC002788	HOÀNG ÌNH V NG	30/06/1998	Nam	1.5	5.5				6	6.5	2.38	
2757	HTC002789	NGỒ TI N V NG	22/03/1997	Nam	5.5		7	5.4					
2758	HTC002790	NGUY N TH V NG	27/11/1998	N	6	6	6.6	6.8				5.33	
2759	HTC002791	NÔNG THANH V NG	26/06/1997	Nam	6.75		6	5.8				3.3	
2760	HTC002792	ÌNH TH TH O VY	09/12/1998	N	2.75	7.5				7.5	8.5		
2761	HTC002793	HOÀNG LÊ VY	25/04/1998	N	5.75	7.5	6.4					4.78	
2762	HTC002794	NGUY N TH HÀ VY	26/10/1998	N	7	8					5	3.9	
2763	HTC002795	TR N TH TH O VY	28/04/1998	N	8	7.5	5.4					7.85	
2764	HTC002796	HÀ NG C V	19/07/1998	Nam	5	5.5	2.8					3.35	
2765	HTC002797	GIANG A XÀNG	19/03/1998	Nam	4.5	4	5.4	3.8					
2766	HTC002798	LÊ TH THANH XUÂN	15/02/1998	N	2.25	7				8.25	8.75	2	
2767	HTC002799	NGUY N TH QU NH XUÂN	04/02/1998	N	5.75	6.5	3.6					3.55	
2768	HTC002800	HOÀNG TH XUYỀN	20/02/1998	N	5.75	7	7	4.2					

TT	SBD	H tên	Ngày sinh	Gi i tính	Toán	V n	Lí	Hóa	Sinh	S	a	Ngo i ng	Ghi chú
2769	HTC002801	HOÀNG V N YÊN	30/04/1998	Nam	3.5	3.5	3.8	3.6					
2770	HTC002802	PH M TH YÊN	08/08/1997	N	3		3.6	5.6					
2771	HTC002803	ÀO TH H I Y N	17/07/1998	N	6	6	6.6	5.6				2.35	
2772	HTC002804	NGH I Y N	05/10/1998	N	4.75	5	3.2	5				2.43	
2773	HTC002805	HÀ TH Y N	09/08/1998	N	2	4		4.2	4		4.75	1.88	
2774	HTC002806	HOÀNG TH H I Y N	15/01/1998	N	4.75	6.5		4	6				
2775	HTC002807	HOÀNG TH Y N	27/01/1998	N	3.75	6	2.8	5				2	
2776	HTC002808	LÀ TH H I Y N	24/08/1998	N	4	6	3.6	4.2	3.8			2.88	
2777	HTC002809	L C TH H I Y N	04/10/1998	N	4	6.5	5.4	7.4	6.8				
2778	HTC002810	L C TH H I Y N	26/02/1997	N	4.75			5	6.6				
2779	HTC002811	LÊ H I Y N	25/10/1998	N	7.75	5.5		7.2	7.6			3.13	
2780	HTC002812	LÊ HOÀNG Y N	19/06/1998	N	7.25	5.5	8	8	6.4			4.33	
2781	HTC002813	LÔ H I Y N	20/05/1998	N	2.25	7.5					5.75	2.73	
2782	HTC002814	NGUY NH I Y N	03/10/1998	N	4.75	7	3.8	3.4			3.75	2.25	
2783	HTC002815	NGUY N TH H I Y N	09/11/1998	N	3.25	7.5				6	7.5	2.38	
2784	HTC002816	NGUY N TH H I Y N	13/07/1998	N	6	6.5		4.8	5			1.75	
2785	HTC002817	NGUY N TH H I Y N	20/07/1998	N	2.5	2.5		3.4	3.4			2.38	
2786	HTC002818	NGUY N TH Y N	21/11/1998	N	6	7	3.8					4.08	
2787	HTC002819	NÔNG TH H I Y N	20/07/1998	N	5	6.5	6	5				2.68	
2788	HTC002820	TR N TH Y N	04/01/1998	N	5	7	5	4.6				3.13	
2789	HTC002821	TR NG B O Y N	26/02/1998	N	7.5	8	5.4					8.6	

(T ng s thí sinh trong danh sách là 2789 ng i)

Hà N i, ngày 19 tháng 7 n m 2016

CH T CH H I NG THI
GIÁM CH C VI N

TR NG BAN CH M THI
PHÓ GIÁM CH C VI N

TH NG TR CH I NG THI
TR NG BAN KT&QLCL

PGS.,TS. Nguy n Tr ng C

PGS.,TS. Ph m V n Liên

ThS. Ph m Trung Kiên